177.
D 311T

G. I. DIN-TREN-CÔ

PHÊ PHÁN

CHỦ NGHĨA XÉT LẠI HIỆN ĐẠI TRONG LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ KINH TẾ HỌC

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT
HÀ-NỘI

107.2.5+33(09)
D-311 Tr.

G. I. DIN-TREN-CÔ

PHÊ PHÁN
CHỦ NGHĨA XÉT LẠI HIỆN ĐẠI TRONG LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ KINH TẾ HỌC

77CT 1286

602 1A

THƯ VIỆN TRƯỜNG
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 1
17947

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT
HÀ-NỘI — 1961

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Chủ nghĩa xét lại là nguy cơ chủ yếu trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Đấu tranh kiên quyết chống chủ nghĩa xét lại là một đảm bảo cho phong trào cộng sản và công nhân phát triển và củng cố hơn nữa về mặt tư tưởng và tổ chức. Đó cũng chính là nhiệm vụ bức thiết của tất cả các đảng Mác—Lê-nin trong giai đoạn hiện nay.

Xuất bản cuốn sách của đồng chí Din-tren-cô «Phê phán chủ nghĩa xét lại hiện đại trong lĩnh vực chính trị kinh tế học» (bản tiếng Nga, do Nhà xuất bản kinh tế — xã hội Liên-xô xuất bản tại Mát-scơ-va năm 1959), chúng tôi nhằm giúp bạn đọc thấy rõ nguồn gốc kinh tế và xã hội của chủ nghĩa xét lại, những luận điểm chủ yếu của bọn xét lại trong lĩnh vực kinh tế, cũng như cuộc đấu tranh của các đảng cộng sản và công nhân nhằm bảo vệ lý luận kinh tế của chủ nghĩa Mác—Lê-nin.

Chúng tôi nghĩ rằng sau khi thấy rõ bộ mặt thật của bọn xét lại trong lĩnh vực kinh tế, chúng ta càng thêm tin tưởng vào những nguyên lý xây dựng kinh tế của chủ nghĩa Mác—Lê-nin mà Đảng ta tuyệt đối trung thành và đang áp dụng thắng lợi vào công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta.

Tháng 8 năm 1961

SỰ THẬT

I. NGUỒN GỐC KINH TẾ VÀ XÃ HỘI CỦA CHỦ NGHĨA XÉT LẠI VÀ NHỮNG NGUYÊN NHÂN LÀM CHO NÓ TÍCH CỰC HOẠT ĐỘNG TRONG THỜI ĐẠI HIỆN NAY

Đã từ lâu mọi người đều biết rằng, kẻ thù nguy hiểm nhất không phải là kẻ đấu tranh công khai trực diện, mà là kẻ ngoài miệng tỏ ra thân thiện nhưng thực tế thì tấn công từ bên sườn. Điều đó thích hợp với bọn xét lại hiện đại là kẻ thù giấu mặt, và vì vậy, là kẻ thù hung ác nhất của giai cấp công nhân. Mỗi một khi gặp cơ hội thuận tiện, bọn xét lại bèn ra sức nhấn mạnh lòng « trung thành » của chúng đối với chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Hơn nữa, bọn chúng còn kết tội một số người trong các đảng cộng sản và công nhân, thậm chí kết tội cả các đảng về bệnh giáo điều, xa rời chủ nghĩa Mác. Nhưng nếu phân tích lý luận và thực tiễn của bọn xét lại thì sẽ vạch rõ được bộ mặt thật của bọn chúng. Nhận xét sau đây của Lê-nin về chủ nghĩa xét lại « cũ » là hoàn toàn thích hợp với chủ nghĩa xét lại hiện đại: « Trên thực tế thì hoàn toàn xa rời chủ nghĩa duy vật biện chứng, tức chủ nghĩa Mác. Trên lời nói thì đầy dẫy những thủ đoạn quanh co, mưu đồ bỏ qua thực chất của vấn đề, che đậy sự thoái lui của mình... » [1].

---

1. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, t. 14, tr. 8.

Trong bản Tuyên bố của hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa họp ở Mát-scơ-va từ 14 đến 16 tháng 11 năm 1957, đã xác định dứt khoát thực chất của chủ nghĩa xét lại hiện đại. Trong văn kiện lịch sử đó đã nhận xét chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh, là sự «biểu hiện của hệ tư tưởng tư sản, nó làm tê liệt nghị lực cách mạng của giai cấp công nhân, nó yêu cầu duy trì hay phục hồi chủ nghĩa tư bản».

Chủ nghĩa Mác là hệ tư tưởng của giai cấp cách mạng nhất trên thế giới — giai cấp vô sản. Nó ra đời và lớn lên trong cuộc đấu tranh với các trào lưu thù địch. Những kẻ đại biểu cho các trào lưu đó mưu đồ dùng mọi cách để đánh đổ chủ nghĩa Mác. Nhưng, vì phản ánh những nhu cầu đã chín muồi của sự phát triển xã hội, chủ nghĩa Mác đã mở được đường đi tới với một sức mạnh không gì cản nổi. Những kẻ thù công khai của chủ nghĩa Mác đã bị phá sản. Thắng lợi của chủ nghĩa Mác dẫn đến kết quả là những kẻ thù địch với chủ nghĩa Mác phải ngụy trang, làm ra bộ dạng người mác-xít. Ngoài miệng bọn chúng tự nhận mình là người mác-xít, nhưng trên thực tế thì trung thành phục vụ cho lợi ích của giai cấp tư sản.

Không thể chống lại ảnh hưởng ngày càng to lớn của hệ tư tưởng mác-xít đối với trí tuệ của hàng triệu người, giai cấp tư sản buộc phải dùng đến những mưu mẹo xảo quyệt. Bọn chúng ra sức phái những tên gián điệp của chúng—bọn theo chủ nghĩa xét lại—vào trong hàng ngũ giai cấp công nhân.

Mọi người đều biết rõ câu chuyện cổ tích về con ngựa thành Tơ-roa. Không thể dùng bao vây và xung phong để chiếm thành Tơ-roa, quân địch bèn «tặng» cho nhân dân thành Tơ-roa những con ngựa gỗ, trong đó

có giấu người của mình để những người này đến đêm sẽ mở cửa thành. Giống như kẻ thù của thành Tơ-roa, bọn xét lại hoạt động bằng những phương pháp nham hiểm nhất. Mục đích chủ yếu của chúng là làm thoái hóa các đảng cách mạng từ bên trong, phá hoại sự thống nhất của các đảng ấy, tước bỏ bản chất cách mạng của hệ tư tưởng Mác — Lê-nin.

Chủ nghĩa xét lại là hầm trú ẩn về tư tưởng và lý luận của hệ tư tưởng tư sản và cải lương công khai, nó ra đời vào cuối thế kỷ XIX. Thủy tổ của nó là E-đu-a Béc-stanh — lãnh tụ phái hữu của Đảng xã hội — dân chủ Đức. Những khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa của Béc-stanh đã bắt đầu xuất hiện ngay từ khi Mác — Ăng-ghen còn sống. Sau khi Ăng-ghen mất, chẳng bao lâu Béc-stanh nấp dưới chiêu bài «cải tiến» và «bổ sung» một phần nào chủ nghĩa Mác, đã công khai xét lại chủ nghĩa Mác. Nhưng đằng sau những sự «sửa chữa» đó, ẩn giấu một mưu đồ hòng tước bỏ nội dung cách mạng của chủ nghĩa Mác, biến chủ nghĩa Mác thành một «pho tượng thánh» thiêng liêng, không có hại gì cho giai cấp tư sản [1].

Sự ra đời của chủ nghĩa xét lại không phải là một điều ngẫu nhiên. Cơ sở của nó là những nguyên nhân khách quan mà Lê-nin đã vạch ra một cách hoàn toàn đầy đủ. Trước hết, Lê-nin vạch rõ nguồn gốc xã hội và giai cấp của chủ nghĩa xét lại trong phong trào công nhân các nước tư bản. Trong mỗi một nước tư bản, ngoài giai cấp vô sản ra, còn có những tầng lớp tiểu tư sản vô cùng đông đảo. Trong điều kiện của thực tiễn tư bản chủ nghĩa, những chủ xí nghiệp hạng nhỏ và hạng vừa không cạnh tranh nổi với những chủ xí

1. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, t. 21, tr.198.

nghiệp hạng lớn, đành chịu phá sản và rơi xuống hàng ngũ giai cấp công nhân. Ngoài ra, một số trí thức, trong chế độ tư bản chủ nghĩa không có khả năng thực hiện những sự hiểu biết và năng lực của mình, cũng bị cuốn vào đội quân vô sản. Những người tiểu tư sản bị phá sản đó cũng như những phần tử trí thức tư sản, mang thế giới quan tiểu tư sản vào trong giai cấp công nhân và chính đảng của nó. Về vấn đề đó, Lê-nin viết : « Hoàn toàn tự nhiên rằng thế giới quan tiểu tư sản ngày càng xâm nhập vào trong hàng ngũ các chính đảng công nhân đông đảo »[1].

Ai cũng biết rằng, bất cứ một hiện tượng xã hội nào cũng đều trực tiếp, hay suy cho cùng, quyết định bởi các nhân tố kinh tế. Sự tồn tại của chủ nghĩa xét lại cũng là kết quả của những điều kiện kinh tế nhất định — điều kiện của thời đại đế quốc chủ nghĩa. Việc giai cấp tư sản dùng một phần lợi nhuận lũng đoạn cao để mua chuộc tầng lớp trên trong giai cấp công nhân, là cơ sở kinh tế làm cho chủ nghĩa xét lại sinh ra và phát triển trong các nước tư bản. « Từ số lợi nhuận siêu ngạch đó, bọn tư bản *có thể* trích ra một phần (thậm chí một phần không nhỏ!) để mua chuộc những người công nhân *của mình*, tạo nên một cái na ná như sự liên minh... giữa công nhân của dân tộc đó với các nhà tư bản để *chống lại* các nước khác ».[2]

Cần phải thấy rằng cái gọi là « công nhân quý tộc » — tầng lớp trên của giai cấp công nhân bị giai cấp tư sản mua chuộc — lần đầu tiên xuất hiện ở Anh, ngay trong thời đại chủ nghĩa tư bản trước lũng đoạn. Những đặc điểm lịch sử của sự phát triển của chủ nghĩa tư bản

---

1. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, t. 15, tr.25.
2. *Sách đã dẫn* t. 23, tr.103.

Anh, trước hết biểu hiện ở chỗ: Anh có rất nhiều thuộc địa, giai cấp tư sản Anh đã thu được lợi nhuận lũng đoạn từ lâu (do có địa vị lũng đoạn trên thị trường thế giới), đó là nguyên nhân làm nảy nở công nhân quý tộc ở Anh. Trong bức thư gửi cho Mác ngày 7-11-1858, Ăng-ghen viết: «... Giai cấp vô sản Anh, về thực tế, ngày càng tư sản hóa hơn, bởi vì hình như bản thân giai cấp tư sản đó—hơn ai hết—cuối cùng muốn có một tầng lớp quý tộc tư sản và một giai cấp vô sản tư sản *bên cạnh* giai cấp tư sản. Cố nhiên, đứng về phía dân tộc đi bóc lột toàn thế giới mà nói, thì điều đó — trên một chừng mực nhất định — là hợp lý»[1].

Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, trong bất cứ nước tư bản phát triển nào cũng đều có cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa cải lương. Tập đoàn tư bản tài chính đầu sỏ, trong khi bóc lột giai cấp công nhân nước mình và quần chúng lao động các nước phụ thuộc, đều dành ra một phần nhỏ lợi nhuận lũng đoạn cao để mua chuộc một bộ phận nào đó trong giai cấp vô sản. Những tầng lớp trên đó của giai cấp công nhân, hay như Ăng-ghen nói: «các đảng công nhân tư sản», là kẻ truyền bá hệ tư tưởng tư sản vào trong giai cấp công nhân. Tầng lớp người đó, xuất thân từ những nhân vật xã hội-dân chủ hoạt động trong nghị viện, công đoàn, v.v., làm lợi cho giai cấp tư sản. Bọn chúng đầu độc ý thức công nhân bằng những lời tuyên truyền giả dối về hòa bình giai cấp.

Kể từ khi mới ra đời, chủ nghĩa Mác đã gặp phải sự tấn công vô cùng ác liệt của những người «phê phán» đủ các loại. Nhưng chưa bao giờ sự tấn công của kẻ thù vào chủ nghĩa Mác lại mạnh mẽ như bây giờ.

---

1. Mác và Ăng-ghen: *Thư chọn lọc*, tiếng Nga, 1953, tr.105.

Trong những năm vừa qua, những phần tử xét lại đã mưu đồ ngóc đầu dậy trong nhiều đảng cộng sản và công nhân anh em. Những sự tấn công đó của bọn xét lại có tính chất nghiêm trọng.

Vậy thì những nguyên nhân chủ yếu nào làm cho bọn xét lại tích cực hoạt động trong thời đại hiện nay?

Có nhiều nguyên nhân làm sống lại chủ nghĩa xét lại hiện đại. Trước hết, đó là hậu quả trực tiếp của những đặc điểm phát triển của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa trong thời kỳ sau chiến tranh, đồng thời đó cũng là kết quả của những thay đổi về sự sắp xếp lực lượng giai cấp trên vũ đài quốc tế. Vấn đề là như sau: trong mấy năm sau chiến tranh, trong các nước tư bản phát triển, tình hình kinh tế có tiến triển. Đó là do những nhân tố tạm thời như: đổi mới tư bản cố định, quân sự hóa kinh tế, chạy đua vũ trang (được đặc biệt tăng cường sau khi bắt đầu cuộc chiến tranh ở Triều-tiên), mở rộng sự bành trướng về kinh tế, v. v. Trong điều kiện nền kinh tế có sự phát triển nhất định, giai cấp công nhân một số nước được tăng lương phần nào. Trong những năm chiến tranh, tiền lương thực tế của giai cấp công nhân bị giảm sút nghiêm trọng, nay dần dần đi sát gần tới mức trước chiến tranh.

Đời sống thực tế đã chứng tỏ rằng: sự «phồn vinh» sau chiến tranh trong các nước tư bản, chủ yếu dựa vào chạy đua vũ trang và các nhân tố tạm thời khác, không phải là một hiện tượng lâu dài. Nhưng trong điều kiện công nghiệp phát triển, một bộ phận công nhân nào đó của các nước tư bản chủ yếu, có công ăn việc làm tương đối ổn định, cho nên sinh ra ảo tưởng về khả năng cải thiện hoàn cảnh kinh tế của công nhân trong điều kiện chủ nghĩa tư bản mà không cần có đấu tranh chính trị, sinh ra hy vọng rằng sẽ không còn khủng hoảng

kinh tế nữa, nạn thất nghiệp đông đảo đã lùi về quá khứ. Cố nhiên những tâm trạng đó là miếng đất rất tốt cho chủ nghĩa xét lại trong phong trào công nhân.

Một số thay đổi trong thành phần giai cấp công nhân và chính đảng của nó, cũng có tác dụng không kém phần quan trọng đối với việc tăng cường khuynh hướng xét lại. Ai cũng biết rằng trong những năm sau chiến tranh, hàng ngũ của giai cấp công nhân được bổ sung rất nhiều do có những người xuất thân từ các tầng lớp tiểu tư sản, nhất là do có những nông dân, thương nhân, thủ công v.v. bị phá sản. Người nông dân và thương nhân hôm qua, sau khi trở thành công nhân, cố nhiên trong một thời gian — về mặt quan điểm — vẫn là người tiểu tư sản.

Những sự thay đổi trong thành phần của giai cấp công nhân không thể không đụng chạm đến cả các đảng cộng sản và công nhân trong các nước tư bản chủ nghĩa. Có một số phần tử không kiên định cũng tham gia vào hàng ngũ đảng; khi gặp những khó khăn đầu tiên, họ đã nghiêng ngả và bắt đầu la ó về «sự khủng hoảng của chủ nghĩa cộng sản». Điều đó biểu hiện đặc biệt rõ ràng trong thời kỳ xảy ra sự kiện Hung-ga-ri năm 1956 Không phân tích được bản chất thực tế của sự kiện đó, một số đảng viên «cộng sản» trí thức bèn tuyên bố xin ra đảng cộng sản. Một số người trong bọn họ chuyển sang con đường trực tiếp phản bội, công khai gia nhập vào mặt trận đế quốc chủ nghĩa.

Khi nói đến nguồn gốc của chủ nghĩa xét lại hiện đại, không thể không chú ý đến một tình hình sau đây. Hệ tư tưởng Mác — Lê-nin ngày càng chiếm được trí tuệ của nhiều người trên khắp thế giới. Đồng thời, giai cấp tư sản — chính bọn tư tưởng gia của nó đã thừa

nhận — «thiếu những tư tưởng lớn». Nói một cách khác, nó không thể đề ra những tư tưởng có thể lôi kéo quần chúng lao động đứng về phía nó. Trong những điều kiện như vậy, giai cấp tư sản muốn lợi dụng mọi thủ đoạn để ngăn cản sự tiến triển thắng lợi của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Với mục đích đó, chúng phái vào trong hàng ngũ giai cấp công nhân đủ các loại tay sai để thi hành «đơn đặt hàng» xã hội của chúng. Bọn tay sai của giai cấp tư sản, đôi khi chui được vào trong các chính đảng mác-xít, ra sức đội lốt «cải tiến» và «phát triển» chủ nghĩa Mác để xóa bỏ nội dung cách mạng của nó và làm cho nó thích hợp với nhu cầu của giai cấp tư sản.

Đó là những nguyên nhân chủ yếu (hoàn toàn chưa đầy đủ) làm cho chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh tích cực hoạt động trong các đảng cộng sản và công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa.

Như mọi người đều biết, trong các nước xã hội chủ nghĩa đã thủ tiêu chế độ người bóc lột người, sức lao động của con người không còn là hàng hóa nữa và đã xóa bỏ khả năng dùng lợi nhuận lũng đoạn cao để mua chuộc một bộ phận công nhân nào đó. Vì vậy, trong xã hội xã hội chủ nghĩa không còn có những nguyên nhân khách quan để làm sản sinh ra chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân các nước tư sản. Đồng thời, trong các đảng cộng sản và công nhân các nước đương xây dựng chủ nghĩa xã hội, lại có những nguồn gốc bên trong và bên ngoài của chủ nghĩa xét lại. Những nguồn gốc đó là gì? Tính chất của nó như thế nào?

Ai cũng biết rằng, sau thắng lợi của cách mạng vô sản là bắt đầu một thời đại lịch sử xây dựng nền tảng của kinh tế xã hội chủ nghĩa, cải tạo căn bản tất cả

các quan hệ xã hội. Thời đại đó gọi là thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Kinh tế của thời kỳ quá độ là một nền kinh tế gồm nhiều thành phần. Điều đó có nghĩa là, bên cạnh thành phần xã hội chủ nghĩa giữ địa vị thống trị trong kinh tế, còn có những hình thức kinh tế khác do quá khứ để lại, xây dựng trên cơ sở chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất.

Những nước bắt đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, thông thường có trình độ kinh tế khác nhau, có những đặc điểm này hay đặc điểm nọ,v.v. Do đó, trong một nước nào đó có thể có những thành phần kinh tế mà nước khác không có. Nhưng, như Lê-nin đã vạch ra và kinh nghiệm lịch sử đã chứng minh, trong mỗi nước ở thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội đều có các thành phần cơ bản sau đây: chủ nghĩa xã hội, sản xuất hàng hóa nhỏ và chủ nghĩa tư bản tư doanh. Đằng sau những thành phần kinh tế đó có các giai cấp: công nhân, nông dân và tư sản.

Trong thời kỳ quá độ, giai cấp công nhân và nông dân là những giai cấp cơ bản. Nhưng ảnh hưởng của giai cấp tư sản trong xã hội đương còn lớn: nó có các nguồn tiền của và vật tư, trận địa quốc tế của nó còn mạnh. Ngoài ra, giai cấp tư hữu nhỏ và một bộ phận trí thức trước đây phục vụ cho chủ nghĩa tư bản, nay còn ủng hộ hệ tư tưởng tư sản. Trong xã hội mới còn có những tàn dư của thế giới cũ ; trong ý thức của con người, trong một thời gian dài, còn mang khá nặng những tàn tích của chủ nghĩa tư bản. Tất cả những điều đó gộp lại, không thể không phản ánh vào trong ý thức của một số nhóm công nhân. Thế giới quan tư sản có thể xâm nhập vào hàng ngũ công nhân bằng nhiều con đường khác nhau. Sự tồn tại của ảnh hưởng tư sản là nguồn gốc bên trong của chủ nghĩa xét lại.

Những khó khăn nảy ra trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội là một trong những nguyên nhân làm xuất hiện những phần tử xét lại trong một số đảng cộng sản và công nhân ở các nước xã hội chủ nghĩa. Những chiến sĩ kiên định đấu tranh cho sự nghiệp cộng sản chủ nghĩa và những phần tử tiểu tư sản không kiên định, có nhận thức khác nhau trước những khó khăn đó. Những phần tử tiểu tư sản không kiên định, đứng trước những khó khăn đó, mất hết tin tưởng vào tiền đồ xây dựng chủ nghĩa xã hội, rời bỏ những nguyên lý quan trọng nhất của lý luận Mác — Lê-nin, đòi thực hiện một chính sách đầu hàng, về thực chất, nhằm phục hồi chủ nghĩa tư bản.

Nhưng việc làm sống lại chủ nghĩa xét lại trong các nước xã hội chủ nghĩa, không phải chỉ do những nguyên nhân bên trong quyết định. Ảnh hưởng của các nước đế quốc tác động vào các nước xã hội chủ nghĩa, cũng là một nguồn gốc không kém phần quan trọng của chủ nghĩa xét lại. Để đạt mục đích ấy, bọn chúng dùng đủ mọi thủ đoạn và phương tiện về tư tưởng cũng như về kinh tế.

Trong toàn bộ lịch sử, chưa bao giờ bọn tư bản lại không có một bộ máy tuyên truyền mạnh mẽ để gieo nọc độc tư tưởng tư sản vào trong ý thức của nhân dân lao động. Hiện nay, chỉ riêng cơ quan thông tấn Mỹ (do chính phủ Mỹ chỉ huy) cũng đã có 217 « trung tâm thông tin » ở 76 nước trên thế giới. Cơ quan thông tấn đó phát hành ở nước ngoài 25 tờ báo hàng ngày và tạp chí với tổng số phát hành là mấy triệu bản. Cơ quan thông tấn này còn có một đài truyền thanh mạnh « Tiếng nói Huê-kỳ » phát thanh bằng 43 thứ tiếng qua 78 máy phát thanh. Ở Tây Đức và ở các cường quốc đế quốc khác cũng có những tổ chức chuyên môn làm nghề vu khống

các nước xã hội chủ nghĩa và gây khiêu khích. Bộ máy tuyên truyền của giai cấp tư sản tập trung sức lực chủ yếu vào việc nói xấu hệ thống xã hội chủ nghĩa, đánh lạc hướng nhân dân lao động.

Những phần tử không kiên định, chịu ảnh hưởng của tuyên truyền tư sản, đầu hàng trước áp lực của chủ nghĩa đế quốc. Đó là nguồn gốc bên ngoài của chủ nghĩa xét lại.

Chủ nghĩa dân tộc tư sản mà bọn đế quốc và tay chân của chúng tăng cường quảng cáo, cũng là một trong những nguồn gốc của chủ nghĩa xét lại. Lợi dụng những tình cảm dân tộc hẹp hòi và những biểu hiện của sự ác cảm dân tộc ở một số người lạc hậu, bọn đế quốc muốn gieo rắc sự thù hằn giữa nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa, gây nên sự bất hòa giữa các đảng cộng sản và công nhân. Đặc biệt, khẩu hiệu « chủ nghĩa cộng sản dân tộc » do giai cấp tư sản đề ra, là nhằm phục vụ cho mục đích ấy. Bọn xét lại lấy đó làm vũ khí của mình và mưu đồ dùng nó làm căn cứ « lý luận » để giải thích những con đường « đặc biệt » trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Như mọi người đều biết, chủ nghĩa xét lại hiện đại được phổ biến rộng rãi nhất ở Nam-tư, đó là do những nguyên nhân khách quan và chủ quan quyết định.

Nam-tư là một nước mà thành phần tư hữu chiếm địa vị khá lớn trong kinh tế, nhất là trong nông nghiệp. Ví dụ, hiện nay chỉ có gần 2% dân cư nông thôn là tham gia các hình thức hợp tác xã sản xuất. Trong nông thôn Nam-tư đang xảy ra quá trình phân hóa nông dân cực mạnh, tầng lớp tiểu chủ ngày càng nhiều, tầng lớp phú nông ngày càng bành trướng. Trong vòng 5 năm (từ 1952 đến 1957), số nông hộ tăng thêm 370.000, cộng tất cả là 2.332.000; cũng trong thời gian đó, số

hộ phú nông tăng thêm 37.000, cộng tất cả là 317.000. Ngoài ra, ở Nam-tư còn có nhiều xưởng thủ công; căn cứ vào tính chất của nó thì đó chủ yếu là những xí nghiệp tư nhân. Tính tự phát tiểu tư sản đó có ảnh hưởng lớn đến giai cấp công nhân và Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư.

Ảnh hưởng của tư bản Mỹ và các tư bản nước ngoài đối với Nam-tư, cũng là một nguồn gốc không kém phần quan trọng làm cho chủ nghĩa xét lại hoạt động mạnh trong Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư.

Hiện nay đã xuất hiện và phát triển nhiều hình thức mua chuộc mới mà giai cấp tư sản đế quốc thường dùng. Bọn lũng đoạn ở Mỹ và ở các nước đế quốc khác, không thỏa mãn với tình hình là chỉ trong nước của chúng mới có bọn tay sai đáng tin cậy trong phong trào công nhân. Bọn chúng còn muốn tìm kiếm những phần tử không kiên định ở các nước khác nữa. Để đạt mục đích ấy, bọn đế quốc mưu đồ sử dụng cái gọi là «viện trợ kinh tế». Đặc biệt bọn chúng thích cho Nam-tư vay rất nhiều, hy vọng rằng dùng sự «viện trợ» đó làm công cụ để phá vỡ sự thống nhất của các nước xã hội chủ nghĩa.

Bọn xét lại hiện đại cũng như những người tiền bối của chúng, mưu đồ tước bỏ nội dung cách mạng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Bọn chúng khẳng định rằng những tài liệu về tình hình thực tế của chủ nghĩa tư bản hiện đại không chứng thực học thuyết của Mác là đúng, cho nên bọn chúng tuyên bố rằng những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã «lỗi thời». Bọn xét lại đấu tranh chống tất cả các bộ phận cấu thành của lý luận mác-xít: triết học, chính trị kinh tế học và chủ nghĩa xã hội khoa học.

Thực chất của chủ nghĩa xét lại hiện đại trong lĩnh vực chính trị kinh tế học, trước hết biểu hiện ở chỗ lý tưởng hóa chủ nghĩa tư bản, ca tụng chủ nghĩa tư bản. Bọn xét lại che đậy những ung nhọt của chủ nghĩa tư bản hiện đại và gán cho nó những tên rất kêu như «chủ nghĩa tư bản nhân dân», «chủ nghĩa tư bản dân chủ» v.v. Trong khi chứng minh những quan điểm của mình về sự thay đổi thực chất của chủ nghĩa tư bản trong thời đại ngày nay, bọn phản mác-xít đòi xét lại những nguyên lý căn bản của lý luận kinh tế Mác — Lê-nin: học thuyết về giá trị và giá trị thặng dư; học thuyết về tính tất yếu của khủng hoảng sản xuất thừa dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, v.v. Bị tấn công đặc biệt nhiều nhất là lý luận của chủ nghĩa Mác về sự bần cùng hóa tương đối và tuyệt đối của giai cấp vô sản.

Nhưng bọn phản mác-xít không phải chỉ xét lại chính trị kinh tế học phần chủ nghĩa tư bản, mà bọn chúng còn tấn công kịch liệt vào chính trị kinh tế học phần chủ nghĩa xã hội. Trong phần này, chủ nghĩa Mác — Lê-nin bị xét lại về nhiều mặt: bọn xét lại phủ nhận tính tất yếu của sự quá độ bằng cách mạng từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội, bọn chúng đấu tranh chống vai trò lãnh đạo của Nhà nước xã hội chủ nghĩa trong việc phát triển kinh tế và từ đó, cho sự hoạt động của quy luật giá trị là có tác dụng quyết định, bọn chúng ra sức vu khống chủ nghĩa xã hội, xuyên tạc thực chất của chủ nghĩa xã hội.

77CT 1286

Tóm lại, bọn phản mác-xít mưu đồ xét lại tất cả các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác—Lê-nin nói chung và lý luận kinh tế của nó nói riêng.

Trong bản Tuyên bố của hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa đã nhấn rất mạnh rằng trong những điều kiện hiện nay, chủ

602 1A
17948

nghĩa xét lại hay chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh là nguy cơ chủ yếu đối với phong trào công nhân quốc tế. Trong văn kiện đó — cương lĩnh chung của tất cả các đảng mác-xít — đã vạch rõ con đường đúng đắn để đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại, tay sai của giai cấp tư sản trong phong trào công nhân.

Trong một thời gian ngắn sau khi thông qua bản Tuyên bố, những kết luận trong bản Tuyên bố đã được chứng thực hoàn toàn đúng. Để phục vụ cho bọn chủ của chúng, bọn xét lại mưu đồ gieo rắc những sự bất hòa trong phong trào cộng sản.

Nhưng bọn xét lại không thể làm cho bất cứ một Đảng anh em nào xa rời con đường Mác — Lê-nin. Chỉ có những nhóm cơ hội chủ nghĩa «đáng thương hại» và một số phần tử cá biệt đầu hàng trước mũi súng của kẻ thù giai cấp là đi theo chúng mà thôi. Trong bản báo cáo tại Đại hội bất thường lần thứ XXI của Đảng Cộng sản Liên-xô, đồng chí Khơ-rút-sốp đã vạch ra rằng: «Cái váng làm vẩn đục nguồn nước trong suốt của phong trào cộng sản, trong quá trình đấu tranh, đã nổi lên và bị vớt bỏ ra ngoài»[1].

Phong trào cộng sản quốc tế đã giáng cho chủ nghĩa xét lại những đòn chí tử. Nhưng chủ nghĩa xét lại chưa bị đánh bại triệt để. Những nguyên nhân khách quan làm cho nó tồn tại chỉ mất đi khi nào chủ nghĩa đế quốc bị tiêu diệt. Do đó, trong tương lai vẫn còn có thể có những sự đột kích của chủ nghĩa xét lại trong một đảng mác-xít nào đó. Vì vậy cho nên điều quan

---

1. «Văn kiện của Đại hội bất thường lần thứ XXI của Đảng Cộng sản Liên-xô», tiếng Nga, 1959, tr. 78.

trọng là phải nhắc lại lời cảnh cáo của Đại hội lần thứ XXI của Đảng Cộng sản Liên-xô: «Cần phải chú ý rằng, chủ nghĩa đế quốc sẽ ra sức nâng đỡ và làm sống lại chủ nghĩa xét lại»[1].

II. PHÊ PHÁN CHỦ NGHĨA XÉT LẠI TRONG CÁC VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ KINH TẾ HỌC PHẦN CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

Bọn cải lương và xét lại hiện đại đủ các màu sắc và dưới mọi hình thức biến tướng, ra sức tô son điểm phấn cho chế độ tư bản chủ nghĩa. Bọn chúng mưu đồ chứng minh rằng chủ nghĩa tư bản đã thay đổi tính chất, đã trải qua cái gọi là «ngẫu biến», nó không còn là chủ nghĩa tư bản theo đúng nghĩa của chữ đó nữa.

Giải thích một cách xuyên tạc tính chất của chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, là cơ sở của mọi quan điểm cải lương về sự thay đổi bản chất của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Các nhà tư tưởng cải lương khẳng định rằng: tính chất của chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất không còn đóng vai trò quyết định trong hệ thống quan hệ xã hội, rằng xã hội càng phát triển thì quan hệ giữa người và người ngày càng ít phụ thuộc vào những điều kiện vật chất «thô thiển». Đồng thời, bọn chúng mưu đồ chứng minh rằng, do kết quả phát triển của công ty cổ phần, do sự tăng cường can thiệp của Nhà nước vào kinh tế

---

1. «Văn kiện của Đại hội bất thường lần thứ XXI của Đảng Cộng sản Liên-xô», tiếng Nga, 1959, tr. 80.

và do một số quá trình khác nữa, cho nên chế độ sở hữu của giai cấp nhà tư bản về tư liệu sản xuất «đương bị sứt mẻ», đương bị «phân tán», và về nội dung đã sát gần với chế độ sở hữu công cộng. Dựa vào những luận điểm «khoa học» tương tự như vậy, bọn cải lương trong thời gian qua nói chung đã cự tuyệt yêu cầu xã hội hóa tư liệu sản xuất mà tất cả những người xã hội chủ nghĩa trước đây đã đề ra.

Về thực chất, những quan điểm xét lại về vai trò siêu giai cấp của Nhà nước tư sản, về khả năng nâng cao không ngừng mức sống của nhân dân lao động dưới chế độ tư bản chủ nghĩa v.v. cũng xây dựng trên cơ sở «lý luận» như vậy.

Chẳng hạn như trong cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư đã khẳng định rằng: «Hình thức giai cấp của chế độ tư bản chủ nghĩa đã lùi về dĩ vãng», còn chủ nghĩa tư bản hiện đại, theo bản chất của nó, là một chế độ mà trong đó có những «nhân tố» xã hội chủ nghĩa, trong đó đang thường xuyên diễn ra quá trình «thâm nhập khuynh hướng xã hội chủ nghĩa vào trong hệ thống chủ nghĩa tư bản Nhà nước». Theo ý kiến của các tác giả bản cương lĩnh thì điều đó sở dĩ xảy ra là do có sự phát triển của chủ nghĩa tư bản Nhà nước, do tăng cường vai trò của Nhà nước trong sinh hoạt kinh tế của các nước tư bản. «Nhà nước buộc phải áp dụng một số biện pháp để kiểm soát tư bản tư nhân... Nhà nước tự gánh lấy vai trò to lớn trong kinh tế bằng cách phát triển các hình thức tín dụng—tiền tệ mới, sử dụng rộng rãi hơn chế độ thuế khóa để điều chỉnh kinh tế hoặc trực tiếp quốc hữu hóa các ngành công nghiệp và các cơ sở đầu tư lớn của quốc doanh hoặc bằng cách hạn chế sự quản lý tư bản tư nhân và kiểm soát sự phân phối lợi nhuận bằng

những cách đó, Nhà nước đã mang lại một số nhân tố của việc kế hoạch hóa kinh tế. Do có sự phát triển và biến đổi nội bộ trong chế độ tư bản chủ nghĩa... cho nên vai trò của Nhà nước trong lĩnh vực quan hệ giữa lao động và hữu sản, giữa quyền lợi xã hội và nghĩa vụ xã hội và trong các lĩnh vực quan hệ xã hội khác, được dần dần tăng cường». Như thế là bản cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư đã ra sức quảng cáo cho vai trò ngày càng lớn mạnh của Nhà nước tư sản. Và trên cơ sở đó, rút ra một kết luận rất rõ ràng: «Làn sóng tư bản Nhà nước ngày càng lớn mạnh trong thế giới tư bản chủ nghĩa, là một bằng cớ hiển nhiên nhất chứng tỏ rằng nhân loại đương bước vào kỷ nguyên xã hội chủ nghĩa một cách sâu sắc, vững chắc và bằng nhiều con đường khác nhau; trong kỷ nguyên này, chủ nghĩa xã hội sẽ ngày càng trở thành nội dung của thực tiễn hàng ngày của toàn thể loài người».

Như vậy là trong cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư, thành phần Nhà nước trong kinh tế tư bản chủ nghĩa được coi là một thành phần không phải «tư bản chủ nghĩa thông thường». Theo ý kiến của tác giả bản cương lĩnh thì thành phần đó là «một bước tiến tới chủ nghĩa xã hội» không hơn không kém, còn Nhà nước tư sản là một Nhà nước đứng trên các giai cấp, đứng trên tư bản, đó là Nhà nước điều chỉnh, kiểm soát và kế hoạch hóa kinh tế.

Trong tạp chí Nam-tư «Na-sa sto-va-rơ-nốt» năm 1958 có đăng một loạt bài ra sức tô son điểm phấn cho hiện thực tư bản chủ nghĩa hiện đại. «Quan niệm mới» về chủ nghĩa tư bản được phản ánh đầy đủ nhất trong các bài của N. Pa-sích, I. Mác-xi-mô-vích, I. Gô-ri-sa-rơ và của các tác giả khác. Thực chất của quan niệm

đó, có thể tóm tắt như sau: Nhà nước tư sản hiện đại đã trở thành một lực lượng thực tế, hoàn toàn có thể làm cho các tổ chức lũng đoạn tư bản chủ nghĩa phải chịu ảnh hưởng của mình, do đó giai cấp tư sản bắt đầu mất dần vai trò của giai cấp lãnh đạo xã hội. Xuất phát từ tiền đề bịa đặt đó, bọn xét lại đi đến kết luận về tính chất siêu giai cấp của Nhà nước tư sản, hình như Nhà nước này tập trung vào trong tay mình quyền lực chính trị và việc quản lý kinh tế, không phụ thuộc vào giai cấp nhà tư bản.

Bọn xét lại hiện đại khẳng định rằng: lao động thặng dư của công nhân làm thuê, hiện nay không phải chỉ một mình nhà tư bản chiếm đoạt. Một bộ phận sản phẩm thặng dư ngày càng lớn, trở thành tài sản của Nhà nước, và Nhà nước thi hành một chính sách phân phối thu nhập công bằng cho các giai cấp. Theo họ thì thậm chí giai cấp công nhân cũng thu được một phần giá trị thặng dư nhất định. Dựa vào những «luận cứ» tương tự như vậy, bọn xét lại âm mưu chứng minh luận điểm của chúng về sự thay đổi bản chất xã hội của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Biện hộ cho chủ nghĩa tư bản là nội dung cơ bản của tất cả mọi «tác phẩm» của bọn phản mác-xít hiện đại. Mặc dù có những sự khác nhau nào đó về bề ngoài, nhưng về thực chất bọn chúng giống nhau như đúc. Chúng ta hãy lấy ví dụ về lý luận «Nhà nước phúc lợi chung» mà Bi-ten-men — một trong những phần tử cơ hội hữu khuynh trong Đảng Cộng sản Mỹ, ra sức tuyên truyền quảng cáo. Tháng 11 năm 1957, Bi-ten-men phát biểu một loạt bài phản mác-xít, trong đó y khẳng định rằng chế độ tư bản chủ nghĩa đã bước vào giai đoạn quá độ nằm khoảng giữa chủ nghĩa tư bản lũng đoạn và chủ nghĩa xã hội. Bi-ten-men tuyên bố rằng đó là giai đoạn chung sống hòa bình trên vũ đài quốc tế, còn

trong nước thì đó là «Nhà nước phúc lợi chung». Y viết tiếp: «Nhà nước phúc lợi chung là một giai đoạn lịch sử nhất định trong sự tiến bộ xã hội của nước Mỹ».

Muốn gán ghép cho Đảng quan điểm xét lại về «Nhà nước phúc lợi chung», Bi-ten-men trong quá trình thảo luận cương lĩnh của Đảng, đã đưa ra một nghị quyết như sau: «Mục đích có tính chất cương lĩnh của Đảng Cộng sản Mỹ trong cuộc đấu tranh của nhân dân Mỹ nhằm bảo vệ và mở rộng dân chủ, là phát triển và mở rộng hơn nữa chế độ dân chủ của Lin-côn và của «phương châm mới», chế độ dân chủ kiểu chống lũng đoạn, phát triển và mở rộng hơn nữa Nhà nước phúc lợi chung hoạt động trong khuôn khổ hình thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và trong chế độ Nhà nước tư sản. Đó là một giai đoạn lịch sử của sự tiến bộ xã hội trên con đường nước Mỹ đi đến chủ nghĩa xã hội».

Trong tạp chí «Sinh hoạt chính trị» số tháng Chạp năm 1958, có đăng lời Tuyên bố của Ban dự thảo cương lĩnh của Đảng Cộng sản Mỹ; trong lời tuyên bố đó kiên quyết bác bỏ quan điểm xét lại của Bi-ten-men. Bản Tuyên bố nhấn mạnh rằng, luận điểm «Nhà nước phúc lợi chung», coi chế độ dân chủ kiểu mới là một cái gì trung gian giữa chế độ dân chủ tư sản và dân chủ xã hội chủ nghĩa phù hợp với giai đoạn trung gian trong sự phát triển của xã hội, giữa chủ nghĩa tư bản hiện đại và chủ nghĩa xã hội. Nhưng giai đoạn đó không có và không thể có; sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội chỉ có thể diễn ra bằng con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước của thời kỳ đó chỉ có thể là Nhà nước của giai cấp công nhân, mặc dù hình thức của nó như thế nào.

Cái gọi là «Nhà nước phúc lợi chung» trong điều kiện chủ nghĩa tư bản, là một ảo tưởng trống rỗng, là

sự lừa bịp giai cấp công nhân. Về thực chất, đó là Nhà nước lũng đoạn. Nhà nước này — trước áp lực của giai cấp công nhân — buộc phải đi đến một số nhượng bộ tối thiểu trong các biện pháp xã hội. Tuy nhiên, hễ gặp trường hợp thuận lợi là bọn tư bản cắt xén hay hoàn toàn không thực hiện những sự nhượng bộ đó trong thực tế. Đồng thời, tư bản lũng đoạn lợi dụng các biện pháp ấy làm thủ đoạn đấu tranh chống những cải cách xã hội căn bản, bảo vệ chế độ tư bản chủ nghĩa. Như vậy là lý luận «Nhà nước phúc lợi chung» là sự phản ánh các thứ lý luận tư sản và cải lương nhằm bảo vệ Nhà nước lũng đoạn. Trong phần kết luận của bản Tuyên bố có viết rằng: «Ban dự thảo cương lĩnh bác bỏ luận điểm «Nhà nước phúc lợi chung», cho đó là sự xa rời chủ nghĩa Mác — Lê-nin một cách nghiêm trọng, là phản ánh chủ nghĩa xét lại hiện đại ở Mỹ».

Bọn xét lại hiện đại thích khoe khoang khoác lác về tính độc đáo của các quan điểm của mình. Nhưng chỉ tìm hiểu sơ qua những tiền đề «lý luận» của bọn xét lại thôi cũng đã hoàn toàn thấy rằng toàn bộ «hành lý» tư tưởng của bọn chúng chỉ là lấy ở bọn tư tưởng gia xã hội phái hữu.

Sự nhất trí về tư tưởng của chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa xét lại, trước hết biểu hiện ở chỗ: hai trào lưu xã hội phái hữu đó đều đi theo một phương pháp luận sai lầm.

Ai cũng biết rằng, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử là phương pháp của chính trị kinh tế học mác-xít.

Kẻ thù của chủ nghĩa Mác sợ phép biện chứng như «cú sợ ánh sáng». Nguyên nhân của tình hình đó đã được Mác giải thích cặn kẽ. Mác viết rằng: phép biện chứng «... bị giai cấp thống trị và bọn tư tưởng gia

của chúng coi là một điều xấu xa và ghê tởm, vì trong quan niệm khẳng định về sự vật hiện có, phép biện chứng đồng thời lại đưa ra quan niệm về sự phủ định và về sự diệt vong tất yếu của sự vật đó; vì nó nắm lấy bản thân sự vận động, mà mỗi một hình thái hình thành của vận động chỉ là một hình trạng tạm thời, nên không có cái gì bắt buộc được nó phải thay đổi quan niệm; vì về căn bản nó có tính chất phê phán và cách mạng »[1].

Phép biện chứng còn làm cho bọn bảo vệ chủ nghĩa tư bản hiện đại đang giãy chết, ghê tởm và kinh khủng hơn nữa. Tình hình thực tế ngày càng chứng minh một cách hùng hồn rằng học thuyết mác-xít về sự tan rã tất yếu của chế độ tư sản là hoàn toàn đúng. Trong những điều kiện như vậy, bọn biện hộ cho chế độ tư sản khó lòng đấu tranh công khai chống phương pháp biện chứng của chủ nghĩa Mác. Vì vậy, trong số những người cải lương và xét lại hiện đại có nhiều kẻ thù của chủ nghĩa Mác, ngoài miệng thường thường công nhận phép biện chứng, thậm chí còn thề thốt trung thành với phương pháp biện chứng của Mác. Nhưng hễ đem phương pháp đó áp dụng vào việc phân tích đời sống xã hội thì thực tế họ phản bội lại phương pháp ấy. Về mặt này, biểu hiện rõ ràng nhất là lập trường của tên cải lương chủ nghĩa mà ai cũng biết, đó là Jôn Stơ-re-si, một tay lý luận của Công đảng Anh.

Năm 1956, Jôn Stơ-re-si xuất bản cuốn «chủ nghĩa tư bản hiện đại», trong đó y mưu đồ chứng minh lý luận «chủ nghĩa xã hội Anh». Y không diễn theo «mốt» cũ. Y thừa nhận rằng chủ nghĩa tư bản đã bước vào

---

1. Mác *Tư bản*, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, t. I, tr. 27-28.

giai đoạn phát triển cuối cùng của nó, qua giai đoạn đó chỉ có thể là chủ nghĩa xã hội. Khi nhận xét chủ nghĩa tư bản hiện đại, Sto-re-si thậm chí còn nhắc đến các quy luật kinh tế của phương thức sản xuất ấy. Nhưng đó chỉ là sự thừa nhận ngoài miệng nhằm mục đích lừa gạt giai cấp công nhân. Về thực chất, Sto-re-si phủ nhận bản thân các quy luật nói chung. Không dám tuyên bố thẳng như vậy, tên lý luận của Công đảng phải dùng đến một phương pháp mà nhiều tên phản mác-xít hay dùng nhất. Y gán cho Mác những nguyên lý mà bản thân Mác cũng đã từng chống lại. Chẳng hạn như nhà tư tưởng của Công đảng Anh quả quyết rằng Mác đem phạm trù «quy luật» đối lập với phạm trù «xu hướng».

Về vấn đề ấy, Sto-re-si viết như sau: «... sau khi xuyên qua được bức màn sắt của bức tường công xưởng và sau khi vạch rõ quá trình tích lũy của tư bản mới, sinh ra từ quá trình trao đổi giữa công nhân và người thuê công nhân, Mác đi đến kết luận rằng Mác có thể xác định được cái «quy luật» quyết định đúng đắn những điều kiện tiến hành sự trao đổi đó. Và kinh nghiệm hàng trăm năm nay đã cho phép ta nói rằng chính điều đó đã đưa Mác đến những sai lầm có tính chất quyết định. Hay nói đúng hơn, quy luật chẳng qua là một xu hướng tồn tại thực sự trong chế độ tư bản chủ nghĩa, nhưng nó có thể được xác lập nên và có thể bị xóa bỏ».

Ở một chỗ khác trong tác phẩm của mình, Sto-re-si đi đến một kết luận tương tự như vậy: «các anh hãy lấy lý luận giá trị lao động chung, tức là luận đề nói rằng: mọi hàng hóa trao đổi với nhau đều phù hợp với thời gian lao động chứa đựng trong những hàng hóa đó, hay lấy một trường hợp đặc biệt: sức lao động

được trao đổi phù hợp với thời gian lao động hao phí để sản xuất ra nó, — thì trước mặt các anh tất cả chỉ là một xu hướng, chứ không phải là quy luật».

Nhưng chúng ta hãy xem bản thân Mác nói về vấn đề ấy như thế nào. Trong lời tựa cho lần xuất bản thứ nhất bộ *Tư bản*, Mác đã định nghĩa những « quy luật tự nhiên của sản xuất tư bản chủ nghĩa » là « những *xu thế* đang biểu hiện và trở thành hiện thực một cách tất yếu thép »[1]. Không bao giờ Mác đem khái niệm « quy luật » và « xu hướng » đối lập với nhau.

Stơ-re-si cần « đánh đổ » chủ nghĩa Mác để chứng minh cho « chân lý » sau đây : xu hướng « trong những thời gian nhất định và trong những lĩnh vực nhất định... có thể bị khắc phục ». Và Stơ-re-si đã kê ra một đơn thuốc thực tế để khắc phục xu hướng ấy. Theo ý Stơ-re-si thì trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản phát sinh ra những cái gọi là lực lượng đối lập ; những lực lượng đối lập này tạo khả năng khắc phục các quy luật kinh tế của chủ nghĩa tư bản trên cơ sở quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Stơ-re-si coi Nhà nước tư sản, công đoàn, đảng phái là những lực lượng đối lập đó. Như vậy, điểm xuất phát trong phương pháp luận của y là ở chỗ : các quy luật kinh tế khách quan — nếu nó tồn tại — có thể dễ bị các nhân tố chủ quan khắc phục.

Trong khi phân tích bất cứ một hiện tượng kinh tế nào, Stơ-re-si đều áp dụng phương pháp luận duy tâm đó. Chẳng hạn như khi nói về giá cả, Stơ-re-si khẳng định rằng : trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản hiện đại, giá cả « là những số lượng mà người ta có thể đo

---

1. Mác : *Tư bản*, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, 1959, t. I, tr. 11.

lường được do có những quyết định đầy ý thức của một nhóm người ». Sto-re-si hoàn toàn bác bỏ cả lý luận giá trị lao động của Mác, bởi vì theo y thì lý luận đó không giải thích được những sự thật của tình hình thực tế hiện nay. Theo ý kiến của Sto-re-si thì nhờ có những lực lượng đối lập nên hoàn toàn có thể thủ tiêu được những cuộc khủng hoảng sản xuất thừa dưới chế độ tư bản chủ nghĩa; trong số những lực lượng đối lập đó thì cái quan trọng nhất là Nhà nước tư sản.

Sau khi « bác bỏ » những quy luật kinh tế do Mác tìm ra, nhà tư tưởng của Công đảng đi đến kết luận rằng: hiện nay chủ nghĩa tư bản đã thay đổi bản chất, « đã trải qua ngẫu biến ». Đó là « kinh thánh » cải lương của Sto-re-si.

Nhưng không phải chỉ có một mình Sto-re-si là áp dụng phương pháp luận phản khoa học trong công tác nghiên cứu. Chủ nghĩa duy tâm là cơ sở triết học của mọi lý luận kinh tế cải lương. Ta hãy lấy ví dụ về tác phẩm của Jôn Cô-un (đảng viên Công đảng Anh) « Chủ nghĩa tư bản trong thế giới hiện nay » xuất bản hồi tháng 10 năm 1957. Trong cuốn sách ấy, Cô-un từ bỏ việc phân tích khách quan tình hình thực tế của chủ nghĩa tư bản và dựa trên lập trường duy tâm của chính trị kinh tế học tư sản. Y khẳng định rằng những nhân tố như: tăng cường vai trò của Công đoàn, giành quyền bầu cử cho quần chúng nhân dân và một số nhân tố khác đã mang lại « những hình thức kiểm tra của xã hội đối với sự hoạt động của xí nghiệp tư bản chủ nghĩa và trong một số nước nó đã xã hội chủ nghĩa hóa thực sự một phần kinh tế; những nhân tố đó có ảnh hưởng đến bản thân chủ nghĩa tư bản ». Cũng như Sto-re-si, Cô-un mưu đồ chứng minh rằng: chủ nghĩa tư bản đương thay đổi bản chất do có sự

tác động của những nhân tố chủ quan. Còn những quy luật kinh tế khách quan thì Cô-un tuyệt nhiên không nhắc đến.

Cần phải thấy rằng trong lĩnh vực phương pháp luận, lập trường của bọn cải lương nhất trí với lập trường của Kê-in, một nhà kinh tế học tư sản nổi tiếng.

Kê-in khẳng định rằng, tất cả các quá trình kinh tế trong xã hội đều quyết định bởi tâm lý của con người. Nói riêng những cuộc khủng hoảng kinh tế dưới chế độ tư bản chủ nghĩa — theo ý kiến của y — sở dĩ xảy ra là do có sự thay đổi rất lớn về tâm lý của những người kinh doanh. Tại sao? Bởi vì trong hàng ngũ các nhà tư bản thường có tâm lý không tin tưởng vào doanh lợi của xí nghiệp, sinh ra bi quan, do đó họ giảm bớt đầu tư, tiến hành giãn thợ v.v. Và ngược lại, làn sóng lạc quan chủ nghĩa có thể thúc đẩy kinh tế phát triển.

Đồng thời, Kê-in công khai tuyên bố rằng y đứng trên lập trường chủ nghĩa duy tâm. Trong tác phẩm chủ yếu của y «Lý luận chung về công việc làm, lợi tức và tiền tệ», y có viết về vấn đề đó như sau: «Tư tưởng của các nhà kinh tế học và các nhà tư tưởng chính trị, dù đúng dù sai, nó vẫn mạnh hơn sự suy nghĩ thông thường. Trong thực tế hầu như chỉ có những tư tưởng ấy là thống trị thế giới».

Những đảng viên Công đảng phái hữu ở Anh tiếp thu vô điều kiện lý luận duy tâm của Kê-in về «tâm lý hóa» sinh hoạt kinh tế, tiếp thu phương pháp luận duy tâm của Kê-in. Đó là một trong những đặc điểm của chính trị kinh tế học của chủ nghĩa cải lương.

Nhưng phương pháp nghiên cứu phản khoa học đối với các hiện tượng của đời sống xã hội, không phải chỉ là đặc điểm của bọn kinh tế học tư sản cải lương. Tất

cả các « tác phẩm » của bọn xét lại hiện đại, về thực chất, đều xây dựng trên cơ sở phản khoa học, sai lầm như vậy. Chúng ta hãy lấy ví dụ về cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư. Trong tài liệu đó, khi nhận định chủ nghĩa tư bản hiện đại, người ta nêu các nhân tố chính trị lên hàng đầu, còn các quy luật khách quan nội tại vốn có của chế độ đó thì không được chú ý đến. Các tác giả của bản cương lĩnh không thấy rằng đằng sau những hiện tượng cá biệt bề ngoài có những quá trình sâu sắc đương xảy ra trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư có nhận xét một cách đúng đắn về vai trò ngày càng to lớn của Nhà nước tư sản trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Nhưng đồng thời lại xuyên tạc tính chất của mối quan hệ lẫn nhau giữa tư bản lũng đoạn và Nhà nước tư bản chủ nghĩa. Bản cương lĩnh vạch ra rằng, Nhà nước « ngày càng khống chế tư bản bằng cách hạn chế một phần quyền quản lý của tư nhân đối với tài sản tư bản chủ nghĩa và tước bỏ một số chức năng độc lập của bọn chiếm hữu tư bản tư nhân trong kinh tế và xã hội.

Quá trình liên hệ giữa những người cầm đầu các tổ chức lũng đoạn với việc quản lý Nhà nước, đang còn tiếp tục. Những người cầm đầu đó, trong những lĩnh vực hoạt động nhất định, ngày càng mất hết vai trò hoàn toàn độc lập trước đây của nó, một số chức năng nào đó của các tổ chức lũng đoạn ngày càng chuyển sang Nhà nước ».

Sự can thiệp của Nhà nước tư sản làm giảm bớt sức mạnh kinh tế của các tổ chức lũng đoạn tư bản chủ nghĩa, luận điệu đó rõ ràng là mâu thuẫn với tình hình thực tế. Trong thực tế phải chăng việc quốc hữu hóa một số

xí nghiệp và thậm chí một số ngành kinh tế ở Anh và Ý v.v. lại làm suy yếu sức mạnh kinh tế của các tổ chức lũng đoạn? Tuyệt nhiên là không! Trái lại, nhờ thực hiện những biện pháp đó cho nên bọn tư bản thoát khỏi những xí nghiệp và ngành công nghiệp lạc hậu nhất về mặt kỹ thuật. Bọn lũng đoạn có thể đem số tư bản được bồi thường đầu tư vào những ngành sản xuất tiến bộ, có lợi nhất, do đó tăng thêm được lợi nhuận. Cuối cùng các tổ chức lũng đoạn sở dĩ thu được nhiều mối lợi trong việc quốc hữu hóa, là bởi vì việc trang bị lại những ngành trước đây lạc hậu, đều dựa vào ngân sách Nhà nước, nói đúng hơn dựa vào tiền của những người đóng thuế. Do đó, hiện nay các tổ chức lũng đoạn có thể mua rẻ than đá, điện lực và các loại công nghiệp phẩm khác. Tất cả những điều đó đã chứng minh một cách hùng hồn tính chất phản khoa học của những kết luận của bọn xét lại, bởi vì những kết luận đó đều dựa trên cơ sở phân tích các hiện tượng bề ngoài của xã hội tư bản. Điều đó một lần nữa, chứng minh sự nhất trí về tư tưởng giữa bọn xét lại và bọn cải lương.

Bọn xét lại hiện đại cũng như bọn cải lương đều có đặc điểm là khi thì ca tụng đặc điểm này, khi thì ca tụng đặc điểm khác của sự phát triển biện chứng, khi thì ca tụng «bài học» này, khi thì ca tụng «bài học» khác của sự phát triển đó. Bọn xét lại không muốn chú ý đến các mâu thuẫn của đời sống sinh động, không muốn hiểu tính chất biện chứng của sự phát triển xã hội nói chung và của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa nói riêng. Lê-nin đã từng vạch ra rằng: «Chủ nghĩa tư bản sở dĩ tiến bộ là vì nó tiêu diệt phương thức sản xuất cũ và phát triển lực lượng sản xuất, nhưng đồng thời đến một giai đoạn phát triển nhất

định, nó kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất. Nó làm tăng số công nhân, tổ chức công nhân, đưa công nhân vào khuôn khổ kỷ luật. Nhưng chính nó lại đàn áp, áp bức công nhân, đưa công nhân đến chỗ suy đồi, nghèo đói v.v.».[1]

Bọn xét lại tuyệt đối hóa một số mặt của quá trình nhận thức, phủ nhận các quy luật chung của sự phát triển xã hội. Chẳng hạn như, lý luận «chủ nghĩa cộng sản dân tộc» được xây dựng trên cơ sở siêu hình. Tác giả của thứ «lý luận» ấy quá cường điệu đặc điểm của việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước này hay nước nọ, đồng thời phủ nhận những quy luật phổ biến của cách mạng xã hội chủ nghĩa, của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Các tác giả đó đã bị cầm tù trong phương pháp luận tư sản cải lương.

Tóm lại, bọn xét lại hiện đại cũng như những người tiền bối của chúng đều đi theo đuôi «khoa học» của các giáo sư tư sản. Bọn học giả tư sản nhún vai coi thường phép biện chứng, và bọn xét lại «... theo đuôi bọn chúng sa lầy vào trong vũng bùn tầm thường hóa khoa học triết học, thay thế phép biện chứng «tinh khôn» (và cách mạng) bằng «sự tiến hóa» «giản đơn» (và yên tĩnh)... ».[2]

Xây dựng những công trình «nghiên cứu» của mình trên cơ sở phương pháp luận duy tâm siêu hình, bọn phản mác-xít hiện đại có thái độ độc đoán đối với các quy luật của đời sống xã hội. Chẳng hạn, bọn chúng chống lại các quy luật kinh tế khách quan của chủ nghĩa tư bản do Mác tìm ra.

Mác đã chứng minh một cách khoa học rằng việc sản xuất ra giá trị thặng dư hay lợi nhuận, là quy luật

---

1. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, t.16, tr.318.
2. *Sách đã dẫn*, t.15, tr.19.

tuyệt đối của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Không thu được giá trị thặng dư thì phương thức tư bản của nghĩa không thể tồn tại được. Quy luật kinh tế đó của chủ nghĩa tư bản cũng như các quy luật khách quan khác chỉ rút lui khỏi vũ đài khi những điều kiện sản sinh ra nó bị xóa bỏ. Mọi người đều biết rằng, những điều kiện đó là quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Bất cứ nhà học giả nào tự cho mình là người mác-xít, đều cần phải hiểu rõ những nguyên lý sơ đẳng đó.

Nhưng nhiều nhà lý luận cải lương và xét lại hiện đại, ngoài miệng thì tuyên bố trung thành với chủ nghĩa Mác—Lê-nin, nhưng trên thực tế thì lại « bác bỏ » quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản do Mác tìm ra và được Lê-nin áp dụng một cách cụ thể vào điều kiện của chủ nghĩa đế quốc. Chẳng hạn như người ta đi đến một kết luận có suy nghĩ sâu sắc trong cuốn « Công nghiệp và xã hội » được thông qua vào tháng 10 năm 1957 trong cuộc hội nghị của Công đảng Anh và được coi là một văn kiện có tính chất cương lĩnh. Các tác giả của quyển sách đó vạch ra rằng: trong các « công ty công cộng » (bọn đảng viên Công đảng gọi các tổ chức lũng đoạn như vậy—G. D.), các cổ động tư bản « không còn khống chế, thậm chí không còn khống chế gián tiếp công ty nữa », và việc thu lợi nhuận không còn là « động cơ chủ yếu và trực tiếp đối với họ ». Nói một cách khác, nhà tư bản không còn là nhà tư bản nữa.

« Lý luận » về « sự suy yếu và diệt vong dần dần của chế độ bóc lột giai cấp công nhân trong chủ nghĩa tư bản », bằng hình thức khác nhau, được rêu rao trong nhiều « tác phẩm » của bọn xã hội phái hữu và bọn xét lại đủ các kiểu. Trong thời gian qua, người ta lại truyền bá thứ lý luận tư sản nói về sự bình đẳng giữa công

nhân và nhà tư bản trong việc mua bán sức lao động: công nhân là những người bán bình thường, còn nhà tư bản là người mua bình thường của hàng hóa sức lao động. Quan điểm đó đã bị Mác bóc trần từ lâu, nhưng ngày nay tên cải lương Cô-un lại mưu đồ muốn khôi phục trở lại. Trong cuốn «Những điều kiện sau chiến tranh ở Anh» xuất bản năm 1957, y viết rằng: «Đấu tranh giai cấp mặc dù chưa mất đi, nhưng về căn bản đã thay đổi tính chất. Nó ngày càng không còn là cuộc đấu tranh giữa những người bất bình đẳng, mà đương trở thành sự *cạnh tranh giữa những người bình đẳng* trên cơ sở hiểu biết lẫn nhau».

Đi theo gót những tên khích động tư tưởng thuộc hàng ngũ bọn tư tưởng gia tư sản cải lương, bọn xét lại hiện đại ra sức «bác bỏ» quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản. Một trong những «nhà lý luận» của chủ nghĩa xét lại Pháp là Lúc-xen Lô-ra quả quyết rằng: ở châu Âu và ở Mỹ đương xuất hiện ra «những kiểu kết cấu xã hội mới; những kiểu kết cấu này khó lòng coi là kiểu kết cấu «tư bản chủ nghĩa». Trong thế giới tư bản, hai giai cấp đối kháng hình như đương bắt đầu hòa hợp với nhau: «Sự đối kháng có tính chất truyền thống giữa người chủ xí nghiệp và công nhân đương nhường chỗ cho nhiều quan hệ có vô số sắc thái khác nhau». Theo «lý luận» của Lô-ra thì công nhân không còn là người vô sản theo đúng nghĩa của chữ đó nữa, bởi vì hiện nay họ không phụ thuộc vào những nhà tư bản tư nhân, mà là phụ thuộc vào những xí nghiệp cổ phần hay tổ chức Nhà nước. Còn bản thân nhà tư bản thì họ — do địa vị của mình — đang ngày càng trở thành những người ở vào địa vị nửa công nhân.

Do đó — Lô-ra nhấn mạnh — đương xảy ra quá trình «tự tiêu diệt» của chủ nghĩa tư bản, tất cả mọi người trong xã hội biến thành những người lao động làm thuê.

Bọn «lý luận» cải lương và xét lại nhất trí chống lại lý luận giá trị thặng dư của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Thông thường tất cả những bọn phản mác-xít không thể dẫn ra một căn cứ lý luận nào, nhất là không thể dẫn ra những số liệu thực tế để chứng minh cho quan điểm của mình. Những sự thật đó không có trong trời đất này! Bản thân hiện thực tư bản chủ nghĩa là một bản cáo trạng kết tội mọi luận điệu của bọn biện hộ cho chủ nghĩa tư bản hiện đại cho rằng sự bóc lột giai cấp vô sản đã bị thủ tiêu.

Ai cũng biết rằng, mức độ tư bản bóc lột giai cấp công nhân, được biểu hiện ở tỷ suất giá trị thặng dư. Tỷ suất giá trị thặng dư nói lên tỷ lệ phân chia ngày lao động ra thành thời gian lao động thặng dư và thời gian lao động cần thiết. Nói khác đi, phạm trù đó phản ánh tình hình là: người vô sản hao phí bao nhiêu phần thời gian lao động để bù đắp giá trị của sức lao động và bao nhiêu phần thời gian lao động để làm không công cho nhà tư bản.

Căn cứ vào những tài liệu thống kê công bố ở Liên-xô và ở nước ngoài thì ta thấy rằng: mức độ bóc lột giai cấp công nhân ở các nước tư bản không những không giảm bớt đi mà trái lại ngày càng tăng lên. Chẳng hạn như ở Mỹ, trong công nghiệp khai khoáng và công nghiệp chế biến, tỷ suất giá trị thặng dư năm 1889: 145%, năm 1919: 165%, năm 1929: 210%, năm 1939: 220%, năm 1947: gần 260%. Như vậy là chưa đầy 60 năm, tỷ suất giá trị thặng dư tăng lên gần 1, 8 lần. Nhất là những người da đen và dân di cư ở Mỹ bị bóc lột nặng nề nhất. Nhà kinh tế học tiến bộ của Mỹ là

V. Péc-lô đã đưa ra những số liệu như sau: năm 1947, ở Mỹ, thu nhập bình quân về tiền lương của người da trắng là 1.980 đô-la, của người da đen là 863 đô-la.

Trong tất cả các cường quốc đế quốc đều có xu hướng tăng tỷ suất giá trị thặng dư lên không ngừng. Theo tính toán của J. I-tơn, ở Anh, trong công nghiệp khai khoáng và công nghiệp chế biến, trong kiến trúc và nông nghiệp, tỷ suất giá trị thặng dư năm 1937 trung bình gần 200%. Năm 1959, tỷ suất giá trị thặng dư trong công nghiệp Anh ít nhất là 300%. Mức độ bóc lột giai cấp vô sản ở nước Cộng hòa liên bang Đức (Tây Đức) và ở các nước đế quốc khác còn nặng nề hơn nữa.

Tất cả những điều đó, bản thân nó đã nói lên sự thật. Bọn thầy kiện hiện đại của các tổ chức lũng đoạn âm mưu «bác bỏ» quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản, những mưu đồ đó hoàn toàn không có căn cứ.

Để chứng minh luận điểm về sự thay đổi bản chất của chủ nghĩa tư bản hiện đại, bọn biện hộ cho chủ nghĩa tư bản ra sức truyền bá câu chuyện hoang đường về sự nâng cao không ngừng mức sống của nhân dân lao động các nước tư bản. Muốn thế, bọn cải lương và bọn xét lại tấn công đặc biệt mạnh mẽ vào học thuyết của Mác về sự bần cùng hóa tương đối và tuyệt đối của giai cấp vô sản dưới chế độ tư bản chủ nghĩa.

Cần phải thấy rằng, câu nói đầu tiên nhằm chống lại chủ nghĩa Mác của Béc-stanh (người cha tinh thần của chủ nghĩa xét lại) là như sau: «Lý luận bần cùng hóa của Mác đã lỗi thời rồi». Rất rõ ràng là tại sao chủ nghĩa xét lại cũ cũng như chủ nghĩa xét lại hiện đại đều tập trung chú ý vào vấn đề ấy; nó làm như vậy là nhằm một mục đích duy nhất: lừa gạt công nhân, tước bỏ vũ khí của công nhân trong cuộc đấu

tranh cho quyền lợi sống còn của họ, cho việc cải tạo xã hội bằng con đường cách mạng.

Trong *Tư bản*, Mác đã vạch ra rằng: của cải của xã hội tư bản càng phát triển thì sự bất bình đẳng của xã hội càng tăng lên, hố sâu ngăn cách giữa giai cấp hữu sản (giai cấp tư sản) và giai cấp vô sản càng trở nên sâu sắc và mở rộng. Mác gọi quá trình giảm bớt phần thu nhập quốc dân của công nhân và tăng thêm phần thu nhập quốc dân của nhà tư bản là sự bần cùng hóa tương đối của giai cấp vô sản. Trong thời đại hiện nay, bọn «phê phán» Mác mưu đồ bác bỏ quy luật khách quan đó, mặc dù quy luật đó là do các điều kiện kinh tế của chủ nghĩa tư bản sinh ra. Về vấn đề này, có lẽ bọn cải lương Áo chiếm ưu thế. Quan điểm của chúng được phản ánh đầy đủ nhất trong «Cương lĩnh mới của Đảng Xã hội Áo», cương lĩnh này được thông qua tại đại hội bất thường họp vào tháng 5 năm 1958.

Qua bản cương lĩnh mới của Đảng Xã hội Áo, người ta có thể thấy rằng: trong vấn đề bần cùng hóa giai cấp vô sản dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, bọn cải lương Áo ngày nay đã bước một bước thụt lùi rất lớn so với Cau-sky, bởi vì dù sao thì Cau-sky vẫn phải thừa nhận sự bần cùng hóa tương đối trong các nước tư bản chủ nghĩa phát triển. Con của Cau-sky là Bê-nê-đích cùng các tác giả khác của bản cương lĩnh mới của Đảng Xã hội Áo đều khẳng định rằng hiện nay trong các nước tư bản chủ yếu đã hình thành nên một tình hình là chính phủ các nước thường xuyên quan tâm đến việc phân phối hợp lý thu nhập quốc dân cho tất cả các giai cấp trong xã hội. Người ta lấy nước Áo hiện nay làm mẫu mực cho Nhà nước «phúc lợi chung» đó. Trong nước này — theo ý kiến của các tác giả bản cương lĩnh mới của Đảng Xã hội Áo — chính phủ tư sản có đầy đủ

khả năng «...đảm bảo cho mỗi một người lao động được hưởng một phần hợp lý trong thu nhập quốc dân, đảm bảo cho mỗi người và gia đình họ được hưởng những phụ cấp xã hội ưu đãi nhất».

Nhưng bản thân đời sống thực tế đã bác bỏ luận điệu của bọn phản mác-xít về «phần hợp lý» của nhân dân lao động trong thu nhập quốc dân. Các tài liệu thống kê đã chứng minh sự giảm sút nghiêm trọng phần thu nhập quốc dân của công nhân Áo: nếu năm 1937 phần thu nhập quốc dân đó là 46%, thì đến năm 1952 nó giảm xuống còn 31%. Đồng thời tỷ lệ thuế mà nhân dân lao động phải nộp cho ngân sách thì tăng lên rất nhiều: năm 1934 là 70%, đến năm 1951 đã tăng lên 83%.

Tất cả các nước tư bản đều có đặc điểm là tỷ trọng thu nhập của giai cấp công nhân ngày càng giảm bớt, trong khi đó thì của cải của xã hội tăng lên một cách tuyệt đối. Ví dụ, so với lợi nhuận của nhà tư bản thì tiền lương của công nhân công nghiệp Mỹ năm 1889 là 69%, năm 1919 là 61%, năm 1929 là 48%, năm 1939 là 45%. Hiện nay, bọn tư bản chiếm gần 1/10 dân số trong nước, nhưng lại chiếm hơn một nửa thu nhập quốc dân.

Hiện nay, bọn «phê phán» Mác, tấn công đặc biệt mạnh mẽ vào học thuyết về sự bần cùng hóa tuyệt đối giai cấp vô sản. Bọn chúng tuyên bố rằng, trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản hiện đại, đời sống của nhân dân lao động ngày càng được cải thiện không ngừng, rằng kết luận của Mác đã lỗi thời.

Lúc-xen Lô-ra khẳng định rằng: «Chủ nghĩa Mác là chủ nghĩa xã hội khoa học của thế kỷ vừa qua». Jắc Ma-ri Đô-mi nắc câu kết với Lô-ra, tuyên bố rằng: «Vấn đề không phải là ở sự nghèo đói của giai cấp vô sản năm 1850 mà vấn đề là ở đời sống của công nhân Pháp năm

1957 ». Hăng-ri Lơ-phe-vơ-rơ, trong cuốn « Những vấn đề hiện nay của chủ nghĩa Mác », nghi ngờ những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, kể cả lý luận về sự bần cùng hóa giai cấp công nhân. Lý luận đó cũng như các nguyên lý khác của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, theo ý kiến của Lơ-phe-vơ-rơ, không còn phù hợp với thực tiễn hiện nay nữa.

Trong bài « Chủ nghĩa xã hội là một quá trình thế giới » đăng trên tạp chí « Na-sa stơ-va-rơ-nớt » số 5 năm 1958, « nhà lý luận » Nam-tư, bác sĩ N.Pa-sich, viết rằng: « Hiện nay lịch sử đã có khả năng là, ở những nước phát triển cao chưa thủ tiêu chế độ tư bản chủ nghĩa bằng con đường bạo lực, có thể thực hiện những sự thay đổi trong kết cấu quan hệ kinh tế và quan hệ xã hội, những sự thay đổi này bao hàm trong nó những nhân tố rõ ràng là phủ định chủ nghĩa tư bản. Giai cấp công nhân các nước đó đã từ quần chúng vô sản hoàn toàn không có chút quyền hành, bị đàn áp trong xã hội, trở thành một lực lượng xã hội độc lập, có tổ chức tốt; thông qua công đoàn và chính đảng của nó, nó có thể không những đảm bảo cải thiện rất nhiều đời sống vật chất của mình, mà còn có ảnh hưởng ngày càng lớn đến phương hướng chung của sự phát triển xã hội ».

Tất cả những luận điệu ba hoa của bọn xét lại về sự « lỗi thời » của lý luận Mác — Lê-nin và về sự không hợp thời của nó trong điều kiện hiện nay, đều không phải là điều gì mới mẻ. Nó là đứa con chính trị sinh đôi của những thứ « lý luận » mà bọn xã hội phái hữu đã từng truyền bá. Điều đó có thể nhìn thấy rõ nếu ta đem so sánh những luận điệu đó với, chẳng hạn như, quan điểm của Stơ-re-si trình bày trong cuốn « Chủ nghĩa tư bản hiện đại ».

Ai cũng biết rằng trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản, sức lao động là một thứ hàng hóa đặc biệt. Mác

đã từng vạch ra rằng: «Sức lao động bao hàm, về phương diện giá trị, một yếu tố tinh thần và lịch sử; đó là chỗ phân biệt nó với những hàng hóa khác»[1]. Cố tình bỏ qua những nguyên lý đó của chính trị kinh tế học vô sản, Sto-re-si gán cho Mác một quan điểm ngây ngô rằng hình như Mác xác định giá trị của sức lao động chỉ là những tư liệu vật chất tối thiểu cần thiết cho sinh hoạt của người công nhân và gia đình họ.

Nếu như giá trị của sức lao động, quả thực chỉ là một số nhu cầu sinh hoạt tối thiểu của người công nhân, thì sẽ sinh ra ấn tượng là không có sự bần cùng hóa tuyệt đối. Vì sao? Bởi vì bất cứ một sự tăng thêm nào của mức tối thiểu đó đều có thể coi như là nâng cao mức sống của giai cấp công nhân. Trong những thời kỳ cá biệt, trong những nước tư bản cá biệt, tiền lương thực tế của công nhân có thể tạm thời được nâng lên. Xuất phát từ sự thật đó, Sto-re-si tuyên bố rằng lý luận mác-xít về sự bần cùng hóa của giai cấp công nhân đã «lỗi thời» rồi. Trong khi nói về giá trị của sức lao động, nhà «lý luận» của Công đảng hoàn toàn không chú ý đến nhân tố lịch sử và tinh thần.

Trong việc «bác bỏ» lý luận mác-xít về sự bần cùng hóa tuyệt đối, Sto-re-si đã tiến hành, ít nhất là hai sự xuyên tạc vô cùng thô bạo. Thứ nhất cố ý xuyên tạc lý luận về tiền lương của Mác. Mọi người đều biết, không bao giờ Mác nói rằng tiền lương không thể cao hơn giá trị của những tư liệu sinh hoạt vật chất tối thiểu của người công nhân. Hơn nữa, Mác và Ăng-ghen đã nghiêm khắc phê phán cái gọi là «quy luật sắt về tiền lương» của Lát-xan, quy luật này «xây dựng trên

---

1. Mác: *Tư bản*, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, 1959, t. I, tr. 238.

cơ sở của một quan điểm kinh tế đã hoàn toàn lỗi thời: hình như người công nhân, trung bình chỉ nhận được tiền *lương tối thiểu...*»[1]. Vấn đề đó, Stơ-re-si không thể không biết đến.

Thứ hai, theo đuôi các nhà kinh tế học tư sản, Stơ-re-si bỏ qua tất cả những nhân tố quyết định mức sống của người công nhân. Những nhân tố đó là: mức tiền lương thực tế và quan hệ giữa mức tiền lương thực tế với giá trị của sức lao động, quy mô của nạn thất nghiệp, mức cường độ lao động, điều kiện nhà ở của công nhân, tình cảnh của công nhân không những trong những nước phát triển mà cả trong những nước phụ thuộc và thuộc địa v.v. Để chứng minh sự tăng lên không ngừng về mức sống của nhân dân lao động Anh và các nước khác, Stơ-re-si chỉ đưa ra những số liệu về tăng tiền lương thực tế của công nhân có việc làm để làm luận cứ. Những chỉ tiêu khác thì y không để ý đến.

Nhiều bọn cải lương và xét lại khác cũng dùng những phương pháp tương tự như vậy để xuyên tạc lý luận mác-xít về sự bần cùng hóa của giai cấp vô sản. Trong bài «Lại bàn về sự bần cùng hóa» đăng trong tạp chí Pháp «Cahiers du Communisme» («Tập san của chủ nghĩa cộng sản») (5-1957), đồng chí Tô-rê, Tổng bí thư của Đảng Cộng sản Pháp đã vạch mặt tên xã hội phái hữu Pi-e Rem-be, vì tên này âm mưu gán cho Mác tư tưởng sau đây: số phận của giai cấp công nhân có thể được cải thiện vô hạn dưới chế độ tư sản. Rem-be trích ra một đoạn trong bộ *Tư bản:* «Lúc đó, những người công nhân nhận được, dưới hình thái tiền công, một bộ phận lớn hơn, trong số sản phẩm thặng dư —

---

1. Mác — Ăng-ghen: *Toàn tập*, tiếng Nga, t. 15, tr. 290.

do chính họ làm ra — ngày càng lớn lên và không ngừng được tư bản hóa, khiến cho họ có thể mở rộng được phạm vi hưởng thụ của họ, có thể ăn, mặc, ở... khá hơn trước, và để dành được chút ít tiền ».[1]

Rem-be cố tình cắt xén những điều trích dẫn trong *Tư bản*. Trong *Tư bản*, ngay sau những lời trích nói trên, Mác lại nói đến những điều như sau: « Nhưng nếu một sự đối đãi tốt hơn, số thức ăn nhiều hơn, quần áo sạch sẽ hơn và một món tiền tiêu vặt nhiều hơn chẳng làm cho xiềng xích của chế độ nô lệ vì thế mà tiêu tan đi, thì đối với xiềng xích của chế độ làm thuê cũng có thể nói như vậy... Tăng tiền công, thì nhiều lắm cũng chỉ là giảm một cách tương đối lượng lao động không công mà người thợ phải cung cấp »[2]. Nói một cách khác, ở đây Mác nhấn mạnh rằng người công nhân chỉ có thể tồn tại trong điều kiện tái sản xuất ra những điều kiện nô dịch bản thân họ. Đó là tư tưởng cơ bản của Mác mà Pi-e Rem-be đã che giấu mất.

Nhưng điều quan trọng nhất là nếu như trong tiết thứ nhất của chương XXIII của quyển I *Tư bản*, Mác nghiên cứu những điều kiện bán sức lao động trong khi cấu tạo của tư bản không thay đổi, thì trong tiết thứ hai của chương đó, Mác lại vạch ra rằng, giai đoạn lịch sử đó đã qua rồi: « Mãi cho đến nay, chúng ta mới chỉ nghiên cứu giai đoạn đặc biệt của quá trình ấy, trong đó sự tăng lên của tư bản rất hợp với một tình trạng đình đốn của cấu tạo kỹ thuật của tư bản. Nhưng quá trình tiến triển còn đi xa hơn giai đoạn đó ».[3]

---

1. Mác: *Tư bản*, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, 1960, t. III, tr 81.

2. *Sách đã dẫn*, tr. 81 - 83.

3 *Sách đã dẫn*, tr. 87.

Toàn bộ lịch sử hiện đại của chủ nghĩa tư bản có đặc điểm là tăng thêm trình độ cơ giới hóa, phát triển các tư liệu sản xuất kỹ thuật và giảm bớt một cách có tỷ lệ số lượng công nhân so với khối lượng tư liệu sản xuất đó. Tình hình đó đưa đến kết quả là hình thành nên đội quân lao động công nghiệp dự bị. Đội quân này thường xuyên ảnh hưởng đến tình cảnh của đội quân lao động có việc làm. Xuất phát từ sự phân tích tình hình thực tế của chủ nghĩa tư bản, Mác đi đến kết luận về «quy luật chung và tuyệt đối của tích lũy tư bản». Mác viết: «Mặc dù định ngạch tiền công cao hay thấp như thế nào, nhưng tư bản càng tích lũy lại thì tình cảnh của người lao động nhất định càng tồi tệ hơn trước»[1].

Rem-be đã hoàn toàn xuyên tạc các nguyên lý của Mác và mưu đồ gán cho Mác những cái mà chính Mác thường xuyên chống lại.

Bọn cải lương và xét lại hiện đại còn gán cho Mác một quan điểm tầm thường về tính chất tự động và liên tục của quá trình bần cùng hóa tuyệt đối giai cấp vô sản.

Trên thực tế, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác—Lê-nin bao giờ cũng chống lại những sự xuyên tạc như vậy của kẻ thù của chủ nghĩa Mác đối với «lý luận về sự bần cùng». Ngay từ năm 1891, trong khi phê phán nguyên lý sau đây trong cương lĩnh Éc-phuya của những người xã hội — dân chủ Đức: «số lượng người vô sản và sự *bần cùng* của họ ngày càng trở nên trầm trọng», Ăng-ghen đã viết: «Điều này, nếu khẳng định tuyệt đối như thế là không đúng. Có thể rằng tổ chức của những người lao động, sự phản kháng ngày càng

1. Mác: *Tư bản*, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, 1960, t.III, tr. 126.

tăng của họ, tạo thành một chướng ngại nào đó đối với sự tăng thêm cảnh *khốn cùng*. Nhưng điều chắc chắn tăng thêm, chính là *trạng thái bấp bênh trong đời sống. Đây là điều mà tôi muốn thêm vào*»[1].

Lê-nin cũng đã vạch ra rằng, cần phải hiểu lý luận của Mác về sự nghèo nàn ngày càng tăng của giai cấp công nhân, như là một «*xu hướng* của chủ nghĩa tư bản, xu hướng này sẽ biến thành hiện thực nếu như không có đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản chống lại xu hướng đó, nếu như không có những luật lệ về bảo hộ công nhân mà giai cấp công nhân đã giành được»[2].

Như vậy là chủ nghĩa Mác hoàn toàn không phủ nhận rằng trong các nước khác nhau, trong các thời kỳ khác nhau, sự bần cùng hóa của giai cấp công nhân có thể xảy ra với những mức độ gay gắt khác nhau, và trong một số nước, do kết quả của đấu tranh giai cấp khốc liệt, giai cấp công nhân có thể tạm thời cải thiện được đời sống vật chất của mình. Nhưng nói chung có xu hướng như sau: đời sống của giai cấp công nhân trong các nước tư bản, không tránh khỏi ngày càng trở nên sút kém. Quy luật bần cùng hóa tuyệt đối nhân dân lao động dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, nếu hiểu theo quan điểm mác-xít, chứ không phải theo quan điểm tầm thường, thì hiện nay vẫn phát sinh tác dụng với tính tất yếu nghiêm khắc như cách đây 100 năm.

Trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản, sự bần cùng hóa tuyệt đối nhân dân lao động biểu hiện dưới nhiều hình thức.

---

1. Mác — Ăng-ghen: *Phê phán cương lĩnh Gô-ta và Ec-phuya*, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1957, tr. 89.

2. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, t. 4, tr. 213.

Việc tăng thêm đội quân lao động công nghiệp dự bị và nhân khẩu thừa nông nghiệp ở nông thôn, trước hết có ảnh hưởng nghiêm trọng đến mức sống của giai cấp công nhân. Trên thị trường lao động, sự tồn tại của đội quân thất nghiệp đông đảo, làm cho bọn tư bản có khả năng giảm bớt tiền lương của những công nhân đương làm việc trong sản xuất. Ngoài ra, điều kiện sinh hoạt của công nhân sở dĩ ngày càng sút kém còn là vì trong nhiều trường hợp, những người thất nghiệp trong gia đình phải sống dựa vào tiền lương của những người thân thuộc.

Đội quân lao động dự bị là người bạn đồng hành thường xuyên của chủ nghĩa tư bản. Trong thời kỳ tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản, nó có tính chất kinh niên. Nếu năm 1929, trong 6 nước tư bản chủ yếu (Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Ý và Nhật) số người thất nghiệp là 4.200.000 người, thì hiện nay chỉ riêng nước Mỹ số người thất nghiệp hoàn toàn đã lên đến gần 5 triệu người. Ngoài ra, ở Mỹ còn có hơn 10 triệu người không làm việc đủ cả tuần.

Nạn thất nghiệp kinh niên là tai nạn dân tộc, là cảnh bi ai của hàng triệu người lao động ở Mỹ. Nạn thất nghiệp mang lại cho họ đói rét và thiếu thốn mọi bề. Không thể không cảm động khi đọc đến những tài liệu của hội nghị thất nghiệp họp ở Mỹ vào tháng 4 năm 1959. Ngay những lãnh tụ phản động của các công đoàn Mỹ cũng buộc phải thừa nhận rằng Mỹ đương trải qua một tai nạn dân tộc thực sự, đó là nạn thất nghiệp kinh niên đông đảo. Tại hội nghị các công đoàn sản xuất, Jooc Mi-ni, chủ tịch liên đoàn lao công Mỹ tuyên bố rằng: «... nạn thất nghiệp đông đảo đã trở thành một đe dọa ngày càng lớn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân nước ta. Nó là một mối đe dọa nghiêm trọng

không những đối với công nhân mất công ăn việc làm, mà còn đối với công nông nghiệp, vì công nông nghiệp, cuối cùng, sẽ mất thị trường». [1]

Tình hình thực tế bi đát của nước Mỹ đã thẳng tay bóc trần mọi bịa đặt của bọn kinh tế học tư sản và bọn tay sai xét lại của chúng về «phúc lợi chung» và sự «phồn vinh» của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Nạn thất nghiệp kinh niên là một trong những đặc điểm nổi bật nhất của chủ nghĩa tư bản trong thời đại ngày nay.

Tăng cường độ lao động có ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc hạ thấp mức sống của giai cấp công nhân dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Ai cũng biết rằng, trình độ lao động khẩn trương quá mức trong các xí nghiệp tư bản chủ nghĩa, làm cho thể xác và thần kinh của người công nhân căng thẳng quá độ. Trong những điều kiện như vậy, muốn khôi phục lại năng lực lao động bình thường thì cần phải tăng lương một cách tương đương; cố nhiên không một nhà tư bản nào đồng ý việc đó. Trong điều kiện lao động ngày càng trở nên khẩn trương nhanh chóng thì dù tiền lương có được tăng lên phần nào (nếu như thực sự có tăng) cũng không đủ để đảm bảo tái sản xuất ra sức lao động một cách bình thường. Do đó, mức sống của công nhân ngày càng giảm bớt.

Khẩn trương hóa lao động là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm tăng thêm tai nạn lao động, gây ra nhiều bệnh tật về hệ thần kinh và hệ thống tuần hoàn, gây tình trạng tàn phế quá sớm. Những sự thật đó, ngay thống kê tư sản cũng không thể che giấu được. Ở nước Cộng hòa liên bang Đức (Tây Đức), theo tài liệu của Bộ Lao động thì cứ trong số 1.000 người

---

1. Báo «Sự thật» (Liên-xô) số ra ngày 15-4-1959.

làm việc đầy đủ cả tuần, số tai nạn lao động năm 1952; là 90,8‰; năm 1953: 97,4‰; năm 1954: 102,95‰; năm 1955: 109,68‰. Do có bệnh tật nên cứ 100 người có bảo hiểm thì năm 1952 mất 1.103,8 ngày, nhưng năm 1955 mất đến 1.212,3 ngày, nghĩa là tăng lên 9,8%. Trong công nhân Tây Âu, 45,5% trường hợp tai nạn bị tàn phế, là do bệnh tật của hệ thống tuần hoàn.

Việc tăng cường độ lao động đối với giai cấp vô sản Mỹ, mang lại những hậu quả đặc biệt tai hại. Theo tài liệu của Cục thống kê lao động Mỹ, thì từ năm 1950 đến năm 1957, số người bị tai nạn lao động trong công nghiệp Mỹ là gần 15.800.000 công nhân. Do tai nạn lao động nên có 118 ngàn người bị chết, 640 ngàn người bị tàn phế. Đó là những tài liệu hoàn toàn không đầy đủ, nhưng nó là bản cáo trạng kết án chế độ bóc lột vô cùng tàn nhẫn đối với nhân dân lao động trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn hiện nay.

Sự bần cùng hóa tuyệt đối nhân dân lao động biểu hiện ở sự giảm sút tiền lương thực tế. Về vấn đề này thì những tài liệu về nước Anh mà nhà kinh tế học Đức I. U. Cu-sin-ski đưa ra, là những bằng chứng hết sức hùng hồn. Ông ta vạch ra rằng, Anh có xu hướng chung là hạ thấp tiền lương thực tế của công nhân. Từ đầu thế kỷ XX cho đến chiến tranh thế giới lần thứ hai, tiền lương thực tế của công nhân Anh thấp hơn mức năm 1901. Năm 1939 nó chỉ bằng 91,5% mức năm 1901. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, tiền lương thực tế của giai cấp công nhân Anh cũng có xu hướng giảm sút hơn nữa. Sức mua của công nhân Anh giảm sút là một bằng cớ hùng hồn nhất chứng tỏ điều đó. Theo chỉ số giá sinh hoạt chính thức thì chi tiêu trung bình hàng năm để mua hàng tính theo đầu người, từ năm 1946 đến

năm 1953 không đạt mức trước chiến tranh, chỉ bằng 92 đến 97% mức năm 1938 (tính theo giá cả không thay đổi).

Những tài liệu sau đây nói lên giá sinh hoạt tăng lên không ngừng trong các nước tư bản chủ nghĩa: nếu lấy mức sinh hoạt tối thiểu ở Mỹ năm 1953 là 100 thì năm 1947 là 83 và năm 1956 là 102. Cũng trong những năm đó, giá sinh hoạt ở Anh từ 73 tăng lên đến 112, ở Tây Đức từ 81 tăng lên 103, ở Ý từ 81 tăng lên 111, ở Nhật từ 34 tăng lên 106.

Việc hạ thấp mức sống của nhân dân lao động dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, còn biểu hiện ở điều kiện ăn, ở v. v. ngày càng tồi tàn hơn. Cách đây không lâu, các tác giả bản báo cáo của Liên hợp quốc « Về tình hình xã hội trên thế giới » buộc phải thừa nhận rằng hơn 1/2 dân số các nước tư bản tiếp tục sống trong những điều kiện không đảm bảo cho họ tránh khỏi bệnh tật, không đảm bảo cho họ một chế độ ăn uống cần thiết cho sức khỏe, không đảm bảo cho họ có nhà ở hợp với những nhu cầu tối thiểu của con người.

Theo tài liệu của tờ báo hàng ngày của Pháp « Người quan sát nước Pháp » thì hiện nay, trong các nước tư bản, hàng năm có từ 30 đến 40 triệu người chết đói. Trong tạp chí đó vạch ra rằng ở Pa-ri (dân số 6, 9 triệu người) có 2 triệu người ăn không no, đó là công nhân, thợ thủ công và vô số các tầng lớp lao động khác.

Thậm chí ở nước tư bản giàu có nhất như nước Mỹ cũng có hàng triệu người sống trong hoàn cảnh vô cùng thiếu thốn. Trong cuốn « Tình hình thực tế », do Tiểu ban dân tộc của Đảng dân chủ phát hành, có nói rằng: ở Mỹ có 15 triệu người sống trong những túp lều lụp xụp, 13 triệu nhà ở (1/4 tổng số nhà ở) không hợp với điều kiện nhà ở, 7 triệu nhà ở thành thị nói chung

không thích hợp cho việc ăn ở. Ngoài ra, nhân dân lao động phải trả tiền nhà rất cao. Thông thường, tiền thuê nhà chiếm 25 — 30% ngân sách gia đình công nhân.

Cuối cùng, khi nói đến sự bần cùng hóa tuyệt đối thì không phải chỉ chú ý đến quần chúng lao động trong nước đó. Bức tranh bần cùng hóa tuyệt đối chỉ có thể vẽ ra một cách đầy đủ nhất khi người ta chú ý đến mức sống của nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc. Trước đây Mác đã nhấn mạnh đến điều đó. Mác viết: «Nếu nói đến việc tăng lương thì cần phải thấy rằng: lương sở dĩ được tăng lên là nhờ có công nhân ở những nước khác sống không có bánh mì»[1].

Tất cả những tài liệu đó bác bỏ những điều bịa đặt của bọn xét lại và bọn cải lương về «xu hướng cải thiện không ngừng» mức sống vật chất của công nhân trong điều kiện thực tế của chủ nghĩa tư bản.

Giai cấp công nhân các nước tư bản phải tiến hành đấu tranh khốc liệt để cải thiện điều kiện sinh hoạt của mình. Bọn «phê phán» chủ nghĩa Mác — Lê-nin không thể nêu lên được một Nhà nước tư bản nào mà trong đó chính phủ thực sự quan tâm đến nhân dân. Chỉ có trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, việc thỏa mãn nhu cầu vật chất và văn hóa của nhân dân mới trở thành mục đích trực tiếp của nền sản xuất.

Trên cơ sở phân tích một cách sâu sắc và khoa học, Mác chứng minh rằng nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển một cách gián đoạn do có những cuộc khủng hoảng sản xuất thừa chu kỳ. Tình hình thực tế đã hoàn toàn xác nhận tính chất đúng đắn của những kết luận khoa học đó của Mác. Nhưng bọn biện hộ hiện nay

---

1. Mác — Ăng-ghen: *Toàn tập*, tiếng Nga, t. 5, tr. 544.

của chủ nghĩa tư bản lại tuyên bố học thuyết mác-xít về khủng hoảng kinh tế là đã «lỗi thời».

Bọn xét lại Nam-tư mưu đồ gieo rắc tư tưởng cho rằng trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản, có thể «giảm nhẹ và tạm thời kéo lùi khủng hoảng chu kỳ». Các tác giả bản cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư cho Nhà nước tư sản là phương tiện vạn năng để «khống chế» khủng hoảng. Như vậy là các nhà «lý luận» Nam-tư coi thường những quy luật kinh tế khách quan hoạt động ngoài ý thức con người.

Ai cũng biết rằng, nguyên nhân căn bản gây ra khủng hoảng là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của sản xuất và hình thức chiếm hữu tư bản tư nhân về kết quả sản xuất. Như vậy là tính tất yếu khách quan của khủng hoảng nằm ngay trong bản thân chế độ tư bản chủ nghĩa. Do đó, chỉ có tiêu diệt chủ nghĩa tư bản mới có thể thủ tiêu hoàn toàn nạn khủng hoảng.

Song bọn phản mác-xít hiện nay, nhất là các tác giả của bản cương lĩnh mới của Đảng Xã hội Áo, lại quả quyết rằng ngay trong điều kiện chế độ sở hữu tư bản tư nhân còn chiếm địa vị thống trị, vẫn có thể tránh khỏi khủng hoảng. Muốn thế — theo ý kiến của bọn họ — chỉ cần nâng cao mức sống của nhân dân lao động và tăng thêm sức mua của họ. Bọn cải lương Áo viết rằng: «Kinh nghiệm của nhiều năm sau chiến tranh thế giới lần thứ hai đã cho thấy rằng chỉ có nâng cao nhanh chóng mức sống của quần chúng lao động thì mới có thể đảm bảo quản lý kinh tế mà không có khủng hoảng».

Jôn Cô-un, đảng viên Công đảng Anh, trong cuốn «Chủ nghĩa tư bản trong thế giới hiện đại» cũng mưu đồ bác bỏ nguyên lý của Mác về tính tất yếu của

khủng hoảng sản xuất thừa trong điều kiện tư bản chủ nghĩa. Theo ý kiến của y thì Mác «đã phạm phải sai lầm khi Mác cho rằng chủ nghĩa tư bản phát triển nhanh đến điểm cao nhất và rơi vào vũng bùn mâu thuẫn biểu hiện ở những cuộc khủng hoảng kinh tế lắp đi lắp lại và ngày càng trở nên sâu sắc».

Bọn cải lương và bọn xét lại hiện đại quả quyết rằng: khủng hoảng kinh tế không còn là người bạn đồng hành thường xuyên của chủ nghĩa tư bản nữa, do đó chủ nghĩa tư bản ngày càng trở nên phồn vinh, trái với những điều dự kiến của Mác. Phải chăng lời khẳng định đó là đúng?

Thực tiễn, đời sống là tiêu chuẩn tốt nhất của chân lý. Toàn bộ quá trình phát triển của xã hội loài người đã hoàn toàn xác nhận học thuyết của Mác là đúng và đã đánh đổ mọi quan điểm tư sản cải lương, xét lại. Nhất là tình hình thực tế đã hoàn toàn chứng thực nguyên lý mác-xít về tính chất chu kỳ của khủng hoảng kinh tế dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Ai cũng biết rằng, sau cuộc khủng hoảng 1873, thế giới tư bản gặp phải những cuộc khủng hoảng: 1882, 1890, 1900—1903, 1907, 1920—1921, 1929—1933, 1937—1938; sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, ở Mỹ có những cuộc khủng hoảng: 1948—1949, 1953—1954.

Cuộc khủng hoảng 1929—1933 là cuộc khủng hoảng có sức tàn phá đặc biệt ghê gớm; đứng về trình độ sâu sắc và hậu quả của nó mà nói thì cuộc khủng hoảng đó vượt xa rất nhiều cuộc khủng hoảng 1873. Chỉ cần nêu ra những tài liệu sau đây là đủ chứng minh điều đó: ở Mỹ, việc khai thác than trong cuộc khủng hoảng 1873 giảm 9,1%, nhưng trong cuộc khủng hoảng 1929—1933 giảm xuống 40,9%, việc sản xuất gang trong cuộc khủng hoảng 1873 giảm 27%, nhưng trong cuộc khủng

hoảng 1929 — 1933 giảm 79,4%. Cuộc khủng hoảng 1929 — 1933 đã đẩy nước Mỹ lùi lại 28 năm về trước trong việc khai thác than, 36 năm về trước trong việc sản xuất gang, 31 năm về trước trong việc sản xuất thép v.v. Ở Anh, Đức và các nước tư bản khác cũng có những tình hình tương tự như vậy.

Quân sự hóa kinh tế chỉ có thể tạm thời cứu vớt chủ nghĩa tư bản tránh khỏi khủng hoảng nổ ra, nhưng về thực tế nó lại tạo thêm tiền đề cho những cuộc khủng hoảng mới. Tình hình của Mỹ trong thời gian vừa qua đã chứng minh điều đó. Từ nửa năm cuối của năm 1957, Mỹ bước vào một cuộc khủng hoảng kinh tế sản xuất thừa mới. Ở Mỹ, sản xuất bị giảm sút nghiêm trọng. Trong vòng một năm rưỡi, từ tháng 9-1957 đến cuối tháng 2-1958, sản xuất công nghiệp của Mỹ giảm 11-12%. Trong 6 tháng đầu, cuộc khủng hoảng mới đó đã đẩy lùi nền kinh tế Mỹ quay lại mức 15 năm về trước, tức là quay lại mức năm 1943.

Những sự thật không thể chối cãi được đó, đã hoàn toàn bác bỏ «lý luận» của bọn biện hộ cho tình hình thực tế của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Những lực lượng bên trong của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa có tác dụng kích thích sản xuất phát triển, thì hiện nay đã ngày càng yếu dần. Chủ nghĩa tư bản mưu đồ dựa vào những phương pháp nhân tạo, chủ yếu là chạy đua vũ trang để phát triển kinh tế. Nhưng, như kinh nghiệm lịch sử đã chứng minh, tác dụng của những yếu tố nhân tạo đó không thể ngăn ngừa được khủng hoảng kinh tế sản xuất thừa nổ ra dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Dù bọn cải lương và xét lại có ra sức che đậy sự xấu xa căn bản đó của chế độ tư bản chủ nghĩa đi chăng nữa, rốt cuộc chúng cũng không sao đạt được kết quả.

Nếu nhìn đến những thành tích kinh tế vô cùng to lớn của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác thì

những âm mưu của chúng hòng tô son điểm phấn cho chủ nghĩa tư bản lại càng thảm hại hơn. Nền kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa không có khủng hoảng và tình trạng sản xuất đình đốn, nó phát triển với tốc độ nhanh chóng mà chủ nghĩa tư bản không thể có được.

Những luận điệu của bọn xét lại và cải lương về sự thay đổi bản chất của chủ nghĩa tư bản hiện đại, liệu có chút cơ sở nào không? Bất cứ người nào hiểu biết lý luận mác-xít cũng đều thấy rõ rằng những luận điệu tương tự như vậy là không có chút căn cứ nào cả. Ai cũng biết rằng, chính chủ nghĩa Mác — Lê-nin là chủ nghĩa đầu tiên đã đứng trên quan điểm khoa học để đánh giá «kỷ nguyên phát triển mới» của chủ nghĩa tư bản. Lê-nin đã xác định hiện tượng mới đó là chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước. Thực chất của nó không phải là thay đổi bản chất của bản thân chủ nghĩa tư bản như bọn kinh tế học tư sản, bọn cải lương và xét lại thường nói, mà thực chất của nó là ở chỗ bộ máy Nhà nước phục tùng các tổ chức lũng đoạn tư bản chủ nghĩa, người ta dùng bộ máy Nhà nước để can thiệp vào kinh tế nhằm mục đích đảm bảo lợi nhuận lũng đoạn cao.

Lê-nin đã từng vạch ra rằng, chủ nghĩa đế quốc là sự kế tục và phát triển các thuộc tính cơ bản của chủ nghĩa tư bản trước lũng đoạn, nó không những không xóa bỏ mà trái lại làm tăng thêm tất cả các mâu thuẫn của chế độ tư sản. Đồng thời Lê-nin lại nhấn mạnh rằng, trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, một số thuộc tính cơ bản của chủ nghĩa tư bản đã trở thành cái đối lập với nó. Một trong những đặc điểm của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn là ở chỗ lũng đoạn lớn từ tự do cạnh tranh, nhưng không thủ tiêu tự do cạnh tranh, mà là

tồn tại trên tự do cạnh tranh và bên cạnh tự do cạnh tranh, do đó đẻ ra những mâu thuẫn, xung đột, cọ xát đặc biệt gay gắt; chỉ có cách mạng xã hội chủ nghĩa mới có thể giải quyết được những mâu thuẫn đó.

Trong thời gian vừa qua, trong thế giới tư bản chủ nghĩa xảy ra những hiện tượng mới trong kinh tế cũng như trong chính trị. Tăng cường khuynh hướng lũng đoạn Nhà nước là một trong những hiện tượng đặc biệt nhất của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Trong các nước tư bản chủ yếu, hiện nay chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước đã phát triển rất mạnh. Ví dụ ở Anh, tỷ lệ của Nhà nước chiếm 20,1% tổng số vốn đầu tư; ở Ý, tỷ lệ của Nhà nước chiếm 36,1% tổng số tư bản cổ phần; ở Tây Đức: 14%. Ở Mỹ, Nhà nước có những xí nghiệp như sau: xí nghiệp công nghiệp nguyên tử, xí nghiệp quân sự, các trạm thủy điện hạng lớn, các cơ quan tín dụng v.v.

Chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước ra đời là do quá trình tập trung và tích tụ tư bản diễn ra một cách khách quan. Quá trình đó dẫn đến sự ra đời của các tổ chức lũng đoạn kếch sù, bọn chúng khống chế những bộ phận kinh tế có tính chất quyết định của các nước tư bản. Chẳng hạn như ở Mỹ, 500 công ty công nghiệp kếch sù chiếm khoảng 1/2 sản lượng công nghiệp, 59% vốn của các công ty công nghiệp và 54% tổng số doanh số thương nghiệp; trong xí nghiệp của các công ty đó chiếm gần 50% tổng số công nhân công nghiệp trong nước. Ở Pháp, 100 tơ-rớt thống trị nền kinh tế trong nước, 11% công ty cổ phần chiếm 81% tổng số lợi nhuận; ở Tây Đức 10% công ty cổ phần chiếm hơn 81,7% tổng số tư bản cổ phần cố định. Một số ít công ty kếch sù chiếm địa vị thống trị trong nền kinh tế của mọi nước tư bản phát triển.

Những sự thay đổi trong kinh tế, trong hạ tầng cơ sở của xã hội, cố nhiên dẫn đến những sự thay đổi trong thượng tầng kiến trúc. Nếu như trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản trước lũng đoạn, Nhà nước bảo vệ lợi ích của tất cả các nhà tư bản, thì trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, Nhà nước tư sản về cơ bản đại biểu cho lợi ích của một nhóm nhỏ các tổ chức lũng đoạn. Các tổ chức lũng đoạn lợi dụng Nhà nước và bộ máy của nó để phục vụ cho mục đích tư lợi của mình. V. Péc-lô, nhà kinh tế học tiến bộ Mỹ, trong cuốn «Nước đế quốc của bọn trùm tài chính» xuất bản năm 1957 ở Nữu-ước, đã vạch trần sự phụ thuộc trực tiếp của bộ máy Nhà nước Mỹ vào một nhóm nhỏ các tổ chức lũng đoạn. Tác giả viết rằng: «Một sự thật không thể chối cãi được là chính phủ liên bang — về nhiều mặt — hoạt động với tư cách là một chi nhánh của bộ máy lãnh đạo tư nhân của tư bản kếch sù».

Vích-to Péc-lô đã dùng nhiều sự thật và tài liệu thống kê để chứng minh nguyên lý đó. Những sự thật và tài liệu thống kê đó vạch ra rằng bộ máy Nhà nước Mỹ đã hoàn toàn chuyển sang phục vụ cho tư bản lũng đoạn, đang áp dụng mọi biện pháp cần thiết để đảm bảo lợi nhuận lũng đoạn cao cho tư bản. Nhất là chính phủ đã vạch ra một chế độ ưu đãi, đặc quyền cho các tổ chức lũng đoạn kếch sù được miễn thuế hoàn toàn hay một phần.

Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, để phục vụ cho lợi ích của các tổ chức lũng đoạn kếch sù, chính phủ Mỹ đã thi hành chính sách bán lại các nhà máy mà chính phủ đã xây dựng trong thời gian chiến tranh. Trong đa số trường hợp, những nhà máy đó bán cho các tổ chức lũng đoạn kếch sù với giá cả thấp hơn giá thành rất nhiều. Ví dụ: «Công ty thép Mỹ» mua mộ

nhà máy luyện kim với giá 47 triệu 50 vạn đô-la, nhưng tiền xây dựng nhà máy đó là 202 triệu 50 vạn đô-la.

Chính phủ còn giúp đỡ rất nhiều cho các tổ chức lũng đoạn bằng cách xây dựng cái gọi là dự trữ vật liệu chiến lược sau chiến tranh, ra sức thúc đẩy các tổ chức lũng đoạn xâm nhập vào nước ngoài. Tất cả những điều đó chứng tỏ rằng Nhà nước tư sản hiện đại phục vụ cho các tổ chức lũng đoạn. Điều đặc biệt rõ ràng hơn cả là ngay trong thành phần của chính phủ Mỹ, số lượng con buôn kinh doanh ngày càng tăng.

Bọn xét lại hiện đại đánh giá những hiện tượng mới xảy ra trong tình hình thực tế của chủ nghĩa tư bản như thế nào?

Họ nhận thấy một sự thật là trong nền kinh tế của chủ nghĩa tư bản đương xảy ra những quá trình mới. Nhưng khi đi đến những kết luận rút ra từ sự phân tích các quá trình xảy ra một cách khách quan trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa thì bọn xét lại hiện đại hoàn toàn xa rời chủ nghĩa Mác — Lê-nin và rơi vào lập trường của bọn xã hội phái hữu.

Trên thực tế, cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư thậm chí không đả động gì đến danh từ «chủ nghĩa tư bản Nhà nước lũng đoạn». Các tác giả của bản cương lĩnh thay thế danh từ đó bằng danh từ «chủ nghĩa tư bản Nhà nước», mặc dù danh từ mác-xít — lê-nin-nít đó nói lên bản chất sâu sắc nhất của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Nhưng phải chăng đó chỉ là trò đùa giễu cợt về thay đổi danh từ? Rõ ràng là ở đây, vấn đề không phải giản đơn như khi ta mới nhìn sơ qua. Ai cũng biết rằng, chủ nghĩa tư bản Nhà nước là một trong những thành phần kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa đương quá độ từ chủ nghĩa tư

bản sang chủ nghĩa xã hội. Và nếu thừa nhận rằng chủ nghĩa tư bản Nhà nước có thể tồn tại cả trong điều kiện của chủ nghĩa đế quốc, thì có thể đi đến kết luận rằng: giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản không có một hố sâu ngăn cách nào mà không thể vượt qua được, rằng chủ nghĩa tư bản trải qua nhiều thay đổi, dần dần có thể lớn lên thành chủ nghĩa xã hội. Chính các tác giả bản cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư đã đi đến kết luận như vậy.

Nhưng dù bọn xét lại hiện đại có ra sức tô son điểm phấn cho chủ nghĩa tư bản hiện đại đi nữa thì chúng vẫn khó lòng che đậy được những điều xấu xa của chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa tư bản là một chế độ đã lỗi thời. Nó là một chế độ xã hội mà từ lâu đã mất hết mọi khả năng tiến bộ. Do có sự tác động của một số nhân tố tạm thời (quân sự hóa kinh tế, gây ra những vụ xung đột quân sự, v.v.) nên chủ nghĩa tư bản, rong một thời gian ngắn, có thể phát triển kinh tế trong một chừng mực nhất định. Nhưng tất cả những điều đó chỉ nói lên sự giẫy giụa trước giờ chết của một cơ thể tàn lụi. Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, các lực lượng bên trong của thế giới cũ đã bị lung lay rất mạnh, do sự hình thành của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, do sự tan rã của hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, do mâu thuẫn giữa các nước đế quốc chủ yếu ngày càng trở nên sâu sắc.

Và ngược lại, chủ nghĩa xã hội ngày càng lớn mạnh và củng cố, ngày càng có sức sống mới. Sức sống của chủ nghĩa xã hội và những điểm ưu việt căn bản của nó so với chủ nghĩa tư bản đã được chứng minh bằng toàn bộ quá trình phát triển lịch sử. Kế hoạch 7 năm 1959—1965 phát triển kinh tế của Liên-xô, là một bằng chứng mới nói lên tính bất khả chiến thắng của chế độ

xã hội xã hội chủ nghĩa và sự diệt vong của chủ nghĩa tư bản. Hoàn thành kế hoạch đó, sẽ là một đòn chí tử giáng vào tất cả các thứ « lý luận » tư sản cải lương và xét lại ra sức che đậy mọi ung nhọt và mâu thuẫn không thể điều hòa của chế độ tư bản chủ nghĩa.

III. PHÊ PHÁN CHỦ NGHĨA XÉT LẠI HIỆN ĐẠI TRONG CÁC VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ KINH TẾ HỌC PHẦN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Chủ nghĩa xét lại hiện đại tấn công ác liệt vào chính trị kinh tế học phần chủ nghĩa xã hội, phần này nghiên cứu quan hệ sản xuất của phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa. Và sự « phê phán » đó không phải là một điều ngẫu nhiên : bọn phản mác-xít ra sức bôi nhọ chế độ xã hội mới mà từ lâu đã chứng minh cho nhân loại thấy rõ những điểm ưu việt căn bản của mình so với chủ nghĩa tư bản. Là tay sai của giai cấp tư sản trong phong trào công nhân, bọn xét lại ra sức kìm hãm quá trình phát triển tất yếu của lịch sử mà nội dung cơ bản của nó trong thời đại chúng ta là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội.

Trong lĩnh vực chính trị kinh tế học phần chủ nghĩa xã hội, thực chất của chủ nghĩa xét lại hiện đại là : thứ nhất, phủ nhận tính tất yếu của việc dùng cách mạng để cải tạo chủ nghĩa tư bản thành chủ nghĩa xã hội; thứ hai, xuyên tạc bản chất của kinh tế xã hội chủ nghĩa và các quy luật kinh tế khách quan của phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa, xuyên tạc tính chất của chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa và vai trò kinh tế của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Như trên kia đã nói: bọn phản mác-xít ra sức tô son điểm phấn cho chế độ tư bản chủ nghĩa, gán cho nó tính chất «nhân dân». Bọn xét lại đã đánh giá một cách sai lệch thực chất của chủ nghĩa tư bản hiện đại, và sự đánh giá đó là cơ sở của những quan điểm của chúng về sự quá độ sang chủ nghĩa xã hội. Bọn xét lại khẳng định rằng trong lòng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa có những «nhân tố xã hội chủ nghĩa đương chín muồi», như vậy là bọn xét lại đã tuyên truyền cho sự quá độ hòa bình, tiến hóa từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội. Sự đánh giá như thế về tiền đồ của bước quá độ sang chủ nghĩa xã hội, chẳng qua là tái bản lại (có sửa chữa đôi chút) lý luận cải lương «chủ nghĩa tư bản lớn lên và đi vào chủ nghĩa xã hội một cách hòa bình».

Chủ nghĩa Mác — Lê-nin dạy rằng, bước quá độ sang chủ nghĩa xã hội có muôn hình muôn vẻ, nhưng về thực chất, đó phải là một quá trình cách mạng tiêu diệt chế độ tư sản và thay thế nó bằng một chế độ mới, chế độ xã hội chủ nghĩa. Mác đã vạch ra rằng: «Nhà nước của thời kỳ đó không thể là cái gì khác ngoài chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản».[1]

Vấn đề chính quyền là vấn đề căn bản của mọi cuộc cách mạng. Nhưng như thế không có nghĩa là giai cấp vô sản chỉ hạn chế ở chỗ nắm chính quyền. Nắm chính quyền chỉ mới là bắt đầu cách mạng. Điều chủ yếu là đập tan hoàn toàn sự phản kháng của những giai cấp bóc lột đã bị cách mạng đánh đổ, tổ chức phòng thủ đất nước, xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa, đoàn kết tất cả những người lao động xung quanh giai cấp vô sản và tiến hành công tác theo phương hướng đi đến

---

1. Mác-Ăng-ghen: *Tuyển tập*, tiếng Nga, 1955, t. 2, tr. 23.

một xã hội không có giai cấp. Tất cả những nhiệm vụ đó, chỉ có chuyên chính vô sản mới làm được.

Chuyên chính vô sản, tức quyền lực chính trị của giai cấp công nhân, là điều kiện cơ bản để xây dựng xã hội mới không những trong suốt thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội, mà cả trong thời kỳ chuyển dần từ giai đoạn thấp sang giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản. Chân lý phổ biến đó của chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã được thực tiễn xây dựng chủ nghĩa cộng sản ở Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, chứng minh.

Học thuyết chuyên chính vô sản là điểm chủ yếu trong chủ nghĩa Mác. Vì vậy, không phải ngẫu nhiên mà bọn cơ hội hữu khuynh hiện nay tập trung hỏa lực chủ yếu vào nguyên lý cơ bản đó của lý luận Mác — Lê-nin, công khai chống lại chuyên chính vô sản. Chẳng hạn như Ghi Ca-rông, một trong những phần tử xét lại ở Ca-na-đa, quả quyết rằng «chuyên chính vô sản — theo quan điểm của những người Ca-na-đa — là một hiện tượng ngoại lai và không dân chủ». Gây-xơ, nguyên là đảng viên cộng sản Mỹ, cũng truyền bá những quan điểm phản mác-xít tương tự như vậy. Gây-xơ viết rằng: học thuyết của Lê-nin về chuyên chính vô sản là «triết học xã hội chủ nghĩa thuần túy Nga», vì vậy nó không thích hợp với điều kiện của nước Mỹ.

Gây-xơ và bè lũ của y khẳng định rằng cần phải thay thế chủ nghĩa Lê-nin bằng một «học thuyết mới». Những nguyên lý cơ bản của cái gọi là học thuyết mới đó chỉ là tuyên truyền con đường quá độ hòa bình, tiến hóa sang chủ nghĩa xã hội mà không cần có chuyên chính vô sản. Bọn cơ hội phái hữu Mỹ chứng minh rằng hiện nay ở Mỹ đã bắt đầu quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội, rằng trong lòng chủ nghĩa tư

bản đang chín muồi thành phần xã hội chủ nghĩa. Bọn chúng lại nói rằng: vì đấu tranh giai cấp ở Mỹ đương dần dần mất đi, cho nên bước quá độ sang chủ nghĩa xã hội ở Mỹ sẽ được thực hiện dần dần, nghĩa là bằng cách chủ nghĩa tư bản dần dần lớn lên thành chủ nghĩa xã hội. Ai cũng thấy rằng, những luận điệu giả danh xã hội chủ nghĩa đó của Gây-xơ, một đảng viên «cộng sản» cũ, và bè lũ của y chẳng khác gì những lời tuyên truyền của Cô-un (đảng viên Công đảng phái hữu) và của Bê-nê-đích Cau-ski (nhà «mác-xít» người Áo). Hơn nữa, về mức độ trắng trợn công khai thì bọn chúng còn hơn cả Cô-un và Bê-nê-đích.

Lý luận xét lại về «chủ nghĩa tư bản lớn lên và đi vào chủ nghĩa xã hội một cách hòa bình» được nhóm Xôn-béc, Smít và những tên xét lại khác tuyên truyền mạnh mẽ cả ở trong Đảng công nhân tiến bộ Ca-na-đa. Cũng như tất cả những bọn cơ hội khác, bọn xét lại Ca-na-đa vin vào những hiện tượng mới trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản để quả quyết rằng: trong điều kiện của Ca-na-đa, mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và nhà tư bản ngày càng dịu đi. Do đó, việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Ca-na-đa sẽ được thực hiện dần dần, không cần chuyên chính vô sản.

Bọn xét lại Ca-na-đa phủ nhận các quy luật phổ biến của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đem những đặc điểm dân tộc đối lập với các quy luật ấy, tuyên truyền cái gọi là «con đường xã hội chủ nghĩa của Ca-na-đa». Trước hết bọn chúng dùng chiến thuật lừa gạt những đảng viên và công nhân thường. Bọn xét lại tuyên bố rằng bọn chúng chỉ muốn thực hiện một sự thí nghiệm vô thưởng vô phạt: «bỏ chữ «chuyên chính», vì người Ca-na-đa chống lại nó». Nhưng chẳng bao lâu thấy rõ rằng bọn xét lại không phải chỉ chống lại chữ «chuyên

chính». Bọn chúng mưu đồ đánh đổ nguyên lý của Lê-nin về tính tất yếu của chuyên chính vô sản, điều kiện chủ yếu để quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội. Bọn xét lại, thậm chí không dùng danh từ «giai cấp công nhân» nữa và thay thế danh từ đó bằng chữ «người Ca-na-đa», làm như vậy là để nêu lên tính chất đồng nhất của tất cả mọi tầng lớp xã hội trong nước.

«Lý luận» xét lại nói rằng: sự phát triển của kỹ thuật và tự động hóa trong điều kiện chủ nghĩa tư bản hiện đại, không tránh khỏi làm tăng thêm vai trò của giai cấp công nhân, «biến giai cấp công nhân thành người bá quyền lãnh đạo phương thức sản xuất», thành lực lượng sản xuất có tính chất quyết định, lực lượng này phải «hòa hợp với sự tiến bộ của kỹ thuật», — lý luận đó là một mối nguy lớn đối với phong trào công nhân và cộng sản quốc tế.

Những «tư tưởng» tương tự như vậy được An-tô-ni-ô Jô-li-ti (một trong những tên phản bội ở Ý) ra sức tuyên truyền. Những tư tưởng đó được phản ánh đầy đủ nhất trong cuốn sách của y «Cải cách và cách mạng» xuất bản năm 1957. Jô-li-ti quả quyết rằng chuyên chính vô sản không thích hợp với điều kiện của nước Ý. Theo ý kiến của y thì chuyên chính vô sản, trong một chừng mực nhất định, chỉ có thể thích hợp với những nước kinh tế lạc hậu. Còn như nước Ý và các nước tư bản phát triển khác thì chuyên chính vô sản phải được thay thế bằng cái gọi là bá quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản. Làm trò ảo thuật về những danh từ mác-xít «chuyên chính vô sản» và «bá quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản», cũng như xuyên tạc ý nghĩa chân chính của những danh từ ấy, Jô-li-ti đề ra cái gọi là «lý luận» thay thế chuyên chính vô sản bằng bá

quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản. Vậy thì Jô-li-ti hiểu thực chất của danh từ «bá quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản» như thế nào? Theo ý kiến của y thì cái gọi là «bá quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản» có nghĩa là giai cấp công nhân «nhận thức» được địa vị của mình là «lực lượng sản xuất cơ bản» trong xã hội, gánh lấy trách nhiệm lãnh đạo toàn bộ quá trình sản xuất và phát huy sáng kiến trong cuộc đấu tranh cho sự tiến bộ kỹ thuật. Do đó, «bá quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản» có nghĩa là giai cấp công nhân, trong điều kiện thống trị của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, phải chiếm lấy «vị trí bá quyền lãnh đạo trong phương thức sản xuất». Chiếm được những địa vị có tính chất quyết định trong lĩnh vực sản xuất, như thế là giai cấp công nhân tạo được điều kiện để «giành lấy quyền lực chính trị» bằng con đường cải cách. Đó là kết luận cơ bản của Jô-li-ti, khi y «đánh đổ» học thuyết chuyên chính vô sản của Mác và Lê-nin.

Nhìn kỹ vào «quan điểm» hồ đồ của Jô-li-ti, chúng ta thấy rõ được nguồn gốc thực sự của nó là ở «lý luận lực lượng sản xuất» cơ hội chủ nghĩa đã bị kết án từ lâu; theo lý luận này thì sự tiến bộ của xã hội là kết quả phát triển tự động, tự phát của các lực lượng đó.

Nhưng nếu bọn theo phái Gây-xơ, Jô-li-ti và bè lũ xuất đầu lộ diện dưới cái gọi là bộ mặt «lý luận» thì Im-rê Nát-giơ, tên phản bội sự nghiệp của giai cấp công nhân, về thực tế đã mưu đồ thực hiện «lý luận về sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội bằng con đường hòa bình». Y quả quyết rằng kinh tế tiểu nông có thể phát triển lên chủ nghĩa xã hội bằng con đường «hòa bình», «dân chủ», không cần có chuyên chính vô sản. Theo ý kiến của Im-rê Nát-giơ thì khu vực công nghiệp đã được quốc hữu hóa ở Hung-ga-ri không phải là thành

phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, còn thành phần tư bản Nhà nước thì cũng như sản xuất tiểu nông, sẽ dần dần lớn lên thành chủ nghĩa xã hội. Tất cả những căn cứ «lý luận» đó, Im-rê Nát-giơ cho là sự phát triển chủ nghĩa Mác một cách «sáng tạo». Thường thường y hay trích tác phẩm của Lê-nin để nói lên lòng trung thành của y đối với chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Nhưng làm như vậy cốt là để che đậy quan điểm phản cách mạng của y, lừa dối những người nhẹ dạ. Chủ nghĩa xét lại là sự chuẩn bị về mặt tư tưởng cho cuộc nổi loạn phản cách mạng ở Hung-ga-ri. Những hoạt động và bộ mặt chính trị của Im-rê Nát-giơ là kiểu mẫu có tính cách cổ điển của chủ nghĩa xét lại hiện đại.

Bọn xét lại Nam-tư chống lại học thuyết Mác — Lê-nin về chuyên chính vô sản, về Nhà nước xã hội chủ nghĩa dưới một hình thức mơ hồ nhất.

Các tác giả bản cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư, nói chung không phủ nhận Nhà nước chuyên chính vô sản. Trái lại, họ còn nhấn mạnh vai trò tiến bộ phần nào của Nhà nước đó ; nhưng điều chủ yếu nhất là ở chỗ họ cho rằng chỉ có trong thời kỳ đầu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chỉ trong những « nước kém phát triển », mới có vai trò tiến bộ đó.

Về số phận sau này của Nhà nước vô sản trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội, thì trong bản cương lĩnh viết như sau :

« Việc Nhà nước quản lý sinh hoạt kinh tế, là một điều cần thiết trong các nước xã hội chủ nghĩa chừng nào mà chưa thu hẹp được bộ phận lạc hậu chủ yếu, chưa hình thành nên bộ máy quản lý xã hội tập trung và phân tán, dân chủ đối với bản thân người sản xuất... Trong khi chấp hành những chức năng của mình trong

kinh tế, Nhà nước có xu hướng tước bỏ những động lực bên trong của nền kinh tế. Khi những xu hướng đó biểu hiện ra mạnh hơn thì Nhà nước có thể biến thành một nhân tố đình đốn và kìm hãm sự phát triển xã hội, thành một nhân tố cản trở việc xây dựng các bộ máy xã hội mới đảm bảo phát triển chủ nghĩa xã hội hơn nữa... Xuất hiện ra những biểu hiện đặc thù của thời kỳ quá độ: bệnh quan liêu và những biến dạng của bệnh quan liêu Nhà nước trong sự phát triển của quan hệ xã hội chủ nghĩa».

Các tác giả bản cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư còn đi xa hơn thế nữa. Khi nghiên cứu tác dụng xã hội và nhiệm vụ của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, họ tuyên bố rằng: «Mục đích của cách mạng và của Nhà nước xã hội chủ nghĩa không phải là xây dựng một xã hội mới... Nhiệm vụ của nó chỉ là ở chỗ giải phóng các nhân tố kinh tế và xã hội của chủ nghĩa xã hội đã được phát triển ngay trong lòng xã hội cũ và phải trở thành người đại biểu cho sự phát triển xã hội chủ nghĩa về sau này...». Và tiếp đó là một sự thừa nhận còn trắng trợn hơn: «... Nhà nước và bộ máy quản lý của Nhà nước cùng các phương tiện hành chính của nó tuyệt nhiên không phải là công cụ chủ yếu của việc xây dựng chủ nghĩa xã hội». Và kết luận cuối cùng hoàn thiện một cách lô-gích quan điểm xét lại đó của bản cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư, là như sau: «Sự tiêu vong của Nhà nước đang trở thành một vấn đề cơ bản và có tính chất quyết định đối với chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa».

Trong cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư đã xét lại một trong những nguyên lý căn bản nhất của chủ nghĩa Mác — Lê-nin là học thuyết về chuyên chính vô sản, về Nhà nước vô sản.

Trên cơ sở nào, các tác giả bản cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư đi đến kết luận về sự tiêu vong tất yếu của Nhà nước chuyên chính vô sản? Kết luận đó được họ giải thích như sau. Theo ý kiến của các tác giả bản cương lĩnh thì nội dung cơ bản của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội không phải là cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa tư bản đang diệt vong và chủ nghĩa xã hội đang lớn lên như chủ nghĩa Mác đã dạy, mà là mâu thuẫn nảy sinh ra từ những hình thức và phương pháp lãnh đạo tập trung của Nhà nước đối với nền kinh tế, vì chính những hình thức và phương pháp đó đẻ ra bệnh quan liêu. Để giải quyết mâu thuẫn đó, biện pháp duy nhất là tiêu vong Nhà nước. Hơn nữa, trong khi đi đến kết luận xét lại trắng trợn đó, các tác giả của bản cương lĩnh tự cho mình là kẻ bảo vệ học thuyết Lê-nin về sự tiêu vong của Nhà nước và chỉ trích các đảng mác-xít là đã thờ ơ lãnh đạo đối với sự « tiêu vong » đó.

Tất nhiên những người sáng tạo ra « lý luận » ấy đều hiểu rõ lập trường của Lê-nin về vấn đề tiêu vong của Nhà nước. Trong tác phẩm *Nhà nước và cách mạng*, Lê-nin viết về vấn đề đó như sau: « Chỉ có những người hiểu rằng chuyên chính của *một* giai cấp là điều tất yếu không những cho mọi xã hội có giai cấp nói chung, không những cho *giai cấp vô sản* sau khi đã lật đổ giai cấp tư sản, mà còn cho suốt cả *thời kỳ lịch sử* từ chủ nghĩa tư bản sang « xã hội không có giai cấp », sang chủ nghĩa cộng sản, chỉ những người đó mới thấm nhuần thực chất của học thuyết Mác về Nhà nước »[1]. Như vậy là Lê-nin cho rằng, Nhà nước chỉ có thể tiêu vong trong xã hội cộng sản. Bọn xét lại xuyên

1. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, t. 25, tr. 384 — 385.

tạc học thuyết của Lê-nin về Nhà nước. Trong khi trích dẫn Lê-nin, bọn chúng mưu đồ làm cho những người không có kinh nghiệm chính trị hiểu sai lệch vấn đề. Nhưng phương pháp đó không phải là một điều mới mẻ: hầu hết tất cả những bọn phản mác-xít đều dùng đến nó.

Chủ nghĩa Mác—Lê-nin dạy rằng, khi phân tích mỗi một hiện tượng thì cần phải tính toán đến hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Các tác giả bản cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư coi thường nguyên lý đó của lý luận mác-xít, họ xem xét vấn đề số phận của Nhà nước xã hội chủ nghĩa một cách trừu tượng. Họ nhắm mắt trước những điều kiện phát triển cụ thể của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, nghĩa là bên cạnh hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới còn có hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới. Bọn họ âm mưu làm cho người ta không chú ý đến các tập đoàn đế quốc xâm lược là những kẻ không từ một phương pháp và thủ đoạn nào là không dùng đến để làm suy yếu các nước xã hội chủ nghĩa.

Những sự kiện ở Hung-ga-ri xảy ra vào mùa thu năm 1956 đã chứng tỏ rằng sự suy yếu của Nhà nước, sự mất cảnh giác giai cấp, là một mối nguy diệt vong đối với mọi nước xã hội chủ nghĩa. Tập đoàn phản bội Na-da — Lô-sôn-xi từ chỗ tuyên truyền việc «dân chủ hóa» và «tự do hóa» nền chuyên chính vô sản, dần dần đi đến chỗ về thực tế trực tiếp phản bội sự nghiệp của giai cấp công nhân. Những sự kiện ở Hung-ga-ri là một bài học rất lớn đối với nhân dân tất cả các nước xã hội chủ nghĩa. Từ những sự kiện đó có thể rút ra bài học đầu tiên, chủ yếu như sau: chỉ có dựa vào Nhà nước vô sản mạnh mẽ mới có thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, mặc dù nói

như vậy không có nghĩa là càng đi tới chủ nghĩa cộng sản thì các chức năng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa sẽ không có gì thay đổi.

Trong bản báo cáo của đồng chí Khơ-rút-sốp tại Đại hội lần thứ XXI của Đảng Cộng sản Liên-xô, có nhấn mạnh rằng: điều kiện quan trọng nhất để hoàn thành kế hoạch 7 năm phát triển kinh tế quốc dân của Liên-xô là tiếp tục củng cố Nhà nước xô-viết, tăng cường hoạt động tổ chức về kinh tế và văn hóa giáo dục của nó. Trong những năm vừa qua, Đảng và Chính phủ xô-viết đã áp dụng hàng loạt biện pháp quan trọng nhằm phát triển hơn nữa nền dân chủ xô-viết và củng cố pháp chế xã hội chủ nghĩa. Tư tưởng cơ bản của những biện pháp đó là: có nhiều chức năng do các cơ quan Nhà nước chấp hành, được bắt đầu chuyển dần sang cho các tổ chức xã hội quản lý. Chẳng hạn như, ngay từ bây giờ, một số chức năng mà trước đây do các cơ quan Nhà nước chấp hành thì nay do công đoàn thực hiện. Trong tương lai, vai trò và tầm quan trọng của công đoàn, đoàn thanh niên, các tổ chức hợp tác xã và các đoàn thể quần chúng khác sẽ ngày càng được tăng cường.

Tuy nhiên, vai trò của các đoàn thể quần chúng ngày càng được tăng cường, hoàn toàn không làm giảm sút tác dụng của các cơ quan Nhà nước trong thời kỳ chuyển dần từ chủ nghĩa xã hội sang chủ nghĩa cộng sản. Bọn xét lại hiện đại ra sức hạ thấp vai trò của Nhà nước và của các cơ quan Nhà nước; quan điểm của bọn chúng về lý luận là không có căn cứ và về thực tiễn là có hại.

Trong cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư đã lẫn lộn và nhập làm một hai vấn đề khác nhau: vấn đề tiêu vong của Nhà nước và vấn đề

thay đổi một số chức năng của Nhà nước. Thực ra đó là những vấn đề hoàn toàn khác nhau. Sự tiêu vong, sự bãi bỏ một số chức năng này của Nhà nước xã hội chủ nghĩa sẽ đưa đến chỗ tăng cường, phát triển hơn nữa các chức năng khác. Trong giai đoạn xã hội chủ nghĩa, Nhà nước không những không tiêu vong, mà trái lại vai trò của nó, người tổ chức công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản, ngày càng được đề cao.

Ở Liên-xô đã xây dựng xong chủ nghĩa xã hội và đang thực hiện bước chuyển dần sang chủ nghĩa cộng sản. Đồng thời, Đảng Cộng sản áp dụng nhiều biện pháp nhằm củng cố Nhà nước xô-viết. Các nước dân chủ nhân dân đang ở trong những giai đoạn khác nhau của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội; trong các nước đó, tăng cường hơn nữa vai trò tổ chức của Nhà nước cũng là điều kiện quan trọng nhất của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Như Lê-nin đã nhiều lần vạch rõ, chỉ có dưới chế độ cộng sản chủ nghĩa, Nhà nước mới tiêu vong hoàn toàn.

Nhưng tại sao Nhà nước xã hội chủ nghĩa lại không thể tiêu vong ngay sau khi tiêu diệt các giai cấp bóc lột và xây dựng hoàn toàn chủ nghĩa xã hội ở trong nước này hay nước nọ?

Nhà nước không thể tiêu vong ngay sau khi tiêu diệt các giai cấp bóc lột, là do những nguyên nhân khách quan sau đây:

Thứ nhất, Nhà nước còn cần thiết để bảo vệ đất nước, bảo vệ những thành quả của cách mạng chống lại kẻ thù bên ngoài. Hiện nay trong khi các tập đoàn đế quốc xâm lược nặn ra những kế hoạch gây chiến tranh «cục bộ» và «tổng hợp», nếu thủ tiêu Nhà nước và chức năng quan trọng nhất đó của nó thì sẽ dẫn đến

kết quả là các nước xã hội chủ nghĩa bị tước bỏ mất vũ khí trước mặt chủ nghĩa đế quốc thế giới.

Thứ hai, Nhà nước xã hội chủ nghĩa là công cụ chủ yếu để xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa. Kinh nghiệm lịch sử của Liên-xô, Trung-quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã chứng minh điều đó. Đồng thời trong điều kiện chuyển dần từ chủ nghĩa xã hội sang chủ nghĩa cộng sản, Nhà nước có vai trò quyết định trong việc xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của xã hội cộng sản.

Thứ ba, trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, còn có một số điểm khác nhau giữa giai cấp công nhân và nông dân, còn có những sự khác nhau căn bản giữa lao động trí óc và lao động chân tay, việc phân phối vật phẩm tiêu dùng đương còn thực hiện theo lao động. Do đó nảy ra sự cần thiết là xã hội, Nhà nước phải tiến hành kiểm tra mức độ lao động và mức độ tiêu dùng.

Thứ tư, do kết quả của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nên đã có những sự thay đổi căn bản trong lĩnh vực kinh tế. Cùng với việc xây dựng và phát triển của xã hội xã hội chủ nghĩa và của chế độ Nhà nước Xô-viết, đã xuất hiện những quan hệ xã hội mới, những tiêu chuẩn mới trong quan hệ giữa người và người. Song dưới chế độ xã hội chủ nghĩa hãy còn có tàn tích của chủ nghĩa tư bản trong ý thức của một số người. Nhà nước và các cơ quan Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc khắc phục những tàn tích đó.

Thực tiễn của bản thân Nam-tư cũng có thể là một ví dụ hùng hồn chứng tỏ tính chất vô căn cứ của «lý luận» về sự tiêu vong của Nhà nước. Ai cũng biết rằng, ở Nam-tư từ 1950 đến 1953 đã tiến hành những biện pháp nhằm phân tán việc quản lý kinh tế: xây dựng

chế độ tự quản trong công nghiệp, trong vận tải và trong thương nghiệp để thay thế cho việc quản lý tập trung của Nhà nước. Những cơ quan quan trọng nhất của Nhà nước như Ủy ban kế hoạch của Liên bang và các nước Cộng hòa, các Bộ thuộc các ngành kinh tế khác nhau, bị thủ tiêu. Trung tâm lãnh đạo kinh tế được chuyển về các tổ chức theo lãnh thổ: công xã và khu vực, đồng thời thành lập cái gọi là hội đồng công nhân để quản lý các xí nghiệp.

Nhưng chẳng bao lâu các cơ quan lãnh đạo của Nam-tư, trên thực tế buộc phải lìa bỏ những tư tưởng «hoàn toàn phân tán và hoàn toàn dân chủ hóa» chế độ Nhà nước và việc quản lý kinh tế. Việc tăng cường tâm lý địa phương chủ nghĩa, việc mở rộng phạm vi hoạt động của các quy luật tự phát của sản xuất hàng hóa, đã buộc họ phải khôi phục lại sự lãnh đạo tập trung đối với nền kinh tế trong nước. Vì thế đã thành lập ba kiểu tổ chức kinh tế tập trung. Kiểu thứ nhất gọi là *Liên đoàn các tổ chức kinh tế*. Ban quản trị của liên đoàn có quyền trực tiếp can thiệp vào sự hoạt động của xí nghiệp, ra lệnh cho xí nghiệp, chỉ thị cho xí nghiệp... Kiểu thứ hai gọi là *Sở*, thành lập trong mỗi một ngành kinh tế. Nhiệm vụ cơ bản của sở là phối hợp và hiệp tác sản xuất, phân phối những nguyên liệu hiếm, chấp hành chính sách giá cả v.v. Tổ chức kinh tế tập trung kiểu thứ ba gọi là *Tổ chức đặc biệt*, thành lập trong những ngành sản xuất nhất định. Nó quản lý các vấn đề kỹ thuật, đào tạo cán bộ, tổ chức trao đổi kinh nghiệm công tác v.v.

Ngoài ra, để đấu tranh chống những xu hướng địa phương chủ nghĩa và tăng cường sự lãnh đạo tập trung đối với nền kinh tế trong nước, đầu năm 1956 đã thành lập một số Ban bí thư Nhà nước, trong đó có

ban bí thư về các vấn đề chung của nền kinh tế quốc dân, về các vấn đề công nghiệp, về các vấn đề nông nghiệp và lâm nghiệp, về giao thông vận tải, về các vấn đề lao động, phụ cấp xã hội, đồng thời thành lập một cơ quan liên bang quản lý việc kế hoạch hóa kinh tế.

Dưới sự kiểm soát trực tiếp của Nhà nước, tất cả các tổ chức kinh tế đều được vay tiền. Nhà nước đóng vai trò điều tiết trong lĩnh vực giá cả thị trường. Mặc dù hiện nay các xí nghiệp tự định ra giá cả về sản phẩm của mình, nhưng Nhà nước vẫn có quyền quy định giá thị trường tối đa về nhiều hàng hóa quan trọng.

Như vậy là trong lĩnh vực kinh tế của Nam-tư có hai xu hướng đối lập nhau: xu hướng phân tán và xu hướng tăng cường các cơ quan lãnh đạo tập trung đối với nền kinh tế, trước hết là các cơ quan kế hoạch. Nói thật thì các quan điểm «lý luận» của bọn xét lại Nam-tư là sự phản ánh hai xu hướng không thể điều hòa được trong sinh hoạt kinh tế của Nam-tư.

Quan điểm về sự tiêu vong của Nhà nước không những được tuyên truyền trong cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư, mà còn được hai nhà kinh tế học Bê-ren-xơ và Bê-na-ri ở nước Cộng hòa dân chủ Đức trình bày dưới một hình thức hồ đồ hơn. Họ tuyên truyền lý luận «tự quản trong kinh tế» để từ bỏ việc lãnh đạo kinh tế một cách có kế hoạch. Phủ nhận sự tồn tại của quy luật phát triển có kế hoạch (cân đối) của nền kinh tế quốc dân dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, Bê-ren-xơ và Bê-na-ri cho quy luật giá trị là người điều tiết chủ yếu nền sản xuất xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở của những căn cứ «lý luận» ấy, Bê-ren-xơ và Bê-na-ri kê ra những «đơn thuốc» thực tế về quản lý kinh tế. Theo ý kiến của họ thì Ngân

hàng phát hành phải nắm lấy việc lãnh đạo kinh tế; trong hoạt động của mình, Ngân hàng phát hành phải xuất phát từ quy luật cung cầu.

Ai cũng biết rằng, quy luật giá trị là quy luật của sản xuất hàng hóa. Vì trong chủ nghĩa xã hội còn có sản xuất hàng hóa và lưu thông hàng hóa nên còn có quy luật giá trị hoạt động. Nhưng liệu có thể cho rằng tác dụng của quy luật giá trị trong điều kiện xã hội chủ nghĩa cũng giống như trong điều kiện tư bản chủ nghĩa được không? Cố nhiên không thể được. Trong nền kinh tế hàng hóa mà chế độ tư hữu là hình thức sở hữu chiếm địa vị thống trị, thì quy luật giá trị là người điều tiết sản xuất một cách tự phát. Còn trong điều kiện của nền kinh tế hàng hóa mà cơ sở của chế độ tư hữu đã bị lung lay và thành phần xã hội chủ nghĩa chiếm địa vị chủ đạo trong nền kinh tế thì sự hoạt động của quy luật giá trị sẽ không giống như trên. Trong khuôn khổ của thành phần xã hội chủ nghĩa, quy luật giá trị không còn làm chức năng điều tiết sản xuất nữa. Đồng thời, nó lại tiếp tục gây ảnh hưởng điều tiết — nhưng với những sự hạn chế nhất định — việc sản xuất của các thành phần kinh tế hàng hóa nhỏ và tư bản tư nhân. Khi chế độ tư hữu bị tiêu diệt hoàn toàn và các hình thức kinh tế xã hội chủ nghĩa thắng lợi, thì chức năng đó của quy luật giá trị sẽ hoàn toàn không còn nữa. Quy luật phát triển có kế hoạch (cân đối) của nền kinh tế quốc dân sẽ có địa bàn hoạt động rộng rãi hơn, quy luật này đóng vai trò điều tiết sự phát triển của tất cả các ngành kinh tế quốc dân.

Trong khi phủ nhận vai trò điều tiết của quy luật giá trị, chính trị kinh tế học phần chủ nghĩa xã hội của chủ nghĩa Mác — Lê-nin đồng thời dạy rằng nhưng không thể rơi vào một cực đoan khác, tức là, nói chung,

không thể không chú ý đến quy luật đó, không thể coi thường sự hoạt động của quy luật đó. Nhận thức quy luật giá trị và vận dụng quy luật giá trị để phục vụ lợi ích của xã hội, là một trong những điều kiện quan trọng nhất để phát triển sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Những ý nghĩ xét lại của Bê-ren-xơ và Bê-na-ri, cuối cùng đưa đến một kết luận có tính lô-gích như sau: ngay trong điều kiện của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội, Nhà nước xã hội chủ nghĩa đã trở thành không cần thiết nữa. Bê-ren-xơ khẳng định rằng trong quá trình phát triển của phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa có 3 giai đoạn: giai đoạn cách mạng, giai đoạn quá độ và giai đoạn xã hội chủ nghĩa. Theo ý kiến của y thì trong các giai đoạn đó tiến hành hai quá trình: «... quá trình tăng cường Nhà nước cách mạng — nó bao trùm giai đoạn thứ nhất và phần lớn giai đoạn thứ hai; và quá trình tiêu vong Nhà nước, nó bắt đầu từ trong giai đoạn thứ hai và kết thúc trong giai đoạn thứ ba». Những quan điểm đó của Bê-ren-xơ và Bê-na-ri không phải là «phát minh» gì trong khoa học kinh tế. Những quan điểm đó là đứa con sinh đôi với «lý luận» của bọn xét lại Nam-tư về sự tiêu vong tất yếu của Nhà nước ngay trong một giai đoạn nhất định nào đó của thời kỳ quá độ.

Các nhà kinh tế học đó còn tuyên bố rằng, chủ nghĩa xã hội đòi hỏi sự «tự quản của nhân dân lao động trong kinh tế», rằng đó là một «tổ chức hợp lý để thông qua những người lao động ở các xí nghiệp mà vận dụng các quy luật kinh tế». Hơn nữa, theo ý kiến của Bê-na-ri, thì nước Cộng hòa dân chủ Đức đã bước vào thời kỳ mà «sự tự quản kinh tế có thể và hiện nay cần phải chiếm địa vị trong quản lý kinh tế ngang với một cơ quan Nhà nước tập trung».

Nhìn thấy hết những nguy cơ của các quan điểm ấy đối với sự nghiệp xã hội chủ nghĩa, Đảng Xã hội thống nhất Đức và Ban Chấp hành trung ương của Đảng đã kiên quyết lên án lập trường cơ hội chủ nghĩa của Bê-ren-xơ và Bê-na-ri.

Bọn xét lại hiện đại không phải chỉ hạn chế ở chỗ bàn luận về những «công thức đã chết, lỗi thời» của chủ nghĩa Mác—Lê-nin. Bọn chúng còn âm mưu vu khống chế độ xã hội chủ nghĩa, đánh giá thấp những thành tựu vĩ đại nhất của chủ nghĩa xã hội, ngăn cản sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Bọn xét lại Nam-tư hễ gặp thời cơ thuận tiện là rêu rao lên rằng: chỉ có bọn chúng mới đứng trên lập trường «đúng đắn», rằng chỉ có ở Nam-tư mới xây dựng những quan hệ xã hội chủ nghĩa chân chính. Theo bọn chúng, chế độ sở hữu Nhà nước trong các nước xã hội chủ nghĩa chẳng qua chỉ là «chế độ công hữu gián tiếp», nó đối lập với quần chúng và xa lạ với quần chúng. Chúng cho rằng thiếu sót cơ bản của chế độ sở hữu Nhà nước là ở chỗ: chế độ đó đẻ ra «xu hướng quan liêu Nhà nước».

Ở Nam-tư vừa xuất bản cuốn «Chính trị kinh tế học», tác giả của nó là M. Pê-rô-vích. Một trong những nguyên lý trung tâm của «tác phẩm» đó là chứng minh nguyên lý sau đây: «Chủ nghĩa xã hội và Nhà nước, cũng như chủ nghĩa xã hội và chế độ sở hữu Nhà nước — là hai khái niệm đối lập nhau, không thể điều hòa được». M. Pê-rô-vích quả quyết rằng: sự tồn tại của Nhà nước và chế độ sở hữu Nhà nước trong xã hội xã hội chủ nghĩa chẳng qua là sự bảo tồn một số đặc điểm của chủ nghĩa tư bản Nhà nước.

Trên cơ sở nào mà đi đến kết luận như vậy? M. Pê-rô-vích giải thích quan điểm của mình một cách trương

Quan trọng!

đối giản đơn. Theo ý kiến của y thì chế độ sở hữu Nhà nước không phải là chế độ sở hữu của toàn dân. Nó chỉ thuộc về bộ máy Nhà nước, thuộc về chế độ quan liêu. Để xóa bỏ những «thiếu xót» đó của chế độ sở hữu Nhà nước, M. Pê-rô-vích đề nghị chuyển giao tất cả mọi tư liệu sản xuất cơ bản sang tay những người trực tiếp sản xuất. Trên cơ sở đó—y khẳng định rằng—sẽ xuất hiện ra cái gọi là «chế độ sở hữu có tính chất xã hội trực tiếp» hay «chế độ công hữu của những người trực tiếp sản xuất».

Hình thức sở hữu có tính chất thần thoại đó mà M. Pê-rô-vích trình bày, là cái gì? Tất cả những tư liệu sản xuất cơ bản dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, liệu có thể trực tiếp thuộc về bản thân người sản xuất — cá thể hay tập thể, được không? Chỉ cần đặt vấn đề như vậy là có thể thấy rõ tính chất vô căn cứ của luận điệu nói về cái gọi là chế độ sở hữu «trực tiếp» của những người trực tiếp sản xuất.

Hình thức cao nhất của chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, không phải là sở hữu tập đoàn của từng tập thể người trực tiếp sản xuất, mà là chế độ sở hữu Nhà nước, toàn dân, vì trong hình thức sở hữu này, nguyên tắc xã hội hóa xã hội chủ nghĩa được thể hiện đầy đủ nhất. Đồng thời nó là hình thức sở hữu công cộng chiếm địa vị chủ đạo, quyết định sự phát triển của kinh tế xã hội chủ nghĩa không những ở thành thị mà cả ở nông thôn.

Vì vậy cho nên, thứ «lý luận» đòi hỏi phải chuyển giao tất cả những tư liệu sản xuất cơ bản cho từng tập thể những người trực tiếp sản xuất, là một điều không tưởng thuần túy tiểu tư sản, nó chỉ có tác dụng làm hại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội (thật ra việc chuyển giao đó cũng không được thực hiện triệt để ở

Quan trọng!

ngay bản thân nước Nam-tư). Bản thân tính chất của lực lượng sản xuất trong xã hội xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải có chế độ công hữu toàn dân về tư liệu sản xuất và thích hợp với chế độ công hữu đó là sự lãnh đạo thống nhất nền kinh tế quốc dân trên cơ sở chế độ tập trung dân chủ. Vì vậy cho nên, Lê-nin đã vạch ra rằng: « Bất cứ một sự hợp pháp hóa trực tiếp hay gián tiếp nào đối với quyền sở hữu của công nhân từng xí nghiệp hay từng nghề nghiệp về sản xuất đặc biệt của họ, hay hợp pháp hóa quyền làm suy yếu hay kìm hãm sự chi phối của chính quyền Nhà nước toàn quốc, thì đều có nghĩa là hoàn toàn từ bỏ chủ nghĩa xã hội »[1].

Để xuyên tạc nội dung của chế độ sở hữu Nhà nước dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, bọn lý luận gia xét lại, về thực chất, đặt chế độ sở hữu Nhà nước xã hội chủ nghĩa ngang hàng với chế độ sở hữu Nhà nước tư bản chủ nghĩa. Trong đó, họ xuất phát từ hình thức bề ngoài là chế độ sở hữu Nhà nước tồn tại cả trong chủ nghĩa xã hội lẫn trong chủ nghĩa tư bản, họ quên mất rằng trong các điều kiện kinh tế và xã hội khác nhau, chế độ sở hữu đó có tính chất khác nhau.

Về thực chất, Nhà nước tư sản là công cụ thống trị giai cấp của giai cấp tư sản. Vì vậy, bất cứ sự can thiệp nào của Nhà nước ấy vào nền kinh tế, đều phục vụ lợi ích của giai cấp tư sản, đều nhằm duy trì và tăng thêm lợi nhuận của các nhà tư bản. Ăng-ghen đã từng nhận xét rằng: không một biện pháp nào có tính chất tư sản lại có thể thay đổi bản chất giai cấp của Nhà nước tư bản. Ăng-ghen viết rằng: « ... Nhưng cả việc chuyển biến thành công ty cổ phần [và tơ-rớt] lẫn việc chuyển biến thành sở hữu Nhà nước, cũng đều

1. Báo « Sự thật » (Liên-xô), số ra ngày 22-1-1957.

không xóa bỏ được tính chất tư bản chủ nghĩa của lực lượng sản xuất... Nhà nước hiện đại, mặc dù dưới hình thức nào đi nữa, về thực chất cũng vẫn là một bộ máy tư bản chủ nghĩa: nó là Nhà nước của bọn tư bản, nó là một tên tư bản tập thể lý tưởng. Nó càng biến được nhiều lực lượng sản xuất thành sở hữu của nó thì nó càng trở thành một nhà tư bản tập thể và nó lại càng bóc lột được nhiều người công nhân hơn[1].

Chế độ sở hữu Nhà nước trong điều kiện xã hội chủ nghĩa, có tính chất hoàn toàn khác hẳn. Về thực chất nó là sở hữu của nhân dân. Tính chất toàn dân của nó, trước hết biểu hiện ở chỗ nó là nguồn quan trọng nhất để nâng cao không ngừng mức sống của toàn thể nhân dân lao động. Nhân dân, thông qua các cơ quan quản lý do họ bầu ra, thông qua công đoàn và các đoàn thể xã hội khác để tiến hành kiểm tra việc sử dụng những tư liệu sản xuất thuộc sở hữu Nhà nước. Các đoàn thể quần chúng đó ngày càng có tác dụng lớn lao trong việc quản lý toàn bộ sinh hoạt trong nước.

Bọn xét lại xuyên tạc thực chất của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, cố sức «bới lông tìm vết» những «điều xấu xa» trong phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa. Khi làm như vậy, bọn chúng phục vụ đắc lực cho giai cấp tư sản và bọn học giả tay sai của giai cấp tư sản.

Trong các nước tư bản, người ta viết hàng đống sách để ra sức xuyên tạc thực chất của các quy luật kinh tế khách quan của chủ nghĩa xã hội. Trong các sách vở đó, người ta đánh giá chế độ kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa như là chủ nghĩa tư bản «Nhà nước»

---

1. Ăng-ghen: *Chống Duy-rinh*, tiếng Nga, 1953, tr. 262 - 263.

hay chủ nghĩa tư bản «xã hội chủ nghĩa hóa». B. Đơ Ju-vơ-nen, nhà kinh tế học Pháp, cũng xuất bản một quyển sách với cái tên gọi đầy ý nghĩa «Một vài điểm giống nhau giữa chế độ kinh tế Xô-viết và chế độ kinh tế tư bản chủ nghĩa». E. Cờ-ren-ne, nhà kinh tế học Tây Đức, mưu đồ chứng minh rằng: ở Liên-xô và các nước dân chủ nhân dân, «phương pháp của chủ nghĩa tư bản Nhà nước thuần túy» chiếm địa vị thống trị. Trong việc đánh giá thực chất của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, bọn xét lại có đi xa hơn những luận điệu công khai trắng trợn của bọn kinh tế học tư sản không? Không, tuyệt đối không!

Các tập đoàn đế quốc ở các nước phương Tây nặn ra các kế hoạch nhằm làm suy yếu các nước xã hội chủ nghĩa và phá vỡ hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Báo chí phương Tây đã công khai nói lên lòng khao khát đó của giai cấp tư sản. Xun-béc-ghe, một nhà bình luận chính trị nổi tiếng của nước Mỹ, trong cuốn «Đại bình minh» xuất bản năm 1956, đã viết một cách vô cùng trắng trợn: «Điều chúng ta mong muốn hơn hết là phá vỡ nước đế quốc châu Âu là Liên-xô ra thành những mảnh nhỏ. Nếu như mỗi một mảnh nhỏ đó còn giữ lại cái hệ tư tưởng hiện nay của nó; thì chúng ta cũng sẽ không mất gì, tức là chúng ta không mất những mục đích cuối cùng của chúng ta. Chúng ta sẽ giành được địa bàn hoạt động chính trị ngay cả khi mà các nước dân chủ nhân dân còn là những nước cộng sản. Mục đích đầu tiên của chúng ta là phá vỡ khối thống nhất».

Để thực hiện mục đích ấy, giai cấp tư sản đặt hy vọng vào bọn xét lại hiện đại. Lợi dụng những câu văn có tính chất xã hội chủ nghĩa, bọn xét lại hiện đại mong tìm thấy những khẩu hiệu, về bề ngoài sát gần

với chủ nghĩa xã hội; những khẩu hiệu đó là sự che đậy tốt nhất hệ tư tưởng và chính sách của chủ nghĩa đế quốc. Cái gọi là «chủ nghĩa cộng sản dân tộc» là một trong những hình thức đấu tranh tinh vi nhất để chống lại các nước xã hội chủ nghĩa. Những kẻ theo «chủ nghĩa cộng sản dân tộc» đầu cơ trên những tình cảm dân tộc của một số người và một số dân tộc để khêu gợi tâm lý dân tộc chủ nghĩa, và trên cơ sở đó gieo rắc sự thù địch vào trong gia đình các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

Bọn xét lại đề cao quá đáng những đặc điểm dân tộc trong sự phát triển của nước này hay nước nọ, và về thực chất hoàn toàn bỏ qua những quy luật phổ biến của cách mạng xã hội chủ nghĩa và của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội mà các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã vạch ra, cũng như đã được chứng minh bằng thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô và ở các nước dân chủ nhân dân.

Tuy nhiên, Lê-nin đã nhiều lần nhấn mạnh rằng: Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười không phải có ý nghĩa địa phương, ý nghĩa đặc biệt dân tộc, mà nó có ý nghĩa quốc tế. Những quy luật phổ biến của cách mạng xã hội chủ nghĩa và của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội biểu hiện ở Liên-xô — nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên — sẽ bắt buộc phải áp dụng trong mọi nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Đó là một chân lý không thể bác bỏ được của chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

Những nguyên lý của Lê-nin về các nguyên tắc phổ biến của cách mạng xã hội chủ nghĩa và của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đã được phát triển hơn nữa trong bản Tuyên bố của hội nghị các đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa, thông qua vào

tháng 11 năm 1957. Những quy luật phổ biến được trình bày trong văn kiện lịch sử đó là: sự lãnh đạo của giai cấp công nhân mà hạt nhân là Đảng mác-xít — lê-nin-nít đối với quần chúng lao động trong việc tiến hành cuộc cách mạng vô sản dưới hình thức này hay hình thức khác, và trong việc kiến lập nền chuyên chính vô sản dưới hình thức này hay hình thức khác; sự liên minh của giai cấp công nhân với quần chúng nông dân cơ bản và các tầng lớp lao động khác; sự thủ tiêu chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa và kiến lập chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất cơ bản; sự cải tạo dần dần nền nông nghiệp theo chủ nghĩa xã hội; sự phát triển có kế hoạch nền kinh tế quốc dân nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, nhằm nâng cao mức sống của nhân dân lao động; thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa, và đào tạo một tầng lớp trí thức mới; xóa bỏ ách áp bức dân tộc và xây dựng sự bình đẳng và tình hữu nghị anh em giữa các dân tộc; bảo vệ những thành quả của chủ nghĩa xã hội chống sự phá hoại của mọi kẻ thù bên ngoài và bên trong; sự đoàn kết của giai cấp công nhân nước này với giai cấp công nhân tất cả các nước khác, tức là chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Nói một cách khác, những quy luật phổ biến đó được biểu hiện ra trong tất cả các lĩnh vực sinh hoạt xã hội: chính trị, kinh tế và tinh thần. Nhưng những quy luật phổ biến đó không hề bài xích những đặc điểm riêng của mỗi một nước hay của một số nước nào đó. Chủ nghĩa Mác — Lê-nin dạy rằng, cần phải thực hiện những nguyên tắc phổ biến của cách mạng xã hội chủ nghĩa và của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi một nước, phù hợp với tính đặc thù của mỗi một dân tộc. Lê-nin đã từng

vạch ra rằng : tất cả các dân tộc đều sẽ đi đến chủ nghĩa xã hội, đó là điều không tránh khỏi, nhưng tất cả các dân tộc sẽ không phải đi đến chủ nghĩa xã hội hoàn toàn giống nhau, mỗi một dân tộc sẽ đem đến phần độc đáo của mình về hình thức này hay hình thức nọ của nền dân chủ, về loại này hay về loại khác của nền chuyên chính vô sản, về tốc độ này hay tốc độ khác của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa trên các mặt sinh hoạt xã hội. Coi thường đặc điểm dân tộc, sẽ không tránh khỏi làm hại sự nghiệp của chủ nghĩa xã hội.

Đồng thời, chủ nghĩa Mác — Lê-nin cho rằng những âm mưu hòng thổi phồng đặc điểm dân tộc và đem đặc điểm dân tộc đối lập với những quy luật phổ biến của cách mạng xã hội chủ nghĩa và của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, là chủ nghĩa xét lại. Trong khi nhấn mạnh những hình thức muôn màu muôn vẻ của bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội trong các nước, Lê-nin luôn luôn vạch ra rằng, những đặc điểm phát triển của mỗi một nước không phải là những cái bản chất nhất, chủ yếu nhất, nó chỉ phản ánh những mặt thứ yếu. Những đặc điểm đó không xóa bỏ và không thể xóa bỏ được những quy luật phổ biến của quá trình lịch sử.

Phủ nhận những quy luật phổ biến của cách mạng xã hội chủ nghĩa và của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, có nghĩa là sa lầy vào lập trường của «chủ nghĩa cộng sản dân tộc», mà mục đích cuối cùng của nó là phá vỡ hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới và phong trào cộng sản quốc tế.

Trong cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư dành nhiều chỗ cho việc tuyên truyền lý luận «chủ nghĩa cộng sản dân tộc». Trong đó luôn luôn nhấn mạnh đến «khả năng có nhiều con đường

và hình thức đấu tranh khác nhau cho chủ nghĩa xã hội», ra sức quảng cáo cho cái gọi là «con đường Nam-tư». Các tác giả của bản cương lĩnh ca ngợi các hội đồng công nhân và toàn bộ hệ thống kinh tế của nước Nam-tư hiện đại. Nhưng tình hình thực tế đã bác bỏ những luận điệu ấy.

Trong nền kinh tế của Nam-tư, trong những năm vừa qua, phát triển mạnh xu hướng tư bản tư nhân, nhất là trong nông nghiệp. Kinh tế kiểu này vẫn là hình thức thống trị trong nông thôn Nam-tư, nó không thể đảm bảo thỏa mãn chắc chắn nhu cầu lương thực và nguyên liệu nông nghiệp.

Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô và ở các nước dân chủ nhân dân đã chứng minh rằng: con đường hợp tác hóa sản xuất của nông dân là con đường duy nhất đúng để phát triển tất cả các ngành trong nông nghiệp. Nhưng trong thực tiễn của Nam-tư thì cho đến nay vẫn coi thường chân lý phổ biến đó. Hiện nay trong nước Nam-tư đương xây dựng cái gọi là hội hợp tác kiểu chung, về thực chất nó là hợp tác xã mua bán.

Song bản thân hợp tác xã mua bán không thể đảm bảo phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất của nông nghiệp. Ngoài ra, trong điều kiện của Nam-tư, hợp tác xã đó về cơ bản phục vụ cho lợi ích của các tầng lớp khá giả trong nông thôn.

Thường thường, báo chí của Nam-tư không công bố những tài liệu nói lên tình trạng thực tế của nông nghiệp. Nhưng đôi khi trên báo chí có xen lẫn một vài ý kiến bắt buộc phải nói lên tình trạng không tốt đẹp trong ngành kinh tế ấy.

Chẳng hạn như trong một bài báo của bác sĩ Vơ-la-đi-mia Rát-scô-vích đăng ngày 7-2-1958 trên tờ «Người

cộng sản» có nói lên quá trình phân hóa nông dân đang diễn ra trong nông thôn Nam-tư, mặc dù nói một cách hết sức lờ mờ. Tác giả khẳng định rằng: ở Nam-tư không còn có nhiều những «phần tử tư bản — hiểu theo nghĩa kinh điển của chữ đó». Nhưng chính ở đây y lại buộc phải thừa nhận rằng ở trong nước đương còn có sự bất bình đẳng — hoặc nhiều hoặc ít — giữa người giàu và kẻ nghèo, trước hết về phương diện quy mô ruộng đất. Cũng còn có cả khá nhiều quan hệ có tính chất truyền thống giữa nông dân nghèo và nông dân giàu, còn giữ lại thái độ khoan dung đối với «người chủ», còn phải trả những món nợ cũ bằng cách lao dịch v.v. Ngoài ra, trong nông nghiệp Nam-tư, về thực tế còn sử dụng sức lao động làm thuê. Trong bài báo của mình, Rát-scô-vích đưa ra những số liệu thống kê về sử dụng sức lao động làm thuê trong kinh tế nông dân (theo tài liệu của Xéc-bi năm 1956).

Căn cứ theo những tài liệu ấy thì ta thấy rằng việc thuê mướn sức lao động được phân phối cho các hộ như sau: 16% cho số hộ có ruộng dưới 2 éc-ta; 29% cho số hộ có từ 4 đến 5 éc-ta; 52% cho số hộ có trên 8 éc-ta.

Như vậy là, việc sử dụng sức lao động làm thuê trong nông thôn Nam-tư tăng tỷ lệ thuận với mức tăng của diện tích đất đai. Rát-scô-vích cho những quan hệ hiện nay trong nông thôn Nam-tư là những «quan hệ giai cấp kiểu đặc biệt được thu nhỏ lại». Nhưng không thể đồng ý với những kết luận như vậy, vì trong nông nghiệp Nam-tư đương xảy ra quá trình phân hóa nông dân, và từ đó đẻ ra mọi hậu quả khác. Đó là một trong những kết quả phát triển của Nam-tư theo cái gọi là «con đường đặc biệt».

Bọn xét lại Nam-tư không những cho các cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã «già cỗi», mà còn

muốn «đánh đổ» toàn bộ kinh nghiệm lịch sử của việc xây dựng xã hội mới mà Liên-xô và các nước dân chủ nhân dân đã tích lũy được. Cái gọi là «con đường đặc biệt» trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Nam-tư, về thực chất là phủ nhận những quy luật phổ biến của cách mạng xã hội chủ nghĩa và của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa xã hội là một chế độ xã hội tiền tiến, nó đã thắng lợi hoàn toàn và triệt để ở Liên-xô; ở nhiều nước dân chủ nhân dân cũng đương hoàn thành việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Các quy luật phổ biến của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đã được thực tiễn của các nước đó thử thách và xác nhận. Do đó, điều rất thú vị là theo dõi xem các quy luật phổ biến đó được biểu hiện như thế nào trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mỗi một nước. Nói một cách khác, giữa quy luật phổ biến và sự biểu hiện đặc thù của nó, có mối tương quan như thế nào, cái nào giữ vai trò quyết định?

Chế độ công hữu về tư liệu sản xuất là cơ sở kinh tế của mọi Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Sau khi giành được chính quyền, nhiệm vụ của giai cấp công nhân mỗi nước là nắm lấy các mạch máu kinh tế. Để đạt mục đích đó, giai cấp vô sản tước đoạt tài sản của bọn tư bản và địa chủ, đồng thời tạo cơ sở cho nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Quy luật phổ biến đó đã được kinh nghiệm của tất cả các nước xã hội chủ nghĩa xác nhận. Nếu như giai cấp vô sản không biết nắm lấy các mạch máu kinh tế chủ yếu, thì sự nghiệp cách mạng nhất định sẽ bị sụp đổ. Chúng ta hãy nhớ lại một trong những sai lầm căn bản của Công xã Pa-ri là ở chỗ: công xã không quốc hữu hóa tư liệu sản xuất của giai cấp đại tư sản.

Nhưng quy luật phổ biến đó của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong các nước khác nhau, có những hình thức biểu hiện khác nhau. Ở Nga trong thời kỳ từ tháng 2 đến tháng 10 năm 1917, chính quyền nắm trong tay giai cấp tư sản và địa chủ. Trong những điều kiện như vậy, cố nhiên giai cấp công nhân không thể quốc hữu hóa công nghiệp và tịch thu ruộng đất của địa chủ. Nhưng một khi cách mạng xã hội chủ nghĩa đã thắng lợi, thì giai cấp công nhân thực hiện ngay lập tức những biện pháp đó.

Trong các nước dân chủ nhân dân Đông Nam Âu, quá trình chiếm giữ các mạch máu kinh tế đã diễn ra dưới những hình thức khác với nước Nga xô-viết. Ở đây, việc quốc hữu hóa được tiến hành trong giai đoạn thứ nhất và thứ hai của cách mạng. Sở dĩ như vậy là vì trong các nước dân chủ nhân dân châu Âu, ngay trong điều kiện cách mạng dân chủ tư sản, đã thực hiện nền chuyên chính dân chủ cách mạng của giai cấp công nhân và nông dân; nền chuyên chính này đã bao hàm mầm mống của nền chuyên chính vô sản. Cách mạng Trung-quốc và cách mạng ở các nước châu Á khác, đã có nhiều điểm đặc thù trong quá trình xã hội hóa tài sản tư bản chủ nghĩa. Song những đặc điểm ấy không phải là những cái chủ yếu, có tính chất quyết định. Nó chỉ là những biểu hiện cụ thể của quy luật phổ biến của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cách mạng xã hội chủ nghĩa gắn liền với sự tiêu diệt tất yếu của chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa và xây dựng chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất cơ bản.

Một trong những quy luật cơ bản của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa; công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là một thủ đoạn nhằm xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của xã

hội xã hội chủ nghĩa, vì xã hội xã hội chủ nghĩa chỉ có thể xây dựng trên cơ sở nền đại sản xuất cơ khí. Ưu tiên phát triển sản xuất tư liệu sản xuất là cơ sở của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Chân lý phổ biến đó của chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã được kinh nghiệm của Liên-xô và các nước dân chủ nhân dân hoàn toàn xác nhận. Mặc dù sự nghiệp công nghiệp hóa ở các nước dân chủ nhân dân có một số đặc điểm khác với Liên-xô, nhưng ưu tiên phát triển sản xuất tư liệu sản xuất vẫn là một cơ sở không thể lay chuyển được để phát triển nền công nghiệp của mỗi một nước xã hội chủ nghĩa.

Nhưng có điều kỳ lạ là một số nhà kinh tế học ở Liên-xô và ở các nước dân chủ nhân dân lại chống lại quy luật kinh tế khách quan ưu tiên phát triển sản xuất tư liệu sản xuất hoạt động trong chủ nghĩa tư bản cũng như trong chủ nghĩa xã hội. Họ khẳng định rằng, quy luật ưu tiên phát triển sản xuất tư liệu sản xuất do Mác tìm ra, chỉ hoạt động trong xã hội tư bản và không thể là quy luật của tái sản xuất mở rộng xã hội chủ nghĩa. Những nhà kinh tế học đó đề nghị quy định tốc độ phát triển như nhau cho khu vực I và khu vực II của nền sản xuất xã hội. Hơn nữa, họ còn cho rằng có khả năng ưu tiên phát triển sản xuất vật phẩm tiêu dùng so với sản xuất tư liệu sản xuất.

«Lý luận» đó được các tác giả của nó giải thích như sau: trong xã hội tư bản, mục đích của sản xuất không phải là con người và các nhu cầu của nó, mà là bòn rút lợi nhuận, do đó không tránh khỏi làm cho quần chúng lao động bị bần cùng. Kết quả là tiêu dùng lạc hậu hơn sản xuất, do đó hai khu vực của nền sản xuất xã hội có hai tốc độ phát triển khác nhau. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, mục đích của sản xuất là thỏa

mãn nhu cầu của con người, vì vậy — theo ý kiến của họ — giữa sản xuất và tiêu dùng phải có một quan hệ tỷ lệ khác hẳn. Do đó, các tác giả của thứ «lý luận» ấy đi đến kết luận rằng, quy luật ưu tiên phát triển sản xuất tư liệu sản xuất chỉ có thể là quy luật của tái sản xuất mở rộng dưới chế độ tư bản chủ nghĩa.

Trong thực tế, nếu áp dụng những quan điểm như vậy thì có nghĩa là từ bỏ đường lối chung về ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

Quan điểm sai lầm về lý luận và có hại về thực tiễn đó, đã bị bác bỏ. Trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, quy luật ưu tiên phát triển sản xuất tư liệu sản xuất, càng có ý nghĩa quan trọng hơn so với dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, bởi vì chỉ có trên cơ sở phát triển công nghiệp nặng hơn nữa mới có thể phát triển với tốc độ nhanh tất cả các ngành kinh tế khác. Khi so sánh công nghiệp nặng với con ngựa khỏe, đồng chí Khơ-rút-sốp nhấn mạnh rằng: «Có nó, chúng ta sẽ có tất cả những cái khác». Công nghiệp nặng là cơ sở của cơ sở phát triển tất cả các ngành khác trong nền sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Trong cuộc đấu tranh để xây dựng chủ nghĩa cộng sản, Đảng Cộng sản Liên-xô kiên quyết thi hành đường lối chung của Lê-nin về ưu tiên phát triển công nghiệp nặng. Nhưng trong mỗi một giai đoạn phát triển của lịch sử, trên cơ sở nghiên cứu một cách hết sức khoa học, Đảng quy định những tỷ lệ cụ thể về tốc độ phát triển của hai khu vực, để đảm bảo đầy đủ nhất cho việc phát triển không ngừng nền kinh tế quốc dân và nâng cao mức sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Tỷ lệ đó do nhiều nhân tố quyết định: mức sản xuất đã đạt được, quy mô của tích lũy xã hội chủ nghĩa.

Kế hoạch 7 năm là một bộ phận cấu thành của cương lĩnh kinh tế 15 năm nhằm xây dựng chủ nghĩa cộng

sản ở Liên-xô; trong kế hoạch đó, quy định phát triển mạnh mẽ hơn nữa tất cả các ngành kinh tế trên cơ sở ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

Nếu tổng sản lượng công nghiệp Liên-xô năm 1965 sẽ tăng lên khoảng 80% so với năm 1958, thì sản xuất của các ngành thuộc nhóm «A» sẽ tăng từ 85 đến 88%, còn nhóm «B» thì tăng từ 62 đến 65%. Từ năm 1959 đến năm 1965, tốc độ tăng trung bình hàng năm của tổng sản lượng trong công nghiệp nói chung là chừng 8,6%, nhóm «A»: 9,3%, nhóm «B» chừng 7,3%.

Trong các kế hoạch kinh tế quốc dân dài hạn, tất cả các nước xã hội chủ nghĩa đều chú trọng đến việc ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp nặng.

Chẳng hạn như Đảng Cộng sản Trung-quốc đã áp dụng một cách sáng tạo những quy luật phổ biến của việc xây dựng chủ nghĩa xã hội vào điều kiện cụ thể của Trung-quốc, đã động viên sức lực của 600 triệu nhân dân vào việc phát triển mạnh mẽ công nghiệp nặng. Trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, 87% tổng số vốn đầu tư vào công nghiệp được dùng để phát triển công nghiệp nặng. Việc hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đã đưa đến kết quả là tổng sản lượng công nông nghiệp của nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa đều phát triển mạnh mẽ. Nó là kết quả của việc xây dựng những ngành công nghiệp có tính chất quyết định. So với năm 1957, tổng sản lượng công nông nghiệp tăng lên 48%; đặc biệt phát triển mạnh là sản xuất gang, thép, than, thiết bị điện lực, đầu tàu, xe hơi, động cơ và nhiều loại hàng công nghiệp khác. Tất cả những thành tựu vĩ đại đó của công cuộc xây dựng kinh tế chỉ có thể đạt được nhờ đã ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

Quy luật ưu tiên phát triển sản xuất tư liệu sản xuất là quy luật kinh tế khách quan của tái sản xuất mở

rộng. Toàn bộ nền kinh tế quốc dân chỉ có thể phát triển mạnh mẽ hơn nữa trên cơ sở ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, nhất là các ngành có tính chất quyết định trong công nghiệp nặng. Đó là một trong những quy luật chủ yếu của việc xây dựng chủ nghĩa xã hội đã được thực tiễn của Liên-xô và các nước dân chủ nhân dân xác nhận.

Những quy luật phổ biến của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, được biểu hiện ra trong tất cả các mặt sinh hoạt kinh tế và chính trị. Nó cũng có liên quan với công cuộc cải tạo nông nghiệp, một ngành sản xuất vô cùng quan trọng.

Trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản, sản xuất trong công nghiệp được tích tụ cao độ. Nhưng bên cạnh đó lại có rất nhiều hộ tiểu nông phân tán. Sau khi nắm chính quyền, nhiệm vụ của giai cấp vô sản là tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa không những trong công nghiệp mà cả trong nông nghiệp. Như chủ nghĩa Lê-nin đã dạy và kinh nghiệm lịch sử đã chứng minh, hợp tác hóa là con đường duy nhất để thu hút nông dân lao động tham gia vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hình thức cao nhất của việc hợp tác hóa nông dân là hợp tác xã sản xuất, trong đó công hữu hóa tư liệu sản xuất và xóa bỏ chế độ tư hữu. Chân lý phổ biến đó của chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã được kinh nghiệm của Liên-xô và các nước dân chủ nhân dân châu Âu và châu Á xác nhận.

Mỗi một nước xã hội chủ nghĩa có những đặc điểm riêng của nó trong việc giải quyết nhiệm vụ lịch sử vĩ đại nhất là chuyển hàng triệu nông hộ lên con đường xã hội chủ nghĩa. Nhưng dù đặc điểm của công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp có muôn hình muôn vẻ thế

nào chăng nữa, nó vẫn không thể xóa bỏ được những quy luật phổ biến của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Bọn xét lại hiện đại, bất chấp các quy luật kinh tế khách quan và kinh nghiệm lịch sử, mưu đồ bác bỏ tính chất đúng đắn của học thuyết Mác — Lê-nin về tính tất yếu của việc hợp tác hóa kinh tế tiểu nông trong khi quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội. Ở nước Cộng hòa dân chủ Đức, trước đây ai cũng biết cái gọi là « cương lĩnh ruộng đất » do Phi-véc đề ra. « Cương lĩnh » ấy đã bị Đảng và nhân dân chỉ trích. Thực chất của nó là đòi từ bỏ việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp nước Cộng hòa dân chủ Đức, thủ tiêu các trạm máy nông nghiệp, tăng cường giúp đỡ những nông hộ khá giả v.v. Một số nhà kinh tế học ở Ba-lan cũng mưu đồ truyền bá những « lý luận » xét lại tương tự như vậy.

Trên những vấn đề ấy, bọn xét lại Nam-tư còn đi xa hơn bạn « đồng nghiệp » của nó. Bọn chúng ra sức chứng minh về mặt « lý luận » đường lối thu hẹp số lượng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở Nam-tư trong những năm vừa qua.

Khi nói đến chủ nghĩa xét lại hiện đại, thì còn cần phải nhấn mạnh một đặc điểm nữa của nó. Không thể « đánh đồ » được chủ nghĩa Mác — Lê-nin nói chung và học thuyết kinh tế của nó nói riêng, bọn cơ hội phái hữu mưu đồ chứng minh sự tồn tại của cái gọi là những « vết trắng » trong chính trị kinh tế học phần chủ nghĩa xã hội.

Trong bài « Nhìn qua lý luận phúc lợi kinh tế » đăng trong tạp chí « Na-sa sto-va-ro-nốt », Mác-xi-mô-vích — nhà kinh tế học Nam-tư — tuyên bố rằng chính trị kinh tế học phần chủ nghĩa xã hội chỉ có thể xây

dựng trên cơ sở lý luận tư sản về phúc lợi. Các nhà kinh tế học khác của Nam-tư lại mưu đồ gieo rắc luận điệu cho rằng hình như chính trị kinh tế học của chủ nghĩa Mác — Lê-nin không thể giải quyết nhiều vấn đề quan trọng nhất của chủ nghĩa xã hội. Theo họ, muốn thoát khỏi « bế tắc » đó thì chỉ có cách là cầu khẩn đến sự giúp đỡ của khoa học kinh tế tư sản và các nhà bác học của nó.

I-an Dre-nốp-ski và Sét-láp Gra-bốp-ski (hai nhà kinh tế học Ba-lan) cũng tuyên truyền những quan điểm phản mác-xít tương tự như vậy. Họ quả quyết rằng chính trị kinh tế học tư sản hiện đại còn có tính chất khoa học. Theo ý họ thì nhiệm vụ của các nhà kinh tế học các nước xã hội chủ nghĩa là tìm kiếm những nhân tố có tính chất khoa học trong các lý luận kinh tế tư sản hiện đại. Thậm chí I-an Dre-nốp-ski còn đề nghị áp dụng những « lý luận » ấy vào trong hoạt động thực tế của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Những nhà kinh tế học ấy không thể chứng minh một cách nghiêm túc quan điểm của mình, bởi vì trong điều kiện mà chính trị kinh tế học tư sản đã mất hết mọi ý nghĩa khoa học thì khó mà tìm được những luận cứ đáng tin cậy có lợi cho nó. Hiện nay những nhận xét của Mác đối với chính trị kinh tế học tầm thường cách đây gần một trăm năm, lại vang lên rất mạnh: « Từ nay, vấn đề không còn ở chỗ tìm hiểu xem định lý nào là đúng nữa, mà phải xem định lý ấy chướng tai hay êm tai, dễ chịu hay khó chịu đối với cảnh sát, có lợi hay có hại cho tư bản. Sự nghiên cứu vô tư đã nhường chỗ cho sự đả kích thuê, sự tận tâm tìm tòi đã nhường chỗ cho thái độ vô lương tâm, cho những thủ đoạn biện hộ hèn mạt của kẻ chuyên nghề

ca tụng »[1]. Chính trị kinh tế học tư sản hiện đại lại càng không thể nói đến tính chất khoa học nào hết.

Một luận điệu khác của bọn xét lại hòng phủ nhận cả sự tồn tại của chính trị kinh tế học phần chủ nghĩa xã hội là một luận điệu hoàn toàn ngu xuẩn, không có chút căn cứ nào. Chính trị kinh tế học phần chủ nghĩa xã hội, là một khoa học do các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác — Lê-nin sáng tạo ra. Trong hoàn cảnh lịch sử hiện nay, mỗi một đảng mác-xít, trong khi áp dụng một cách sáng tạo những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, thì đồng thời đề ra những hình thức cụ thể thích hợp nhất để thể hiện những nguyên lý ấy vào trong điều kiện của nước mình. Như thế là góp phần cống hiến vào lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong bài diễn văn tại Đại hội lần thứ VII của Đảng Cộng sản Bun-ga-ri ngày 3-6-1958, đồng chí Khơ-rút-sốp đã vạch ra rằng : « Mỗi một vấn đề thực tế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đều đồng thời là một vấn đề lý luận có quan hệ trực tiếp với việc phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Không thể tách rời hai việc đó ra ».

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, chính trị kinh tế học phần chủ nghĩa xã hội sẽ được phát triển sáng tạo hơn nữa, sẽ được phong phú thêm do có kinh nghiệm của tất cả các đảng mác-xít.

Trong lĩnh vực chính trị kinh tế học, chủ nghĩa xét lại hiện đại không phải chỉ hạn chế ở chỗ xuyên tạc những quy luật phát triển bên trong của xã hội xã hội chủ nghĩa. Bọn xét lại còn ra sức tạo ra một quan

---

1. Mác : *Tư bản*, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, 1959, t. I, tr. 21.

niệm không đúng về mối quan hệ giữa các nước xã hội chủ nghĩa, hy vọng gieo rắc sự bất hòa trong gia đình nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

Xuất phát từ một quan điểm giả dối về cái gọi là «sự phát triển không đều của chủ nghĩa xã hội», bọn chúng mưu đồ gán cho chủ nghĩa xã hội một số đặc điểm về mối quan hệ giữa các nước tư bản.

Những quan điểm lố bịch đó đã bị đời sống thực tế đánh đổ. Giữa các nước xã hội chủ nghĩa có những quan hệ tương trợ thực sự anh em, xây dựng trên nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa.

Hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa thế giới và hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa thế giới xây dựng trên những cơ sở kinh tế và chính trị đối lập nhau. Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, quy luật phát triển không đều về kinh tế và chính trị giữa các nước tư bản phát huy tác dụng. Sự phát triển diễn ra như sau: một số nước này không tránh khỏi vươn lên trước, phát triển vượt xa các nước khác. Những cường quốc đã tiến lên trước, muốn chiếm giữ địa vị đặc quyền, để nô dịch các nước khác.

Trong hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa có sự hoạt động của quy luật phát triển có kế hoạch (cân đối). Do có quy luật đó nên những nước trước đây lạc hậu thì nay dựa vào sự giúp đỡ anh em và kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa khác, có thể phát triển kinh tế và văn hóa với tốc độ nhanh. Như vậy là có sự phát triển đồng đều về kinh tế và văn hóa giữa tất cả các nước xã hội chủ nghĩa.

Tổng kết kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội và thực tiễn tương trợ lẫn nhau giữa các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, Đại hội lần thứ XXI của Đảng Cộng sản Liên-xô đã đi đến kết luận rằng, các

nước xã hội chủ nghĩa sẽ sớm muộn cùng một lúc chuyển lên giai đoạn cao của xã hội cộng sản.

Trong cuộc đấu tranh cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, các nước xã hội chủ nghĩa dần dần phát triển đồng đều, điều đó đã thực tế đánh đổ tất cả mọi sự bịa đặt «đáng thương» của bọn xét lại.

IV. ĐẬP TAN CHỦ NGHĨA XÉT LẠI HIỆN ĐẠI VỀ MẶT TƯ TƯỞNG

Như đã nói ở trên, trong những năm vừa qua, bọn xét lại hoạt động tích cực trong nhiều đảng cộng sản và công nhân. Điều đó, một lần nữa, xác nhận sự sáng suốt của chỉ thị của Lê-nin nói rằng: bọn cơ hội hữu khuynh — cứ đến mỗi một bước ngoặt mới trong đời sống xã hội, lại la ó về sự «già cỗi» của chủ nghĩa Mác, và kêu gọi đấu tranh chống những «công thức chết» của chủ nghĩa Mác. Dưới chiêu bài đấu tranh chống chủ nghĩa giáo điều, bọn xét lại hiện đại đòi hỏi xét lại tất cả những nguyên lý căn bản của chủ nghĩa Mác—Lê-nin nói chung và học thuyết kinh tế của nó nói riêng. Đồng chí Mao Trạch-đông đã vạch ra rằng: «Những kẻ theo chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh ngoài miệng cũng nói chủ nghĩa Mác, họ cũng đứng ra công kích «chủ nghĩa giáo điều». Nhưng những cái họ công kích lại chính là những cái căn bản nhất của chủ nghĩa Mác».[1]

---

1. Mao Trạch-đông: *Về vấn đề giải quyết đúng đắn những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân*, tiếng Nga, 1957, tr. 37.

Bọn xét lại mưu đồ gieo rắc sự bất hòa vào trong hàng ngũ phong trào cộng sản. Các đảng cộng sản và công nhân ở các nước tư bản, đã bị sự tấn công điên cuồng của các phần tử xét lại và các phần tử thủ tiêu. Một số Đảng đã trải qua những khó khăn nghiêm trọng.

Trong Đảng Cộng sản Mỹ, tình hình năm 1956 — 1957 thật là đặc biệt phức tạp. Nhóm xét lại quá khích nhất đứng đầu là Gây-xơ, đòi thủ tiêu Đảng và đề ra luận điệu đòi biến Đảng thành một hội liên hiệp hoạt động chính trị không có tính chất đảng phái.

Bọn xét lại hiện đại ở Mỹ có kinh nghiệm của Bơ-rau-đe (nguyên tổng bí thư Ủy ban toàn quốc Đảng Cộng sản Mỹ) trong việc phản bội lợi ích của giai cấp công nhân. Ai cũng biết rằng, đến cuối chiến tranh thế giới lần thứ hai, với sự giúp đỡ của những phần tử cơ hội khác, Bơ-rau-đe đã giải tán được Đảng Cộng sản và thành lập hội liên hiệp chính trị phi đảng. Nhưng trong Đảng có những lực lượng mác-xít lành mạnh đứng đầu là đồng chí Phốt-stơ đã khôi phục được Đảng Cộng sản Mỹ.

Bọn phản động Mỹ dùng đủ mọi biện pháp để bóp nghẹt phong trào cộng sản trong nước. Quốc hội Mỹ thông qua một loạt đạo luật chống cộng, nhiều nhà hoạt động nổi tiếng của Đảng bị cầm tù. Đảng đã trải qua một cơn khủng hoảng nghiêm trọng. Những phần tử phản bội, trước đây khéo léo che đậy bộ mặt thật của nó, nay lợi dụng những khó khăn đó. Bọn chúng cho rằng thời cơ thuận lợi để biến đảng mác-xít thành một cái na ná như câu lạc bộ tranh luận, đã đến.

Trên báo chí của Mỹ xuất hiện rất nhiều bài chống chủ nghĩa Mác. Những nguyên lý có tính chất «cương lĩnh» của bọn xét lại, được trình bày trong bài «Thời đại cải cách đã đến» của Jôn Gây-xơ đăng trong tạp

chí « Sinh hoạt chính trị » (11-1956). Gây-xơ khẳng định rằng: chủ nghĩa Mác — Lê-nin là cơ sở của tất cả mọi sai lầm biệt phái tả khuynh, vì vậy cần phải đánh đổ nó và thay thế bằng một thứ « triết học » mới. Bọn đồng lõa với Gây-xơ, nổi lên chống lại những nguyên tắc tổ chức của đảng mác-xít. Những tâm trạng thủ tiêu mà bọn xét lại truyền bá, đã ảnh hưởng đến một số đảng viên và tổ chức Đảng.

Do sự tấn công của bọn xét lại và bọn thủ tiêu, nên đầu năm 1957, Đảng Cộng sản Mỹ ở vào một hoàn cảnh rất khó khăn. Bọn xét lại đã sẵn sàng đi đến thủ tiêu Đảng.

Nhưng hy vọng của bọn chúng không thực hiện được. Chỉ có một nhóm nhỏ bọn phản bội và một số người không kiên định về chính trị, là đi theo bọn xét lại. Tại Đại hội lần thứ XVI của Đảng họp vào tháng 2 năm 1957, chủ nghĩa xét lại trong Đảng Cộng sản Mỹ đã bị giáng một đòn chí tử. Đại hội đã bác bỏ những đề nghị của bọn cơ hội hữu khuynh, đã xác định lòng trung thành của Đảng Cộng sản Mỹ đối với các nguyên lý của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Các đảng viên cộng sản, nhất là các tổ chức Đảng ở những vùng công nghiệp lớn nhất, đã kiên quyết chống lại nguy cơ hữu khuynh trong Đảng và tuyên bố trung thành với những tư tưởng đoàn kết quốc tế của giai cấp công nhân.

Cuộc hội nghị toàn thể của Ủy ban toàn quốc Đảng Cộng sản Mỹ họp vào tháng 2 năm 1958, đã có tác dụng to lớn đối với việc đập tan chủ nghĩa xét lại và đối với thắng lợi của tư tưởng Mác — Lê-nin. Hội nghị thông qua nghị quyết giải tán Ban Chấp hành mà trong đó có một số phần tử theo Gây-xơ, đồng thời bầu ra Ban Chấp hành mới. Hội nghị cũng đã thông qua nhiều nghị quyết nhằm cải tiến công tác tư tưởng trong Đảng.

Đảng Công nhân tiến bộ Ca-na-đa bị bọn xét lại tấn công rất dữ. Bọn phản mác-xít đứng đầu là Jô-dép Côn-sbéc (nguyên ủy viên Ban Chấp hành Ủy ban toàn quốc) mưu đồ đẩy Đảng xa rời lập trường Mác — Lê-nin và biến Đảng thành một hội liên hiệp chính trị kiểu Đảng xã hội cải lương thông thường.

Nhìn thấy hết nguy cơ của những kế hoạch phản bội ấy, hạt nhân mác-xít trong cơ quan lãnh đạo của Đảng Công nhân tiến bộ Ca-na-đa quyết định đập tan triệt để tập đoàn xét lại. Trong cuộc đấu tranh ấy, bộ phận chủ yếu của Đảng Công nhân tiến bộ Ca-na-đa đi theo hạt nhân cách mạng trong Đảng do đồng chí Tim-bắc đứng đầu. Nhóm phản đảng Côn-sbéc bị đập tan trong cuộc hội nghị toàn thể của Ủy ban trung ương của Đảng họp vào tháng 5 năm 1956, và đến Đại hội lần thứ VI của Đảng (tháng 4 năm 1957) thì hoàn toàn bị phá sản. Sau đại hội, chẳng bao lâu bọn cơ hội rút ra khỏi Đảng Công nhân tiến bộ Ca-na-đa. Tên đại biểu chủ yếu của bọn chúng là Côn-sbéc tuyên bố rằng nó sẽ thành lập một Đảng mới gồm những người «đã mất hết tin tưởng vào chủ nghĩa cộng sản». Nhưng giai cấp công nhân Ca-na-đa đã tẩy chay tổ chức mác-xít giả hiệu ấy.

Trong Đảng Cộng sản Anh, trong thời kỳ chuẩn bị Đại hội lần thứ XXV (4-1957), có một nhóm nhỏ hữu khuynh (Ca-đô-găng, Khin, Ma-cu-en v.v.) âm mưu gieo rắc nghi ngờ về sự đúng đắn của những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác—Lê-nin trong điều kiện nước Anh.

Bọn phái hữu trong Đảng Cộng sản Anh, trước hết chống lại nguyên tắc tập trung dân chủ của Lê-nin. Dưới chiêu bài «dân chủ hóa», bọn chúng đòi thủ tiêu đảng mác-xít và biến nó thành một tổ chức không có hình thù, trong đó không có «kỷ luật sắt». Tất cả

những cái gọi là yêu cầu có tính chất «cương lĩnh» đó được bọn phái hữu đề ra trước Đại hội lần thứ XXV của Đảng. Đại hội nhất trí chống lại những đề nghị phản mác-xít của bọn phái hữu. Các đảng viên cộng sản đều ủng hộ nghị quyết của đại hội.

Tại Đại hội lần thứ XXVI họp vào cuối tháng 3 năm 1959, Jôn Gôn-lan, Tổng bí thư của Đảng Cộng sản Anh, tuyên bố rằng: trong thời kỳ sau Đại hội lần thứ XXV, Đảng đã được củng cố về mặt chính trị và tiếp tục tăng cường lực lượng của mình. Cơ sở tư tưởng của chủ nghĩa xét lại đã bị đánh tan. Song, đồng chí Gôn-lan nhấn mạnh rằng: cuộc đấu tranh chống tư tưởng của bọn phái hữu trong phong trào công nhân và sự biểu hiện của nó là chủ nghĩa xét lại, vẫn là nhiệm vụ chủ yếu của Đảng Cộng sản Anh trong lĩnh vực tư tưởng.

Đảng Cộng sản Ý là một trong những đội tiên phong vững mạnh của giai cấp công nhân. Nhưng trong Đảng có những phần tử xét lại mưu đồ làm cho Đảng xa rời con đường đúng đắn. Về mặt này, An-tô-ni-ô Jô-li-ti tỏ ra đặc biệt sốt sắng, y mưu đồ «đánh đổ» học thuyết chuyên chính vô sản và các nguyên lý vô cùng quan trọng khác của chủ nghĩa Mác—Lê-nin. Trong Đại hội lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Ý (12-1956), cũng như trong các cuộc Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương sau đại hội, quan điểm của Jô-li-ti về «hòa bình cải tạo chủ nghĩa tư bản thành chủ nghĩa xã hội» đã bị bác bỏ một cách kiên quyết. Jô-li-ti rút ra khỏi Đảng và công khai chuyển sang phía kẻ thù hung ác nhất của chủ nghĩa Mác—Lê-nin. Đó là sự chứng minh tột nhất quan điểm của y.

Như trên kia đã nói, bọn xét lại hiện đại tăng cường âm mưu «đánh đổ» lý luận của Mác về sự

bần cùng hóa của giai cấp vô sản trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản. Về vấn đề ấy, Đảng cộng sản Pháp và Ban Chấp hành trung ương của Đảng đã phải tiến hành một cuộc đấu tranh đặc biệt gay go. Ai cũng biết rằng, ở Pháp có nhiều « nhà đánh đổ » chủ nghĩa Mác—Lê-nin đấu tranh chống lại « lý luận bần cùng » của Mác, kể từ nhà hoạt động chính trị tư sản nổi tiếng Măng-đét Phơ-răng cho đến Luýc-xen Lô-ra — một trong những tên theo chủ nghĩa xét lại ở Pháp. Bọn chúng ra sức làm cho nhân dân lao động nghi ngờ « quy luật nổi tiếng» (Măng-đét Phơ-răng gọi quy luật bần cùng hóa tuyệt đối như vậy). Để đạt mục đích ấy, bọn kinh tế học tư sản và bọn cải lương công bố những con số xuyên tạc, tìm kiếm những luận điệu nhằm buộc người công nhân phải tin tưởng vào việc nâng cao mức sống của họ.

Trong những điều kiện như vậy, Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Pháp đã tiến hành đấu tranh tích cực để bảo vệ học thuyết kinh tế của Mác. Các độc giả Liên-xô đều biết đến tác phẩm có nội dung phong phú của đồng chí Tô-rê «Những tài liệu mới về sự bần cùng hóa nhân dân lao động Pháp» xuất bản ở Liên-xô năm 1956. Tháng 5 năm 1957, trong « Tập san của chủ nghĩa cộng sản » có đăng một bài luận văn của đồng chí Tô-rê « Lại bàn về sự bần cùng hóa ». Trong bài này, rất nhiều tài liệu thực tế đã chứng minh một cách hùng hồn rằng trong tất cả các nước tư bản, nhân dân lao động đều bị bần cùng hóa tuyệt đối. Mức sống của quần chúng lao động bị giảm sút không những ở Pháp, mà cả ở Mỹ, Anh, Tây Đức và các nước tư bản khác. Những bài luận văn của Pi-e-rơ Mông-ju-a trong tạp chí « Kinh tế và chính trị », của Ăng-đơ-rê Stin trong báo « Nhân đạo » đã có tác dụng to lớn trong việc bảo vệ lý luận của Mác về sự bần cùng hóa.

Những tài liệu gần đây trong Đảng Cộng sản Đan-mạch đã nói lên mức độ nguy hiểm của chủ nghĩa xét lại hiện đại đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Bọn xét lại đứng đầu là Ác-xen Lác-xen (nguyên chủ tịch của Đảng), trong một thời gian dài, chờ đợi cơ hội thuận tiện để tấn công vào Đảng. Bọn phản mác-xít đã thẳng tay đấu tranh một cách trắng trợn và hăng hái. Trong thời gian tranh luận tại Đại hội lần thứ XX của Đảng Cộng sản Đan-mạch (tháng 10-11 năm 1958), Lác-xen và bè lũ của y có những lối lập luận mơ hồ. Bọn chúng muốn lừa gạt Đảng để giữ nguyên cương vị lãnh đạo của chúng trong Đảng, để sau đó thực hiện những kế hoạch phản bội của chúng.

Thậm chí Lác-xen tự cho mình là kẻ chống lại chủ nghĩa xét lại. Y quả quyết rằng: người xét lại là người công khai tuyên bố ủng hộ chủ nghĩa tư bản và các cơ sở bất di bất dịch của nó. Nếu chủ trương theo « lý luận » của Lác-xen thì thậm chí không thể liệt Bê-nê-đích Cau-ski vào hàng ngũ bọn chống chủ nghĩa Mác, bởi vì Bê-nê-đích Cau-ski tự liệt mình vào hàng ngũ những người ủng hộ chủ nghĩa xã hội và không công khai ủng hộ trật tự tư bản chủ nghĩa bất di bất dịch. Nhưng như tạp chí « Tu-đen » (12-1958) — cơ quan lý luận của Đảng Cộng sản Đan-mạch, đã vạch rõ: nếu bọn xét lại « công khai đứng về phía chủ nghĩa tư bản, thì đó không còn là chủ nghĩa xét lại nữa, mà là sự tuyên truyền trắng trợn chống chủ nghĩa xã hội. Thực chất của chủ nghĩa xét lại là ở chỗ: nó che đậy dưới cái vỏ ngụy trang hào nhoáng để *buôn lậu* hệ tư tưởng tư sản vào trong phong trào công nhân ».

Nhưng dù bọn xét lại Đan-mạch có ngụy trang thế nào đi chăng nữa, bọn chúng vẫn không thể lừa gạt

được Đảng. Đa số các đại biểu tại Đại hội lần thứ XX của Đảng Cộng sản Đan-mạch đã kiên quyết ủng hộ hạt nhân Mác—Lê-nin trong Đảng. Những người cộng sản Đan-mạch đã bảo vệ sự trong sạch của lý luận Mác—Lê-nin. Họ không để cho mình bị lừa dối trước những sự cam đoan rùm beng của bọn xét lại về «lòng trung thành với chủ nghĩa xã hội».

Bộ mặt thật của bọn xét lại Đan-mạch, nhất là của Ác-xen Lác-xen— kẻ cầm đầu bọn xét lại, đã bị vạch trần sau Đại hội lần thứ XX của Đảng Cộng sản Đan-mạch. Nếu trước kia Lác-xen không thừa nhận những sự kết tội về hoạt động bè phái của y, thì đến đầu năm 1959, y đã công khai thành lập cái gọi là «Đảng xã hội nhân dân». Muốn biết «đảng» đó là đảng gì, thì hãy nhìn đến thành phần của nó. Trong số những người đăng ký vào Đảng, có nhiều tên là đảng viên các đảng tư sản và xã hội dân chủ phái hữu.

Lê-nin, với thái độ khinh bỉ, gọi bọn xét lại là «cu-li bồi bút» của giai cấp tư sản, bọn chúng rất mực trung thành phục vụ giai cấp tư sản. Tên phản bội Ác-xen Lác-xen đã phản bội quyền lợi của nhân dân, của giai cấp công nhân và của Đảng, nó là một kiểu mẫu tay sai thực thụ không hơn không kém. Vì vậy cho nên các đảng viên của Đảng Cộng sản Đan-mạch đã bác bỏ những lời đề nghị của Lác-xen về gia nhập «đảng» mới do y thành lập gồm những phần tử phản bội.

Trong thời gian vừa qua, chủ nghĩa xét lại không chỉ ngóc đầu dậy trong các đảng cộng sản và công nhân các nước tư bản. Dưới hình thức này hay hình thức nọ, chủ nghĩa xét lại khôi phục hoạt động cả ở trong một số đảng mác-xít thuộc các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới.

Bọn xét lại trong Đảng Công nhân thống nhất Ba-lan, tấn công đặc biệt mạnh mẽ vào lý luận mác-xít và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội. Số lượng phần tử xét lại không nhiều, nhưng chúng la ó, gây nhiều tiếng vang. Tính chất nguy hiểm của chủ nghĩa xét lại biểu hiện ở chỗ: nó phá hoại từ bên trong sự thống nhất tư tưởng của Đảng và gieo rắc sự nghi ngờ vào chủ nghĩa xã hội, vào chuyên chính vô sản, vào vai trò lãnh đạo của Đảng; trong giờ phút khó khăn, nó đã mang lại những tác hại không phải là nhỏ. Bọn xét lại Ba-lan cũng như tất cả bạn đồng nghiệp của nó, không đề ra được một cương lĩnh lập trường riêng nào. Bọn chúng chỉ «phê phán» cương lĩnh của Đảng Công nhân thống nhất Ba-lan.

Ban Chấp hành trung ương Đảng Công nhân thống nhất Ba-lan đã thi hành hàng loạt biện pháp căn bản nhằm đập tan chủ nghĩa xét lại. Những vấn đề ấy được đem ra thảo luận tại Hội nghị lần thứ IX của Ban Chấp hành trung ương Đảng Công nhân thống nhất Ba-lan họp vào tháng 5 năm 1957. Hội nghị nhấn mạnh rằng, chủ nghĩa xét lại là nguy cơ tư tưởng chủ yếu ở trong Đảng. Vì vậy, trong nghị quyết của hội nghị có vạch ra rằng: «cần phải ra sức chống mọi biểu hiện của sự xa rời hệ tư tưởng của chúng ta, đấu tranh chống những sự biểu hiện ấy trong công tác tuyên truyền của Đảng, trên báo chí, trong các trường cao đẳng và trong các cơ quan khoa học». Chủ nghĩa xét lại bị giáng một đòn cuối cùng trong Hội nghị lần thứ X của Ban Chấp hành trung ương Đảng Công nhân thống nhất Ba-lan họp vào tháng 10 năm 1957.

Đại hội lần thứ III của Đảng Công nhân thống nhất Ba-lan họp vào tháng 3 năm 1959. Trong khi nói đến những thành tích vĩ đại của nhân dân Ba-lan trong việc

xây dựng một xã hội mới, đồng chí Gô-mun-ca, trong bản báo cáo tại đại hội, đã vạch ra rằng: «Con đường mà Đảng ta đã đi trong thời gian từ Đại hội lần thứ II cho đến Đại hội lần thứ III, đầy dẫy vô vàn khó khăn. Đảng đã khắc phục một cách thắng lợi những khó khăn ấy. Sở dĩ khắc phục được là vì mặc dù có nhiều sai lầm mà Đảng đã không thể tránh được, Đảng không bao giờ đi chệch lập trường chủ nghĩa Mác — Lê-nin, luôn luôn trung thành với những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin».

Trung thành với những tư tưởng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, là chìa khóa để giữ gìn mọi thành quả xã hội chủ nghĩa mà nhân dân lao động các nước dân chủ nhân dân châu Âu và châu Á đã đạt được. Chỉ cần đi trệch con đường đã được lịch sử khảo nghiệm đó, thì có thể lập tức sa xuống vũng lầy khó lòng rút ra được.

Bản Tuyên bố của hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa, đã đóng vai trò lịch sử hết sức to lớn trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại hiện đại. Trong văn kiện đó, cương lĩnh chung của tất cả các đảng mác-xít, đã nhận định một cách rõ ràng và chính xác chủ nghĩa xét lại là nguy cơ chủ yếu đối với toàn bộ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Được vũ trang bằng những nguyên lý của bản Tuyên bố, những Đảng mà trước đây bị chủ nghĩa xét lại tấn công điên cuồng, nay đã có thể giáng cho nó những đòn chí tử. Bản Tuyên bố đã vạch cho các đảng cộng sản và công nhân con đường đúng đắn để đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh — tay sai của giai cấp tư sản trong phong trào công nhân.

Như trong nghị quyết của Đại hội lần thứ XXI của Đảng Cộng sản Liên-xô đã vạch ra, sau hội nghị

Mát - scơ - va của các đảng cộng sản và công nhân họp vào tháng 11 năm 1957, sự đoàn kết trong các đảng cộng sản và trong toàn bộ phong trào cộng sản quốc tế đã được củng cố hơn nữa trên cơ sở tư tưởng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Chủ nghĩa xét lại đã bị đập tan về mặt tư tưởng và chính trị.

Tất cả các đảng cộng sản và công nhân anh em lập thành một mặt trận thống nhất đấu tranh chống những nguyên lý xét lại trong bản cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản Nam-tư đối lập với các nguyên tắc của bản Tuyên bố.

Phong trào cộng sản thế giới đã được củng cố. Các đảng mác-xít, sau khi quét sạch những phần tử xét lại ra khỏi Đảng, đã trở nên vững mạnh hơn về mặt tổ chức, tư tưởng và lý luận.

Những sự thật của thời gian qua đã chứng minh sự lớn mạnh của ảnh hưởng của các đảng cộng sản và công nhân. Đảng Cộng sản Ý, trước đây bị các thế lực phản động tấn công dữ dội nhưng trong những cuộc bầu cử vừa qua đã giành hơn 1/5 tổng số phiếu cử tri; năm 1958 có 10 vạn người gia nhập hàng ngũ Đảng. Trong các cuộc bầu cử hội đồng thành phố (tháng 3 năm nay) ở Pháp, những người cộng sản đã giành được thắng lợi mới to lớn, nó chứng tỏ ảnh hưởng của Đảng Cộng sản ngày càng lớn mạnh, quần chúng nhân dân càng củng cố lòng tin tưởng vào Đảng. Khối liên minh dân chủ của nhân dân Phần-lan mà Đảng Cộng sản là cơ sở, đã thu được nhiều phiếu nhất trong các cuộc bầu cử, và hiện nay có đảng đoàn lớn nhất trong nghị viện Phần-lan.

Ảnh hưởng của các đảng cộng sản trong các quốc gia trẻ tuổi của phương Đông, cũng ngày càng lớn mạnh. Chẳng hạn như trong năm vừa qua có hơn 70

ngàn người gia nhập Đảng Cộng sản Ấn-độ. Trong thời gian vừa qua, các đảng cộng sản ở các nước châu Mỹ la-tinh đã tích cực tăng cường hoạt động. Các đảng cộng sản và công nhân khác cũng thu được nhiều thành tích to lớn.

Thời gian ủng hộ chủ nghĩa cộng sản. Sức mạnh vô địch của tư tưởng Mác — Lê-nin đã được chứng thực trong mỗi một bước đi. Và ngược lại, sự tan rã của hệ tư tưởng tư sản và của những thứ «lý luận» của bọn xét lại, bọn cơ hội hữu khuynh, đã được số người ngày càng đông trên hành tinh chúng ta thấy rõ.

Trong thời gian gần đây, Đại hội lần thứ XXI của Đảng Cộng sản Liên-xô đã giáng một đòn chí tử vào hệ tư tưởng tư sản, vào chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa xét lại quốc tế; đại hội đã phê chuẩn những con số kiểm tra về phát triển kinh tế quốc dân Liên-xô từ năm 1959 đến năm 1965. Đó là một cương lĩnh vĩ đại về xây dựng chủ nghĩa cộng sản ở Liên-xô. Thành tích xây dựng chủ nghĩa cộng sản ở Liên-xô là một bằng chứng hùng hồn nhất nói lên tính chất chính xác của lý luận Mác — Lê-nin. Sự phát triển không ngừng trên con đường xã hội chủ nghĩa của các nước dân chủ nhân dân châu Âu và châu Á, cũng đã chứng minh sức mạnh vô địch của chủ nghĩa Mác—Lê-nin.

Chủ nghĩa xã hội — một chế độ xã hội tiên tiến, ngày càng bộc lộ rõ khả năng tiến bộ của mình. Kinh tế ngày càng phát triển thì mức sống của nhân dân lao động trong các nước xã hội chủ nghĩa ngày càng được nâng cao. Trong lúc đó các nước tư bản chủ nghĩa thì suy đồi và thoái hóa. Chế độ tư bản chủ nghĩa đã lỗi thời. Dù bọn cải lương và xét lại có cố gắng đến thế nào chăng nữa, bọn chúng vẫn không

thể xóa bỏ được những ung nhọt và che đậy những mâu thuẫn đối kháng sâu sắc đang hủy hoại phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Chủ nghĩa xét lại ra đời cách đây đã lâu. Ngay khi Mác và Lê-nin còn sống đã xuất hiện ra những tên «đánh đổ» học thuyết cách mạng của Mác và Lê-nin. Nhưng mọi cố gắng của chúng đều là «công dạ tràng». Lý luận của chủ nghĩa cộng sản khoa học vẫn sống và sống mãi, ngày càng tập hợp xung quanh mình đông đảo quần chúng lao động. Bọn xét lại hiện đại cũng sẽ cùng chung một số phận như các bậc tiền bối của chúng. Địa vị hiện nay của chúng đã bị vất vào sọt rác của lịch sử.

MỤC LỤC

Lời nhà xuất bản. 3

I — Nguồn gốc kinh tế và xã hội của chủ nghĩa xét lại và những nguyên nhân làm cho nó tích cực hoạt động trong thời đại hiện nay 5

II — Phê phán chủ nghĩa xét lại trong các vấn đề chính trị kinh tế học phần chủ nghĩa tư bản 19

III — Phê phán chủ nghĩa xét lại hiện đại trong các vấn đề chính trị kinh tế học phần chủ nghĩa xã hội 58

IV — Đập tan chủ nghĩa xét lại hiện đại về mặt tư tưởng. 95

In 3.069 cuốn tại Nhà máy in Tiến Bộ 175 Nguyễn-thái-Học Hà-nội — Khổ 13 × 19 — Xong ngày 27-9-1961 — Số X.B 106
Số in : 1906 — Gửi lưu chiểu tháng 9-1961

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

24, Quàng Trung — Hà-nội — Giây nói : 2008

ĐÃ XUẤT BẢN :

— **VỀ MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA DUY TÂM CHỦ QUAN HIỆN ĐẠI**

Viện Hàn lâm khoa học Liên-xô

— **PHÊ PHÁN NHỮNG KHUYNH HƯỚNG CHỦ YẾU TRONG NGHỆ THUẬT VÀ MỸ HỌC PHẢN ĐỘNG TƯ SẢN HIỆN ĐẠI**

P. S. Tơ rô-phi-mốp

— **KIÊN QUYẾT ĐẤU TRANH CHỐNG CHỦ NGHĨA XÉT LẠI**

Giá : 0 đ